
Ngày 4... tháng 4... năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP. HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM

Công ty: **Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**

Tên tiếng Anh: **Masan Group Corporation**

Mã chứng khoán: **MSN**

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 6256 3862 Fax: 08 3827 4115

Website: www.masangroup.com

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Phương Bắc

Địa chỉ: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại (cơ quan): 08 6256 3862 Fax: 08 3827 4115

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo thường niên năm 2015¹**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 4...../4...../2016 tại đường dẫn <http://masangroup.com/vi/quan-he-co-dong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

¹ Đính kèm bản tiếng Việt và tiếng Anh.



Người được ủy quyền công bố thông tin

GIÁM ĐỐC TUÂN THỦ



TRẦN PHƯƠNG BẮC



KỶ NIỆM



NĂM DẪN DẮT THAY ĐỔI ĐỂ KIẾN TẠO GIÁ TRỊ!

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015



TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC
CHO NĂM 2020

MỤC LỤC / MỤC LỤC

Thư ngỏ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	3
Câu chuyện đầy ấn tượng của Masan Group	16
Báo cáo của Ban Điều Hành	26
Báo cáo Tài chính	46
Thông tin Doanh nghiệp	152

20 NĂM DẪN DẮT THAY ĐỔI ĐỂ KIẾN TẠO GIÁ TRỊ TẦM NHÌN 2020

KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG,

Có một câu nói nổi tiếng như thế này: “Con tàu rất an toàn khi neo đậu tại cảng nhưng người ta đóng tàu không phải vì mục đích đó”.

Cách đây 20 năm, vào ngày 1 tháng 4 năm 1996, “con tàu” Masan rời “bến” để bắt đầu cuộc hành trình của mình, khởi đầu là kinh doanh thực phẩm tại thị trường Đông Âu. Thực ra trong quá khứ chúng ta cũng đã từng kinh doanh vận tải biển. Trong chuyến hải hành lần này, sứ mệnh quan trọng nhất của con tàu không chỉ đơn thuần là vận chuyển tương ớt và mì ăn liền ra thị trường nước ngoài, mà còn mang theo tầm nhìn cùng những giá trị được chia sẻ, giúp chúng ta có thể thực hiện được chuyến du hành của mình. Trong nhiều năm qua, chúng ta thường gọi đây là “Masanship”, vừa mang ý nghĩa “entrepreneurship” vừa là bản chất của việc kinh doanh xuất khẩu thuở ban đầu.

Masanship biểu trưng cho niềm đam mê, nhiệt huyết và tầm nhìn của tập thể chúng ta. Vào những ngày đầu của Masan, nhóm người cùng nhau thành lập công ty là những người Việt trẻ, vừa tốt nghiệp sau khi giành được học bổng đi du học ở Đông Âu. Chúng ta có cơ hội được chứng kiến một thế giới thay đổi nhanh chóng. Và điều khiến chúng ta trở nên khác biệt là chúng ta không muốn chỉ khoanh tay là người chứng kiến, hoặc an nhiên tận hưởng làn sóng tự do hóa kinh tế đang xảy ra xung quanh. Chúng ta muốn là nhân tố dẫn dắt sự thay đổi để kiến tạo giá trị, và trở thành những doanh nhân.

Ngay từ đầu, chúng ta xác định “entrepreneurship”, hay Masanship, là niềm đam mê khám phá và đáp ứng các nhu cầu lớn chưa được thỏa mãn bởi chúng ta tin rằng giá trị được tạo ra từ quy mô lớn, từ vị thế đón đầu các cơ hội lớn chưa được phục vụ đầy đủ. Ví dụ,

khi thành lập công ty đầu tiên, chúng ta không chỉ đơn thuần nhắm đến cộng đồng người Việt ở hải ngoại vốn đã quen thuộc với các sản phẩm thực phẩm châu Á. Mặc dù cách tiếp cận này sẽ là an toàn hơn. Nhưng không, chúng ta quyết định hướng đến việc phục vụ thị trường lớn hơn với 290 triệu người Đông Âu và họ đã nhanh chóng yêu thích các sản phẩm Việt của chúng ta.

Tuy gia tăng quy mô và đạt được sự thành công ở nước ngoài, nhưng chúng ta không bao giờ quên những nhu cầu lớn chưa được thỏa mãn của người dân Việt Nam nơi quê nhà. Những thành tích của Masan vào thời điểm đó chỉ mang lại cho chúng ta lòng tự hào và tự mãn nhỏ nhoi – dường như vẫn còn thiếu một điều gì đó. Năm 2002, Masan tung ra nhãn hàng nước chấm Chín-su ở thị trường nội địa, đặt bước chân nhỏ đầu tiên trong cuộc hành trình vận đặm phục vụ 90 triệu người tiêu dùng Việt và theo đuổi những mục tiêu to lớn hơn. Kể từ đó, chúng ta đã dẫn dắt sự thay đổi trong nhiều thị trường khác nhau, từ mảng thực phẩm và đồ uống đến chuỗi giá trị đậm động vật của Việt Nam, thậm chí cả thị trường vonfram toàn cầu.

Sau 20 năm, Masan Group ngày nay đã trở thành một trong những tập đoàn lớn nhất Việt Nam, tập trung vào hoạt động kinh doanh hàng tiêu dùng với vị thế dẫn đầu thị trường trong nhiều ngành hàng mà chúng ta hoạt động.

Nhìn về tương lai, chúng ta cùng chia sẻ mục tiêu năm 2020 của Masan: **là và được công nhận trên toàn cầu là niềm tự hào của Việt Nam thông qua việc tạo dựng một mô hình kinh doanh thành công độc đáo ở Châu Á**. Tuy nhiên, mục tiêu sẽ không đầy đủ nếu không có cách định lượng để đo lường thành công. Đối với Masan, thành công nghĩa là **đạt được giá trị vốn hóa thị trường bằng 10% GDP**, theo ước tính của chúng ta tương đương khoảng 20 tỷ USD vào năm 2020. Mục tiêu này nghe



có vẻ ảo tưởng, nhưng mục tiêu 1 tỷ USD cách đây 10 năm (mà chúng tôi đã đạt được trong năm 2011) và mục tiêu 5 tỷ USD cách đây 5 năm (mà chúng tôi đã đạt được trong năm 2015 dựa trên giao dịch với Singha) cũng như vậy. Như Steve Jobs, người sáng lập hãng Apple cũng vào ngày 1 tháng 4, cùng ngày với Masan (nhưng sớm hơn 20 năm), đã từng nói: “Stay hungry. Stay foolish” (Hãy luôn khao khát, hãy cứ dại khờ).

Nhưng chúng ta không cho rằng mục tiêu của mình là quá “dại khờ”. Có lẽ, cách nhìn sự việc của chúng ta theo một cách khác biệt. Trong khi nhiều người vẫn xem Việt Nam là một nước nghèo, thì chúng ta lại thấy Việt Nam là một đất nước rất giàu có về nguồn tài nguyên, không chỉ bao gồm các nguồn tài nguyên thiên nhiên mà còn gồm nguồn nhân lực. Theo cách nhìn của chúng ta, dân số 90 triệu của Việt Nam không chỉ là nguồn nhân lực giá rẻ, mà còn là nguồn tiềm năng sẵn sàng được khai phá. Người Việt có một di sản đáng tự hào là tuy nhỏ bé nhưng vẫn có thể biến những điều không thể thành có thể. Người Việt qua nhiều thế hệ luôn có sự tháo vát và óc sáng tạo, mỗi ngày thức dậy đều phải tìm cách nâng cao đời sống của gia đình. Người Việt có thu nhập chỉ bằng một phần mười thu nhập của người Mỹ, nhưng phải mua thịt với giá gần gấp đôi. Người Việt có tỷ lệ sở hữu vàng bình quân đầu người thuộc nhóm cao nhất trên thế giới, nhưng đại đa số thậm chí còn không có một tài khoản ngân hàng. Việt Nam là một trong những nước xuất khẩu cà phê lớn nhất thế giới, nhưng chúng ta trồng những giống cà phê có giá trị thấp và uống cà phê có chất lượng tệ nhất. Nước mắm là “quốc hồn quốc túy” của Việt Nam, nhưng ở nước ngoài, chúng ta chỉ có thể tìm thấy các nhãn hiệu từ các nước khác.

Ở Masan, chúng ta muốn trở thành một phần trong quá trình cải thiện và sự thay đổi hàng ngày này thông qua việc thúc đẩy và khai phá tiềm năng to lớn của người Việt. Sự kết hợp giữa nguồn tài nguyên thiên nhiên (có giới hạn) và nguồn nhân lực Việt (theo cách nhìn của chúng ta là không có giới hạn) tạo thành “kho báu quốc gia” tiềm ẩn của Việt Nam. Nếu chúng ta có thể khai phá kho báu này, chúng ta có thể tạo ra giá trị to lớn không chỉ cho Masan, mà cho toàn bộ người dân Việt Nam.

Khi con tàu ra biển lớn, sẽ luôn có rủi ro và có thể gặp phải thời tiết khắc nghiệt. Trong lịch sử 20 năm qua, chúng ta đã phải đối mặt với nhiều thách thức, có lúc thăng nhưng cũng có lúc trầm. Thị trường mới nổi luôn trải qua nhiều giai đoạn biến động và Việt Nam không phải là ngoại lệ. Mặc dù nền tảng của chúng ta hiện nay mạnh hơn nhiều so với khi chúng ta bắt đầu và kinh nghiệm cũng đã dạy cho chúng ta nhiều bài học, nhưng tầm nhìn và khát vọng của chúng ta cũng đã lớn hơn rất nhiều. Để biến thách thức thành cơ hội và rủi ro thành phần thưởng, Masan phải tiếp tục kiên định với những niềm

tin đã dẫn dắt chúng ta đến với ngày hôm nay. Chúng ta phải tiếp tục đam mê khám phá và đáp ứng những nhu cầu lớn chưa được thỏa mãn của người tiêu dùng. Chúng ta phải duy trì sự tập trung, làm ít hơn với quy mô lớn hơn. Chúng ta phải tiếp tục thay đổi các thị trường mà chúng ta hoạt động bằng cách kết hợp những sáng tạo đột phá với khả năng thực thi vượt trội. Nguồn nhân lực, vốn là tài sản và “kho báu” quan trọng nhất của Masan, phải tiếp tục trau dồi “ADN” đã tạo nên sự thành công của chúng ta trong 20 năm qua, đó là cam kết **dẫn dắt thay đổi để kiến tạo giá trị**. Chúng ta phải làm tất cả những điều này theo đúng các tiêu chuẩn cao nhất về tác phong chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm - bởi vì chỉ bằng cách làm thật tốt thì chúng ta mới có thể trở thành niềm tự hào của Việt Nam.

Khởi đầu hành trình vươn đến các mục tiêu năm 2020 mang lại cho chúng ta lý do để lạc quan khi nhiều sáng kiến quan trọng được triển khai trong những năm qua bắt đầu cho “quả ngọt”. Năm 2015 vừa qua là năm thành công nhất về mặt tài chính của chúng ta trong lịch sử những năm gần đây. Doanh thu thuần tăng 90% lên mức 30.628 tỷ đồng và lợi nhuận pro forma tăng 56,3%. Đối với năm 2016, chúng ta kỳ vọng doanh thu thuần tăng trưởng khoảng 50%, đạt gần 2 tỷ USD, và lợi nhuận sẽ tăng trưởng 25% đến 35%. Đòn tăng trưởng mạnh này thậm chí còn chưa tính đến thỏa thuận chiến lược trị giá 1,1 tỷ USD với Singha với kỳ vọng sẽ giúp chúng ta bước ra khỏi phạm vi biên giới để phục vụ 250 triệu người tiêu dùng của thị trường “Inland” ASEAN, bao gồm Việt Nam, Thái Lan, Myanmar, Campuchia và Lào. Con tàu Masanship lại một lần nữa chuẩn bị rời cảng.

Cuối cùng, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đến quý khách hàng, nhân viên, đối tác và tất cả những đơn vị liên quan khác đã hết lòng ủng hộ chúng tôi trong suốt 20 năm qua. Hành trình vừa qua thật là tuyệt vời. Đối với tất cả mọi người đang làm việc tại Masan, từ những người mới gia nhập gần đây đến những người đã từng kề vai sát cánh khi chúng ta không có gì ngoài tầm nhìn, các bạn đều là thuyền trưởng của con tàu Masanship. Tôi chỉ muốn nhắn nhủ các bạn rằng: “**keep going**” (Cứ dẫn bước).

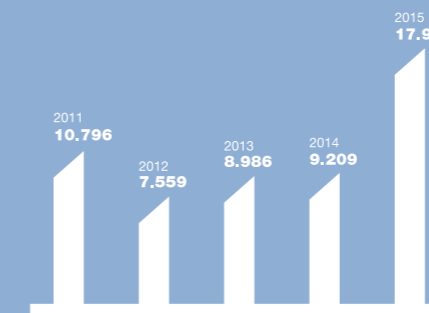
Trân trọng,



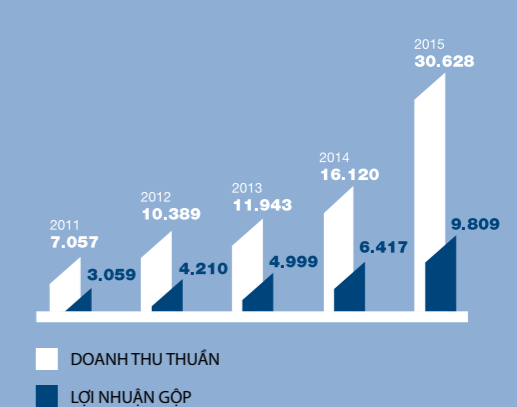
Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BẢNG THÀNH TÍCH 2015

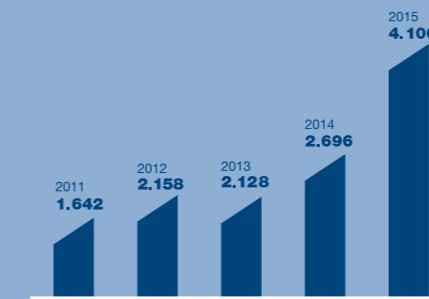
SỐ DƯ TIỀN MẶT¹ (TỶ ĐỒNG)



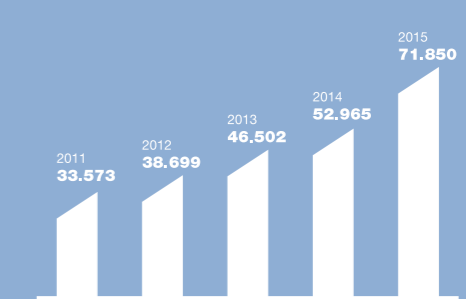
DOANH THU THUẦN VÀ LỢI NHUẬN GỘP (TỶ ĐỒNG)



EBIT (TỶ ĐỒNG)



TỔNG TÀI SẢN (TỶ ĐỒNG)



1. Năm 2015 gồm các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản đầu tư khác vào các tài sản sinh lãi. Tính đến 31/1/2016, số dư tiền mặt là 14.349 tỷ đồng sau đợt góp vốn đầu tiên của Singha theo thỏa thuận đối tác chiến lược và khoản tiền thu này được sử dụng để tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Masan Consumer.

Trong 20 năm qua, chúng ta đã xây dựng

**CÂU CHUYỆN
THÀNH CÔNG
TRONG KHỐI
KINH TẾ
TỰ NHẬN**

**NIỀM TỰ HÀO
CỦA VIỆT NAM**

Masan Group 2020: Là và được công nhận trên toàn cầu là niềm tự hào của Việt Nam thông qua việc tạo dựng một mô hình kinh doanh thành công độc đáo ở Châu Á





Ngày nay, 98% hộ gia đình

VIỆT NAM

sử dụng ít nhất một sản phẩm của Masan

INLAND ASEAN¹

Masan Consumer Holdings 2020: Tất cả các hộ gia đình Việt sử dụng tất cả sản phẩm Masan + Tất cả các hộ gia đình ở “Inland ASEAN” sử dụng ít nhất một sản phẩm của Masan

1. Bao gồm Việt Nam, Thái Lan, Myanmar, Campuchia và Lào.

Công ty sản xuất

THỨC ĂN GIA SÚC

trong nước lớn nhất Việt Nam

SẢN PHẨM ĐẠM ĐỘNG VẬT CHẤT LƯỢNG CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG

Masan Nutri-Science 2020: Là và được công nhận là người dẫn đầu thúc đẩy năng suất của ngành đạm động vật ở Việt Nam (theo tiêu chuẩn toàn cầu)





Hiện nay, chúng tôi đang vận hành

MỎ VONFRAM

lớn nhất Thế giới

**NHÀ CUNG
CẤP ĐƯỢC
ƯA THÍCH
TRÊN TOÀN
CẦU**

Masan Resources 2020: Chứng minh cho Thế giới thấy rằng một công ty Việt Nam có thể dẫn dắt sự thay đổi trong thị trường vonfram toàn cầu

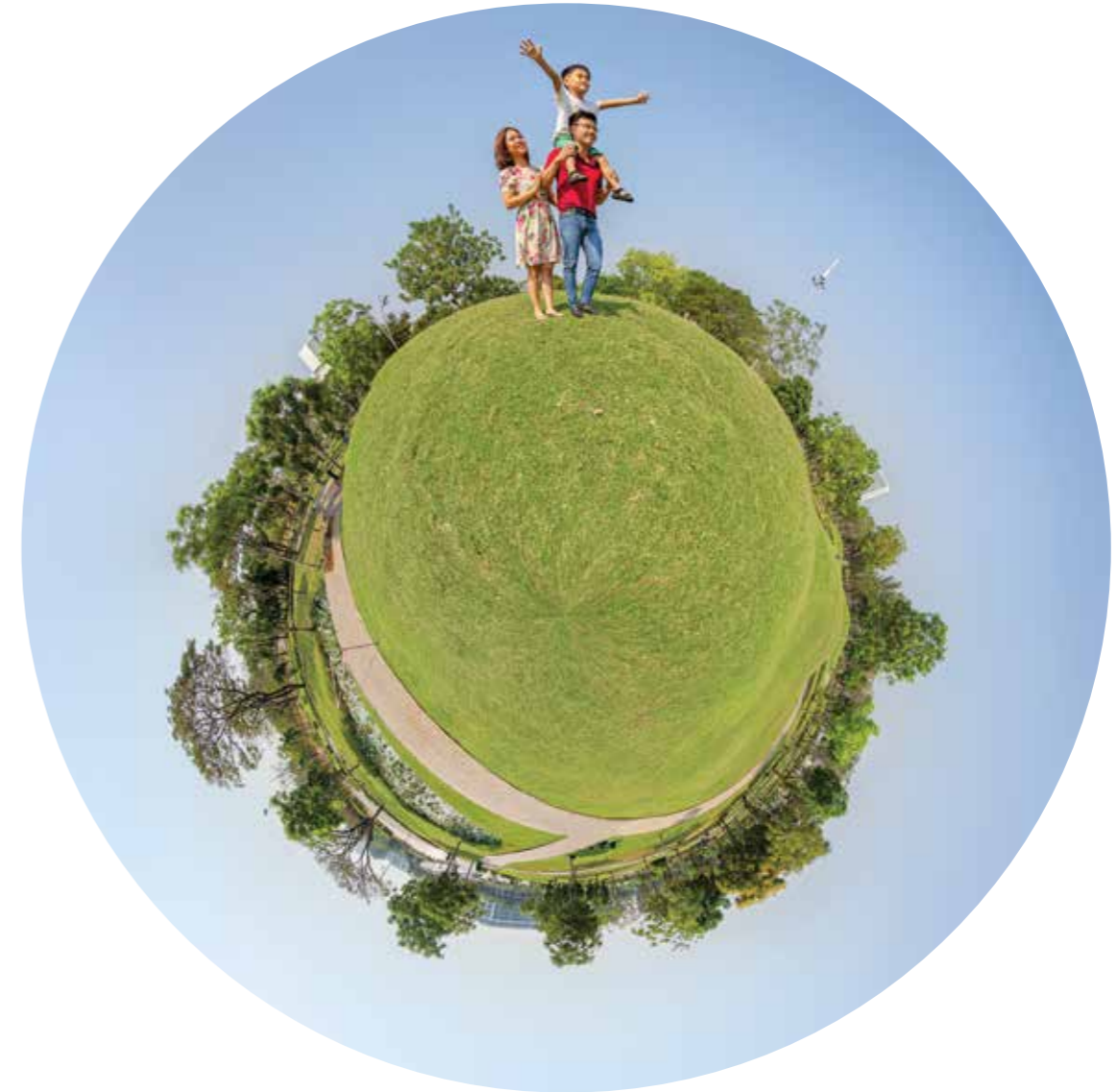
Hiện nay chúng ta phục vụ
nền kinh tế sử dụng

TIỀN MẶT

là chủ yếu

GIÁ TRỊ

Techcombank 2020: Là và được công nhận là
thủ lĩnh dẫn dắt những thay đổi về chất trong
ngành ngân hàng nhằm cải thiện đời sống tài
chính mỗi ngày của mỗi người và mỗi doanh
nghiệp Việt Nam



GIỚI THIỆU MASAN GROUP

DẪN DẮT THAY ĐỔI ĐỂ KIẾN TẠO GIÁ TRỊ

Masan Group là một trong những công ty hàng đầu trong khu vực kinh tế tư nhân của Việt Nam, tập trung vào các cơ hội tăng trưởng cao trong ngành tiêu dùng: thực phẩm, đồ uống, và trong chuỗi giá trị đậm động vật.

Chúng tôi đã gặt hái được nhiều thành tích ấn tượng trong các hoạt động xây dựng, mua lại và quản lý các nền tảng hoạt động kinh doanh có quy mô lớn. Các công ty thành viên của Tập đoàn bao gồm Masan Consumer Holdings, sở hữu các thương hiệu được ưa thích nhất Việt Nam trong ngành hàng thực phẩm và đồ uống (Chin-su, Nam Ngự, Tam Thái Tử, Omachi, Kokomi, Vinacafe, Wake-Up, Vĩnh Hảo và Sư Tử Trắng), và Masan Nutri-Science, là công ty với lĩnh vực kinh doanh nằm trong chuỗi giá trị đậm động vật lớn nhất của Việt Nam (với các thương hiệu Proconco và ANCO). Các mảng kinh doanh khác của Tập đoàn Masan bao gồm Masan Resources, một trong những nhà sản xuất vonfram và khoáng chất công nghiệp chiến lược lớn nhất thế giới, và ngân hàng Techcombank, là ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu tại Việt Nam.

Phương châm của Masan Group là “**Dẫn dắt thay đổi để kiến tạo giá trị**”, phản ánh niềm tin của chúng tôi rằng việc chạy theo các xu hướng sẽ không tạo ra giá trị, mà phải là người thay đổi cuộc chơi trong những lĩnh vực mà chúng tôi tham gia. Trong một thị trường đòi hỏi sự tập trung cao độ và quy mô lớn để tăng trưởng bền vững, chúng tôi cũng tin rằng **giá trị đến từ việc khám phá và đáp ứng những nhu cầu lớn chưa được thỏa mãn**.

Mục tiêu của chúng tôi là trở thành và được công nhận trên toàn cầu là niềm tự hào của Việt Nam thông qua việc tạo dựng một mô hình kinh doanh thành công độc đáo ở Châu Á.

LÀM ÍT HƠN NHƯNG PHẢI LỚN HƠN

Trong một thị trường năng động có nhiều cơ hội tiềm năng như Việt Nam, để một hoạt động kinh doanh thành công và vững mạnh, ngoài tính kỷ luật, chúng tôi còn tin vào một số yếu tố quan trọng khác như:

Sáng tạo và đáp ứng những nhu cầu lớn chưa được thỏa mãn

Masan tin tưởng rằng giá trị đến từ vị thế dẫn đầu và quy mô trong những cơ hội lớn chưa được phục vụ đúng mức. Chúng tôi cũng tin tưởng rằng trí tưởng tượng và khả năng sáng tạo không chỉ là hình dung ra những nhu cầu lớn chưa được thỏa mãn mà còn là cách thức thỏa mãn chúng thông qua các sản phẩm sáng tạo và những hiểu biết mới thật sâu rộng. Chúng tôi không muốn giành chiến thắng bằng cách bắt chước những điều người khác đang làm hoặc làm tốt hơn một chút. Chúng tôi muốn giành chiến thắng bằng cách thay đổi các quy luật của cuộc chơi.

Xuyên suốt lịch sử của Tập đoàn, chúng tôi đã tập trung vào các ngành hàng tiêu dùng có quy mô thị trường lớn và không ngừng tái định nghĩa các nhóm sản phẩm để mở rộng thị trường ở Việt Nam mà chúng tôi có thể tiếp cận lên mức hiện nay tổng cộng khoảng 9 tỷ đôla Mỹ. Thị trường này còn chưa tính đến ngành hàng mà chúng tôi vừa xâm nhập là thị trường đậm động vật của Việt Nam với quy mô khoảng 18 tỷ đôla Mỹ mỗi năm được người tiêu dùng chi cho các sản phẩm thịt, hay kế hoạch mà chúng tôi công bố gần đây nhằm phục vụ tốt hơn 250 triệu người tiêu dùng trên thị trường “Inland ASEAN”. Nhìn chung, các cơ hội trong ngành thực phẩm, đồ uống không cồn, bia, và đậm động vật là vô cùng to lớn. Người tiêu dùng trên thị trường “Inland ASEAN”

sẽ không ngừng đòi hỏi chất lượng tốt hơn, có thương hiệu mạnh, sự dễ dàng mua sắm và giá cả hợp lý.

Ví dụ về “nhu cầu chưa được thỏa mãn” là chuỗi giá trị đậm động vật kém hiệu quả tại Việt Nam. Chúng tôi tin rằng thật là phi lý khi người tiêu dùng Việt Nam với thu nhập trung bình chỉ bằng một phần mười thu nhập của người Mỹ nhưng phải thanh toán với giá gần gấp đôi cho các sản phẩm thịt có chất lượng không đảm bảo. Khởi đầu với mảng kinh doanh thức ăn gia súc thương mại, chúng tôi tin rằng có thể cải thiện năng suất của chuỗi giá trị đậm động vật để phục vụ người tiêu dùng tốt hơn với các sản phẩm thịt có giá cả phải chăng hơn, chất lượng cao hơn và an toàn hơn.

Trong các hoạt động kinh doanh ngoài lĩnh vực tiêu dùng, chúng tôi cũng đang tập trung vào các thị trường lớn với nhiều cơ hội đổi mới. Trên bình diện toàn cầu, khoáng sản công nghiệp mà chúng tôi khai thác và chế biến có tổng quy mô gần 4 đến 5 tỷ đôla Mỹ mỗi năm, trừ đồng. Nhu cầu chưa được thỏa mãn trong hoạt động kinh doanh tài nguyên của chúng tôi được minh chứng bởi nhu cầu của khách hàng muốn mua lượng hàng lớn từ nhà cung cấp đơn lẻ, khoáng sản không đến từ vùng xung đột, và từ nguồn ngoài Trung Quốc.

Công ty liên kết của chúng tôi, Techcombank, hoạt động trong ngành tài chính hiện đang trong quá trình tái cơ cấu và đây là lĩnh vực có dịch vụ và sản phẩm tài chính có tỷ lệ thâm nhập rất thấp nhưng được mong đợi sẽ gia tăng trong tương lai.

Kiến tạo quy mô và vị thế dẫn đầu

Để vươn tới thành công, chúng tôi cần có quy mô lớn. Trở thành người dẫn đầu thị trường về quy mô cho phép chúng tôi cạnh tranh thành công trong nền kinh tế có khu vực tư nhân trong nước bị phân mảnh và khả năng cạnh tranh khốc liệt từ các công ty đa quốc gia và doanh nghiệp nhà nước. Là một trong các công ty tư nhân lớn nhất Việt Nam, Masan sở hữu nguồn vốn lớn và đội ngũ quản lý chuyên nghiệp, cũng như quy mô đầu tư vào các ngành đang hoạt động. Chúng tôi kiến tạo quy mô thông qua sự tập trung và củng cố, đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh hiện có và thúc đẩy tăng trưởng bằng các thương vụ mua bán và sáp nhập doanh nghiệp phù hợp với ngành trọng tâm của chúng tôi. Điều này giúp chúng tôi củng cố các lợi ích từ quy mô lớn, hiệu quả hơn về mặt chi phí và đạt được biên lợi nhuận hàng đầu thị trường.

Kết quả là, ngày hôm nay, chúng tôi đang nắm giữ vị thế thống lĩnh trong hầu hết các thị trường và/ hoặc các ngành hàng mà chúng tôi tham gia cạnh tranh. Điển hình, chúng tôi là công ty số một Việt Nam trong ngành hàng gia vị (trong đó chúng tôi dẫn đầu các ngành hàng nước mắm, nước tương và tương ớt). Trong ngành hàng thực phẩm tiện lợi, chúng tôi phấn đấu đến cuối năm 2016 trở thành nhà sản xuất mì ăn liền số một.

Với việc thành lập công ty Masan Nutri-Science và tích hợp hai thương hiệu thức ăn gia súc hàng đầu, Proconco và ANCO, chúng tôi trở thành công ty Việt Nam lớn nhất hiện nay trong

Trong năm
2015, chúng tôi
được xếp hạng
20
trong danh sách các công
ty tăng trưởng sáng
tạo nhất Thế giới
(theo Forbes)

ngành đạm động vật với vị thế dẫn đầu trong mảng thức ăn chăn nuôi heo (không bao gồm trại gia công) và tổng doanh thu thuần đạt gần 1 tỉ đôla Mỹ trong năm 2015.

Sau khi vận hành thử thành công dự án Núi Pháo, hiện nay chúng tôi trở thành nhà cung cấp một số loại khoáng sản công nghiệp quan trọng như vonfram, florit và bismut lớn trên thế giới. Liên minh Châu Âu đã đưa vonfram và florit vào danh sách nhóm bốn "nguyên liệu thô thiết yếu" đối với Châu Âu (*Các nguyên liệu thô thiết yếu cho EU*, tháng 7/2010) xét về mức độ tập trung của các nguồn cung và tầm quan trọng của nó trong ngành công nghiệp Châu Âu.

Công ty liên kết của chúng tôi, Techcombank là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần lớn nhất Việt Nam. Nhờ hoạt động thận trọng trong giai đoạn suy thoái của ngành ngân hàng trong những năm qua, hiện nay ngân hàng Techcombank đang trên đà vươn tới vị thế dẫn đầu thị trường khi nền tảng ngành được cải thiện.

Hoạt động kinh doanh tạo ra dòng tiền

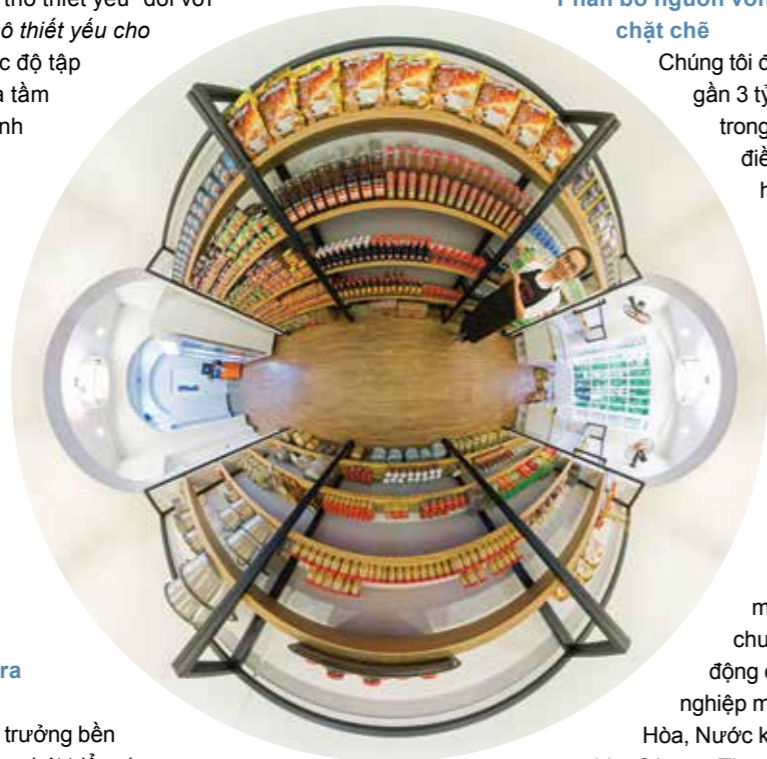
Masan tin tưởng rằng sự tăng trưởng bền vững trong một thị trường đang phát triển như Việt Nam đòi hỏi phải xây dựng các hoạt động kinh doanh tạo ra dòng tiền. Chúng tôi không tham gia vào hoạt động mua bán tài sản như mua quỹ đất hoặc tham gia đầu cơ ngắn hạn. Chúng tôi chỉ cạnh tranh trong những lĩnh vực có nội lực tăng trưởng mạnh, có mô hình kinh doanh hiệu quả đã được chứng thực từ khối kinh tế tư nhân trong khu vực và có tiềm năng xây dựng doanh nghiệp quy mô lớn. Do đó, chúng tôi đã xác định hàng tiêu dùng là ngành trọng điểm của mình.

Trong năm 2015, Tập đoàn ghi nhận EBITDA pro forma đạt 6,687 tỷ đồng với lượng tiền mặt hợp nhất đạt 17,944 tỷ đồng, bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn dưới hình thức tiền gửi kỳ hạn và các khoản đầu tư hường lãi khác. Con số này dự kiến sẽ tăng mạnh trong năm 2016 sau thỏa thuận đối tác chiến lược trị giá 1,1 tỷ đôla Mỹ với Singha và con số EBITDA kỷ lục trong năm 2016.

Phân bổ nguồn vốn cẩn trọng và kết cấu vốn chặt chẽ

Chúng tôi đã huy động được tổng cộng gần 3 tỷ đôla Mỹ nguồn vốn dài hạn trong những năm qua, qua đó tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các hoạt động đầu tư và xây dựng doanh nghiệp mang tính chiến lược tại Việt Nam. Chúng tôi đã thực hiện sự phân bổ nguồn vốn cẩn trọng bằng cách sử dụng phần lớn nguồn tiền thu được để đầu tư và tăng tỷ lệ sở hữu trong các hoạt động kinh doanh hiện hữu của công ty. Đối với việc mua lại dự án Núi Pháo, về cơ bản chúng tôi không dùng tiền mặt và chúng tôi đã triển khai chưa đến 20% nguồn vốn huy động được để mua lại các doanh nghiệp mới – cụ thể là Vinacafe Biên Hòa, Nước khoáng Vĩnh Hảo, nhà máy bia, Công ty Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn, Masan Nutri-Science và Nước khoáng Quảng Ninh.

Chúng tôi tin tưởng rằng hoạt động kinh doanh và những nhãn hiệu mang tính biểu tượng của các công ty này sẽ tạo ra những "con đường" rộng mở, giúp công ty thâm nhập sâu hơn vào các ngành hàng tiêu dùng.



NỀN TẢNG CHO ĐỔI MỚI

Sự tăng trưởng bền vững chỉ có thể đạt được thông qua việc xây dựng các hệ thống và nền tảng vận hành tốt nhất. Khi tham gia một ngành, chúng tôi phát triển hẳn một chiến lược riêng và các mô hình kinh doanh có thể nhân rộng để vươn đến vị thế dẫn đầu thị trường trong từng lĩnh vực kinh doanh. Điều này cho phép chúng tôi không ngừng đầu tư vào những hệ thống vận hành tốt nhất. Trong những năm qua, chúng tôi đã đầu tư phát triển những sản phẩm mới, xây dựng thương hiệu, nhà máy sản xuất, mạng lưới phân phối, hệ thống thông tin và quan trọng nhất là nguồn nhân lực.

Đúng người đúng việc và "PHƯƠNG THỨC MASAN"

Chúng tôi hoạt động theo "Phương thức Masan", một mô hình quan hệ đối tác độc đáo, theo đó, các bộ phận chức năng của Masan Group hợp tác bình đẳng và phát huy sức mạnh riêng của mình để thực thi các hoạt động xây dựng và phát triển kinh doanh có quy mô lớn. Những đội ngũ này đóng góp các chuyên môn sau đây:

- **Quản lý Rủi ro và Phân bổ Nguồn vốn**
Là nền tảng quản lý tài chính và đầu tư, đề cao hoạt động có trọng tâm, quản lý rủi ro và phân bổ nguồn vốn tối ưu;
- **Tiếp cận và Thực thi Địa phương**
Khả năng giúp chúng tôi tìm kiếm và triển khai các cơ hội kinh doanh, đồng thời quản lý hiệu quả những rủi ro địa phương; và

■ **Quản lý Chuyên nghiệp**

Đội ngũ những chuyên gia trong nước và quốc tế dày dặn kinh nghiệm, đứng đầu trong từng lĩnh vực, kết hợp với những đối tác chiến lược có uy tín.

Chúng tôi đã đầu tư mạnh mẽ để đảm bảo rằng Tập đoàn có một đội ngũ quản lý chuyên nghiệp vững mạnh ở tất cả các cấp, kể cả công ty con và công ty liên kết. Chúng tôi đặt niềm tin vào việc tuyển dụng những

chuyên gia có kinh nghiệm đa quốc gia và có kinh nghiệm làm việc ở thị trường trong nước. Tại Masan Group, các thành viên trong bộ máy quản lý mang lại kinh nghiệm cả về chiều rộng lẫn chiều sâu được hun đúc từ các ngân hàng đầu tư toàn cầu và các tổ chức tài chính khác. Tại các công ty con, đội ngũ quản lý của chúng tôi đến từ các công ty đa quốc gia hàng đầu như Unilever, Nestle, P&G, Pepsi, OZ Minerals, Placer Dome và MMG.

Quan trọng nhất là chúng tôi hết mực tin tưởng và đề cao những nhân tài biết phát huy khả năng lãnh đạo và có kinh nghiệm quản lý dự án với các sáng kiến đổi mới ở các tổ chức có tốc độ phát triển nhanh. Masan Group tập hợp nhiều chuyên gia trẻ, năng động và có kinh nghiệm thực thi quốc tế, có khả năng thực hiện nhiều dự án đa dạng để mang lại giá trị cao nhất cho cổ đông. Và chính các nhân tài của chúng tôi cũng là cổ đông Công ty.

Chúng tôi cùng nhau xây dựng một nền tảng thực thi độc đáo và đã thiết lập một kỷ lục thành công không ngừng trong một thị trường còn sơ khai. Đội ngũ quản lý của

Chúng tôi tin vào việc cải thiện chuỗi giá trị thông qua việc

sáng tạo và xây dựng thương hiệu

Chúng tôi đóng vai trò then chốt trong quá trình đổi mới Masan Group từ một văn phòng tư nhân khép kín với danh mục hoạt động kinh doanh và đầu tư dàn trải trở thành một trong những tập đoàn kinh tế tư nhân lớn nhất Việt Nam hoạt động có trọng điểm trong ngành hàng tiêu dùng.

Nhãn hiệu được người tiêu dùng biết đến và tin tưởng

Chúng tôi đã kiến tạo nên một danh mục các thương hiệu hầu như không có đối thủ và đã giành được rất nhiều sự ưu ái và tin tưởng của người tiêu dùng Việt Nam. Hoạt động trong thị trường có biến động cao về giá, chúng tôi tự hào khi đã có thể biến những sản phẩm đã từng được coi đơn thuần là hàng hóa nay đã trở thành những mặt hàng có thương hiệu riêng biệt có thể giữ vững được niềm tin và lòng trung thành của người tiêu dùng trong những phân khúc sản phẩm khác nhau và đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng Việt Nam.

Các nhãn hàng chính của chúng tôi bao gồm: trong ngành hàng gia vị có Chin-su, Nam Ngư và Tam Thái Tử; trong ngành hàng thực phẩm tiện lợi (bao gồm mì ăn liền, cháo và xúc xích) có Omachi, Kokomi, Komi và Cao Bồi; và trong ngành hàng đồ uống, chúng tôi có Vinacafé, Wake-Up, Phinn, Kachi, Vĩnh Hảo và Quang Hanh. Nhãn hàng bia Sư Tử Trắng của chúng tôi thuộc nhóm sản phẩm có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam với thông điệp “Bia thật, bạn thật” tạo được sự cộng hưởng mạnh với người tiêu dùng trong phân khúc phổ thông. Công ty Cổ phần Thực phẩm

Cholimex, công ty liên kết được chúng tôi mua một lượng cổ phần đáng kể vào cuối năm 2014, hiện cũng sở hữu những nhãn hàng nước chấm và gia vị nổi tiếng với khả năng phân phối mạnh mẽ trên kênh hàng quán. Nhìn chung, rất nhiều nhãn hàng của chúng tôi là những sản phẩm được bán chạy nhất trong các ngành hàng tương ứng.

Ví dụ về khả năng xây dựng thương hiệu của chúng tôi không chỉ giành được thị phần mà còn làm thay đổi chính thị trường là nhờ sản phẩm có Bio-zeem. Đây là thương hiệu enzyme độc quyền của chúng tôi nhằm tăng cường hệ thống miễn dịch của heo và cải thiện tỷ lệ chuyển đổi thức ăn. Masan giới thiệu ra thị trường các sản phẩm của Proconco và ANCO có chứa Bio-zeem mang lại giá trị gia tăng cao, và điều đó mang lại cho các thương hiệu này lợi thế to lớn trong một thị trường có vô số các lựa chọn khác cho người nông dân. Một điểm khác biệt nữa là chiến dịch quảng cáo truyền hình tổng lực của chúng tôi mà lần đầu tiên diễn ra tại Việt Nam. Quan trọng nhất là Bio-zeem có tác dụng thực sự. Tại Masan, các nhãn hàng của chúng tôi phải dựa trên sự đổi mới thực sự nhằm phục vụ khách hàng tốt hơn.

Ngoài lĩnh vực hàng tiêu dùng, ngân hàng Techcombank, một công ty liên kết của chúng tôi, là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân lớn nhất Việt Nam. Techcombank được công nhận là nhà cung cấp các dịch vụ và sản phẩm tài

chính đáng tin cậy, đặc biệt là đối với khách hàng cá nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Nhà máy sản xuất đẳng cấp cao nhất

Chúng tôi đã xây dựng các nhà máy sản xuất và chế biến tiên tiến, có thể được công nhận là tốt nhất không chỉ ở Việt Nam, mà là trên toàn cầu. Đặc biệt, chúng tôi là công ty đầu tiên trên thế giới thiết kế và xây dựng một dây chuyền sản xuất nước mắm hoàn toàn tự động. Trong mảng tài nguyên, chúng tôi đã xây dựng nhà máy chế biến quy mô lớn đầu tiên ở Việt Nam theo tiêu chuẩn quốc tế, có khả năng sản xuất bốn loại khoáng sản và kim loại khác nhau từ một thân quặng duy nhất. Chúng tôi tin rằng nhà máy này có dây chuyền chế biến vonfram hiện đại và tiên tiến nhất trên thế giới vì đây là dự án vonfram có quy mô lớn lần đầu tiên được đưa vào vận hành trong hơn một thập kỷ. Đối với các sản phẩm hàng tiêu dùng, chúng tôi hiện đang vận hành các cơ sở sản xuất ở Bình Dương, Tân Bình, Phú Quốc, Hải Dương, Biên Hòa, Long Thành, Bình Thuận, Phú Yên và Quảng Ninh. Những nhà máy sản xuất đẳng cấp thế giới này cho phép chúng tôi sản xuất sản phẩm đạt tiêu chuẩn cao về vệ sinh, an toàn thực phẩm cũng như hiệu quả với chất lượng đồng nhất cho người tiêu dùng. Trong năm 2015, chúng tôi đã xây dựng và đưa vào vận hành các nhà máy sản xuất mới tại Nghệ An và Hậu Giang nhằm mở rộng công suất, áp dụng các công nghệ sản xuất tiên tiến nhất, và đến gần hơn với khách hàng.

Đến cuối năm 2016, Masan sẽ có 13 nhà máy sản xuất thức ăn gia súc trên toàn Việt Nam. Nhờ tập trung vào hiệu quả hoạt động, quy mô và hoạt động thu mua, chúng tôi đạt được mức lợi nhuận gộp thuộc hàng cao nhất trong ngành thức ăn gia súc trên toàn cầu.

Trong năm 2015, chúng tôi đã khánh thành nhà máy chế biến hóa chất với đối tác liên doanh H.C. Starck, một nhà sản xuất kim loại kỹ thuật cao trên toàn cầu. Thông qua mối quan hệ đối tác này, Masan đã đưa bí quyết công nghệ cao độc quyền về Việt Nam để thâm nhập sâu hơn vào chuỗi giá trị của kim loại vonfram và đủ sức cạnh tranh trên toàn cầu

Tiếp cận người tiêu dùng

Chúng tôi đã tạo ra được mạng lưới phân phối sâu rộng nhất tại Việt Nam để cung cấp các sản phẩm và dịch vụ của mình cho khách hàng. Điều này rất quan trọng vì 70% dân số Việt Nam vẫn còn sống ở vùng nông thôn. Hiện nay, 98% tất cả các hộ gia đình Việt đều sử dụng ít nhất sản phẩm Masan.

Đối với sản phẩm hàng tiêu dùng, chúng tôi đã phát triển một mạng lưới phân phối trên toàn quốc với 250 nhà phân phối, phân phối đến gần 190.000 điểm bán hàng cho ngành hàng thực phẩm và 100 điểm bán hàng cho ngành hàng đồ uống. Mạng lưới này là một trong những mạng lưới rộng nhất và sâu nhất trong lĩnh vực hàng tiêu dùng nhanh tại Việt Nam. Trong những năm qua, chúng tôi đã nâng cao khả năng phân phối bằng cách bổ sung nhiều nhà phân phối ngành hàng đồ uống và các điểm phân phối hàng quán. Thành tích này giúp chúng tôi trở thành một trong số ít các công ty có sự hiện diện mạnh mẽ ở cả kênh phân phối hàng quán và truyền thống về thực phẩm và đồ uống. Chúng tôi cũng đã triển khai thành công Hệ thống quản lý nhà phân phối (“DMS”) tiên tiến cho 100% các nhà phân phối của chúng tôi, điều này giúp chúng tôi tiếp cận dữ liệu thời gian thực trên khắp mạng lưới phân phối.

Tại Masan Nutri-Science, chúng tôi có hơn 2.000 nhà phân phối để bán các sản phẩm của chúng tôi trên toàn quốc.

Techcombank duy trì một mạng lưới khách hàng và chi nhánh lớn mạnh. Trong năm 2015, ngân hàng này phục vụ hơn 4 triệu khách hàng cá nhân và 102.000 khách hàng doanh nghiệp thông qua mạng lưới 312 chi nhánh và phòng giao dịch, 1.231 máy ATM và hơn 1.600 điểm chấp nhận thẻ; như vậy Techcombank được xem là một trong những ngân hàng có mạng lưới lớn nhất trong số các ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân tại Việt Nam.

Có đối tác tin cậy và khả năng tiếp cận nguồn vốn

Chúng tôi đã hợp tác có chọn lọc với các công ty danh tiếng toàn cầu, có khả năng thẩm định và xác thực chiến lược kinh doanh, cung cấp thông tin về các cơ hội kinh doanh và có lợi

thể tiếp cận nguồn vốn dài hạn. Chúng tôi vẫn tiếp tục duy trì vị thế là đối tác được lựa chọn hàng đầu tại Việt Nam.

Trong những năm qua, chúng tôi đã huy động gần 3 tỷ đôla Mỹ từ các đối tác nổi tiếng, bao gồm các công ty có vốn tư nhân lớn như BankInvest/ PENM Partners, TPG Growth, Goldman Sachs, KKR, Mount Kellett, IFC, Dragon Capital và Chandler Corporation. Chúng tôi cũng đã trở thành một trong số ít các công ty Việt Nam thành công trong các mối quan hệ kinh doanh quốc tế, thị trường cho vay đôla Mỹ, nhận được các khoản vay lớn từ J.P. Morgan và Standard Chartered. Trong năm 2014, chúng tôi trở thành công ty Việt Nam đầu tiên phát hành trái phiếu bằng tiền Đồng được tổ chức Credit Guarantee and Investment Facility (“CGIF”), một quỹ ủy thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á, bảo lãnh. Bảo lãnh của CGIF giúp chúng tôi nhận được khoản vay với kỳ hạn dài nhất và lãi suất thấp nhất trong lịch sử khu vực kinh tế tư nhân tại Việt Nam.

2 Trong năm 2015, một lần nữa chúng tôi chứng tỏ khả năng huy động vốn của mình. Masan Consumer Holdings đã phát hành các trái phiếu trị giá 9.000 tỷ đồng với thời hạn 5 năm, được Vietcombank thu xếp và cùng 9 ngân hàng địa phương khác tham gia mua. Đây là giao dịch phát hành trái phiếu lớn nhất tại Việt Nam, là một phần trong nỗ lực đơn giản hóa bảng cân đối tài sản của chúng tôi, giảm bớt các khoản nợ lãi suất cao, kéo dài thời hạn thanh toán nợ, giảm các khoản nợ bằng đồng đôla Mỹ xuống gần bằng không, và tăng số dư tiền mặt để dành cho các khoản đầu tư tiếp theo trong lĩnh vực hàng tiêu dùng. Masan cũng đã tái cấp vốn thành công cho các khoản nợ ở cấp công ty mẹ và Masan Resources trong năm 2015.

Đáng kể nhất trong năm 2015 là chúng tôi đã ký kết thương vụ M&A lớn nhất trong lịch sử Việt Nam với trị giá 1,1 tỷ đôla Mỹ trong quan hệ đối tác chiến lược với Singha, hãng bia đầu tiên lớn nhất của Thái Lan. Ngay lập tức, chúng tôi có thể tiếp cận 65 triệu người tiêu dùng Thái Lan, là bước đầu tiên trong mục tiêu tiếp cận và phục vụ tốt hơn 250 triệu người tiêu dùng trên thị trường “Inland ASEAN”.

Ngoài ra, để trở thành “niềm tự hào của Việt Nam”, Masan sẽ tiếp tục xây dựng nền tảng truyền thông doanh nghiệp của

mình nhằm hỗ trợ tốt hơn mục tiêu trở thành một công ty niêm yết blue-chip và gia tăng tính thanh khoản của cổ phiếu. Bằng cách này, chúng tôi sẽ tiếp tục giảm chi phí vốn với khả năng tiếp cận thị trường vốn cổ phần được cải thiện.

Hợp tác với cộng đồng

Masan không những chú trọng xây dựng mà còn tập trung nuôi dưỡng các cộng đồng tại những nơi Masan có hoạt động kinh doanh. Ngoài việc là một trong những đơn vị đóng thuế lớn nhất tại các tỉnh hoạt động, chúng tôi cũng đã chủ động làm việc trực tiếp để cải thiện đời sống người dân trong cộng đồng. Một minh chứng rõ ràng của cam kết này là công tác của chúng tôi ở tỉnh Thái Nguyên, nơi triển khai dự án mỏ Núi Pháo.

Chương trình khôi phục kinh tế của chúng tôi tại dự án Núi Pháo tiếp tục tạo ra động lực và mang lại kết quả thực tế cho những người tham gia. Trong năm 2015, chúng tôi tiếp tục nhân rộng các sáng kiến thành công như quỹ hỗ trợ tài chính gia đình, tuyển dụng người dân bị ảnh hưởng bởi dự án sử dụng các nhà thầu địa phương và chi trả chi phí phục hồi kinh tế. Trong năm 2015, 50% nhân viên mới của dự án là người dân bị ảnh hưởng. Hiện nay, 714 người dân bị ảnh hưởng đang làm việc toàn thời gian cho dự án Núi Pháo, chiếm hơn 50% lực lượng lao động của công ty. Hơn nữa, trong năm 2013 và 2014, chúng tôi đã hỗ trợ thành lập 4 công ty tại chỗ (trong những lĩnh vực như trồng nấm, may mặc) để tạo thêm việc làm cho người dân bị ảnh hưởng. Năm 2015, những công ty này tăng trưởng đáng kể. Chúng tôi đã nhân rộng mô hình này và hỗ trợ thành lập thêm 2 công ty mới.

Trong năm 2015, chúng tôi đã tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng liên quan đến việc nhận diện các tác động và tìm kiếm giải pháp cho họ. Chúng tôi đã triển khai lịch họp mới hàng tuần và hàng tháng cho những dự án ảnh hưởng đến cộng đồng, tạo cơ hội cho các bên liên quan nêu ra và thảo luận các vấn đề. Chúng tôi đã tiến hành 56 cuộc họp với sự tham gia của 845 người. Chúng tôi cũng đã tăng hiệu quả giải quyết các khiếu nại của cộng đồng, chủ yếu liên quan đến các vấn đề tái định cư, bồi thường và môi trường (tiếng ồn, bụi và nước) và đã giải quyết hầu hết các vấn đề này.

Chúng tôi vui mừng khi được cộng đồng công nhận những nỗ lực của chúng tôi trong năm 2015 bằng rất nhiều giải thưởng có uy tín. Chúng tôi là doanh nghiệp duy nhất của tỉnh Thái Nguyên được nhận giải thưởng “Sao vàng Đất Việt” từ TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Hội các nhà Doanh nghiệp Trẻ Việt Nam. Giải thưởng này được trao tặng nhằm ghi nhận những đóng góp của chúng tôi vào quá trình phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. Chúng tôi cũng được trao tặng “Giải thưởng Xanh” của Tạp chí Kinh tế và Dự báo thuộc Bộ Tài nguyên Môi trường cho những nỗ lực áp dụng công nghệ và giải pháp xanh để bảo vệ môi trường tại Việt Nam. Chúng tôi cũng đạt Huân Chương Vàng cho việc thực hiện tốt hoạt động cộng đồng do Bộ Kế hoạch và Đầu Tư trao tặng vào năm 2013 và 2015.

TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG CỦA VIỆT NAM

Chiến lược của Masan Group được xây dựng dựa trên nhận định của chúng tôi về các cơ hội ở Việt Nam, một quốc gia có nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất khu vực Đông Nam Á. Từ năm 2005 đến 2015, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) thực đã tăng trưởng với tốc độ kép hàng năm là 6,8%. Trong năm 2015, tăng trưởng GDP đã vượt các dự đoán ban đầu ở mức 6,7% và dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng cao hơn trong năm 2016. Sự tăng trưởng của Việt Nam trong những năm vừa qua là nhờ dựa vào chi phí lao động thấp và năng suất gia tăng nhờ công cuộc “Đổi Mới”, giúp mở cửa thị trường và tích cực tham gia vào các thỏa thuận thương mại tự do, đặc biệt là TPP. Tuy nhiên, chúng tôi tin rằng giá trị đích thực của Việt Nam nằm ở tiềm năng tiêu dùng trong nước.

Tiềm năng tiêu dùng trong nước

Đặc điểm nhân khẩu học và mức thu nhập ngày càng tăng ở Việt Nam thúc đẩy sự tăng trưởng mạnh không ngừng của sức tiêu dùng trong nước. Đất nước vừa bước vào kỷ nguyên “Lợi tức Dân số -Demographic Dividend” dự kiến kéo dài 30 năm với đặc điểm gần 70% của dân số 90 triệu người nằm trong độ tuổi lao động và 56% dân số có độ tuổi dưới 30. Trong 10 năm tới, số người trong độ tuổi lao động dự kiến sẽ tăng thêm ít nhất 1 triệu người mỗi năm.

Lực lượng lao động ngày càng tăng sẽ thúc đẩy chi tiêu tiêu dùng. Bên cạnh đó, sự tác động hỗn hợp tích cực của tốc độ tăng trưởng kinh tế liên tục, quá trình đô thị hóa mạnh mẽ, “Lợi tức Dân số”, sự nổi lên của nhóm người thu nhập trung bình, và mạng lưới bán lẻ hiện đại đang mở rộng, góp phần thúc đẩy mức tăng trưởng tiêu thụ thực phẩm trong dài hạn và trung hạn. Ngành thực phẩm và đồ uống của Việt Nam được mong đợi duy trì mức tăng trưởng hai con số trong tương lai gần, do mức gia tăng thu nhập khả dụng kéo theo nhu cầu của người tiêu dùng nội địa tăng. Ngoài ra, người tiêu dùng không chỉ sử dụng những sản phẩm thực phẩm và đồ uống an toàn, mà chế độ ăn uống của họ cũng sẽ chuyển từ tinh bột sang đạm động vật nhiều hơn, đây là thị trường có trị giá 18 tỷ đôla Mỹ. Là nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi địa phương lớn nhất Việt Nam, Masan sẽ được hưởng lợi rất nhiều.

Những hạn chế của Việt Nam tạo lợi thế cho mô hình kinh doanh của chúng tôi

Việt Nam gần đây đã trải qua những thách thức kinh tế vĩ mô, bao gồm nợ xấu tăng cao và tăng trưởng tín dụng bị thu hẹp khiến tăng trưởng GDP chậm lại trong những năm qua. Trong năm 2015, mặc dù còn tồn tại rất nhiều thách thức đặc biệt trong ngành ngân hàng, Việt Nam đã đạt được mức ổn định kinh tế lớn hơn, khác với các năm trước đây khi lạm phát tỷ lệ lạm phát cao và mất giá của tiền Đồng. Ngoài ra, khu vực kinh tế tư nhân tuy tăng trưởng mạnh mẽ nhưng vẫn còn phân mảnh, thể hiện qua mức doanh thu và thị phần thấp. Các công ty thuộc khu vực kinh tế tư nhân cũng gặp nhiều khó khăn từ sự thiếu hụt nguồn vốn dài hạn, thiếu năng lực chuyên môn và sự cạnh tranh khốc liệt từ các công ty đa quốc gia. Masan Group quản lý các rủi ro này và giải quyết những mặt hạn chế gây khó khăn cho khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam bằng cách xây dựng quy mô và các nền tảng vận hành hàng đầu nhằm tránh các chu kỳ suy thoái tài chính, tiến hành hợp nhất kinh doanh và gia tăng thị phần.

LỊCH SỬ 20 NĂM ĐỔI MỚI CỦA TẬP ĐOÀN MASAN

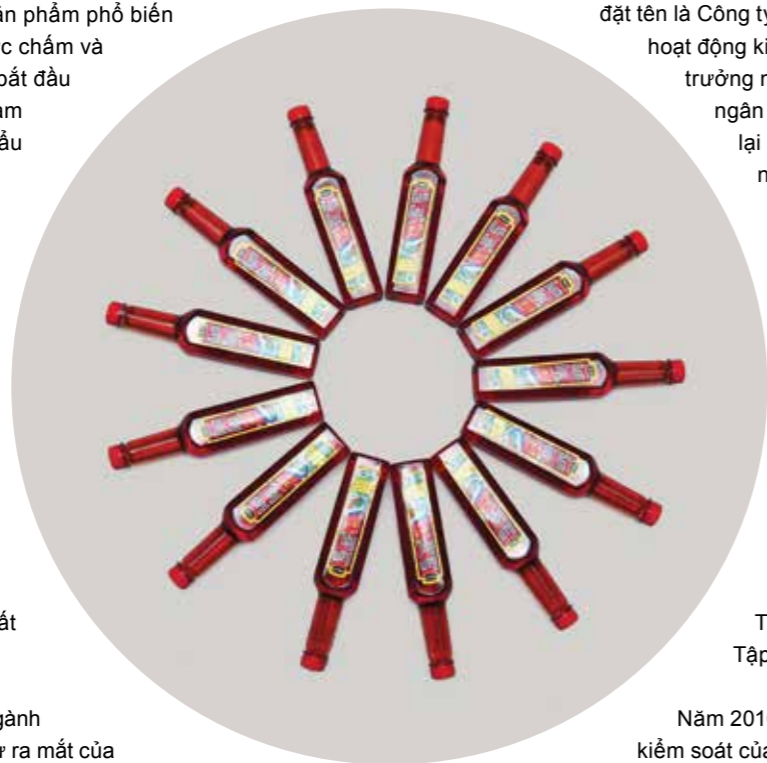
Công ty tiền thân đầu tiên của Masan Group được thành lập vào năm 1996, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thực phẩm và hàng tiêu dùng châu Á cho thị trường Đông Âu. Trong những ngày đầu, chúng tôi chủ yếu tập trung vào các thị trường Đông Âu và những sản phẩm phổ biến của chúng tôi là các loại nước chấm và mì ăn liền. Sau đó chúng tôi bắt đầu hoạt động sản xuất ở Việt Nam khi mảng kinh doanh xuất khẩu lớn lên. Tuy nhiên, đến năm 2000, chúng tôi chuyển sự tập trung nhiều hơn vào thị trường trong nước. Trong năm 2002, chúng tôi giới thiệu ra thị trường thành công sản phẩm nước tương cao cấp Chin-su. Sau thành công của Chin-su thì Công ty tiếp tục tung ra các nhãn hàng thành công nhất như Nam Ngư (nước mắm phổ biến nhất Việt Nam) và Tam Thái Tử (nước tương phổ biến nhất ở Việt Nam).

Năm 2007, Masan tham gia ngành hàng thực phẩm tiện lợi với sự ra mắt của Omachi, nhãn hiệu mì ăn liền cao cấp. Gần đây chúng tôi đã mở rộng danh mục thực phẩm tiện lợi với sự ra đời của Kokomi (mì ăn liền thị trường phổ thông) và Komi (cháo

ăn liền). Hiện nay, chúng tôi là công ty lớn thứ hai tại Việt Nam trong ngành hàng này.

Năm 2008, công ty đã được cơ cấu lại và chính thức đặt tên là Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, hoạt động kinh doanh thực phẩm tăng trưởng nhanh và giữ 20% cổ phần tại ngân hàng Techcombank, mang lại cho Tập đoàn quy mô và khả năng tiếp cận lớn hơn đến tầng lớp trung lưu đang nổi lên tại Việt Nam. Masan Group được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 5 tháng 11 năm 2009 với mã chứng khoán "MSN", và ngay lập tức trở thành công ty lớn thứ sáu tại Việt Nam theo giá trị vốn hóa thị trường. Trong năm 2009, một số nhà đầu tư nổi tiếng toàn cầu như TPG đã trở thành cổ đông của Tập đoàn.

Năm 2010, Tập đoàn mua lại cổ phần kiểm soát của mỏ Núi Pháo, một trong những mỏ vonfram lớn nhất thế giới và thành lập công ty Masan Resources. Masan Group cũng tăng lợi ích kinh tế thực tại Techcombank trong năm này.



Năm 2011, Masan Group gia nhập thị trường đồ uống bằng cách mua lại quyền kiểm soát Vinacafe Biên Hòa, nhà sản xuất cà phê hòa tan lớn nhất Việt Nam. Kể từ đó, công ty đã phát triển mảng kinh doanh đồ uống của mình để trở thành không chỉ là nhà sản xuất cà phê hòa tan lớn nhất Việt Nam với các nhãn hàng Vinacafe và Wake-Up, mà còn là công ty nước khoáng trong nước lớn nhất với các nhãn hàng như Vĩnh Hảo và Quang Hanh. Tháng 4 năm 2011, KKR đã đầu tư 159 triệu đôla Mỹ vào mảng kinh doanh thực phẩm và đồ uống của Masan Group. Hai năm sau, KKR đã giá trị tăng đầu tư thêm 200 triệu đôla Mỹ.

Năm 2014 đánh dấu năm hoạt động đầu tiên của Masan Resources với việc đưa khánh thành nhà máy chế biến khoáng sản Núi Pháo. Khi đạt được cột mốc này, Masan Group trở thành công ty đầu tiên trên thế giới trong hơn một thập kỷ đưa một dự án vonfram mới vào vận hành. Masan Resources được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội trong năm 2015.

Vào tháng Chín năm 2014, Masan Group giới thiệu bia Sư Tử Trắng, là nhãn hàng bia phổ thông này đạt tốc độ tăng trưởng nhanh nhất tại Việt Nam trong năm 2015. Do sự tăng trưởng mạnh mẽ của mảng kinh doanh bia, vào tháng 12 năm 2015, Masan Group đã tăng gấp bốn lần công suất sản xuất bia lên 200 triệu lít mỗi năm qua việc khánh thành nhà máy mới ở Hậu Giang.

Trong nửa đầu năm 2015, Masan Group thành lập Masan Nutri-Science thâm nhập và thay đổi chuỗi giá trị đạm động vật của Việt Nam với mục đích tối hậu là cung cấp các sản phẩm thịt có chất lượng để phục vụ tốt hơn người tiêu dùng. Masan Nutri-Science hiện là công ty dinh dưỡng đạm động vật trong nước lớn nhất Việt Nam với các thương hiệu Proconco và ANCO. Năm 2015, tổng doanh thu của hai thương hiệu này đạt gần 1 tỷ đôla Mỹ từ các sản phẩm thức ăn gia súc.

Vào tháng 12 năm 2015, Singha, hãng bia đầu tiên lớn nhất của Thái Lan, đã công bố việc ký kết thỏa thuận hợp tác với Masan Group để đầu tư 1,1 tỷ đôla Mỹ và trở thành cổ đông nắm giữ 25% cổ phần trong mảng kinh doanh thực phẩm và đồ uống và cũng nắm giữ trực tiếp 33,3% cổ phần mảng kinh doanh bia của Masan Group. Thỏa thuận này là giao dịch M&A lớn nhất từ trước đến nay ở Việt Nam, cho phép hai đối tác phục vụ tốt hơn 250 triệu người tiêu dùng trong khu vực "Inland ASEAN" (bao gồm Việt Nam, Thái Lan, Myanmar, Campuchia và Lào), với danh mục sản phẩm thực phẩm và đồ uống cùng hệ thống phân phối của mình.

Suốt chặng đường 20 năm vừa qua, Masan không ngừng đạt được sự tăng trưởng vượt trội. Đoạn tóm tắt nêu trên chỉ đề cập đến những cột mốc quan trọng của Tập đoàn, nó chưa phác họa hết phương pháp tiếp cận có kỷ luật nhưng sáng tạo của Masan đối với việc xây dựng các doanh nghiệp hướng đến kiến tạo giá trị dài hạn, cũng như không thể hiện được đầy đủ nền văn hóa doanh nhân độc đáo ("Masanship") đã góp phần tạo ra những thành công của chúng tôi. Chúng tôi hy vọng rằng các phần khác của báo cáo hàng năm này sẽ cung cấp cho quý độc giả cái nhìn sâu sắc hơn vào Masan và những gì chúng tôi có thể đạt được trước năm 2020.

Để biết thêm chi tiết về lịch sử 20 năm vừa qua của Tập đoàn, vui lòng xem phần "Thông tin chung về Công ty".

**BÁO CÁO
CỦA BAN
ĐIỀU HÀNH**

KHÁI QUÁT 2015

Nền kinh tế Việt Nam đã có những dấu hiệu tăng trưởng bền vững trong năm 2015, sau khoảng thời gian 2 năm ổn định vĩ mô. Theo Tổng cục Thống kê thì tăng trưởng GDP năm 2015 vượt dự đoán ban đầu đạt mức 6,7%, đánh dấu hai năm liên tiếp đều tăng trên 6% và khẳng định khả năng phục hồi kinh tế. Mối quan tâm lớn đối với Việt Nam trong cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu vừa qua là lạm phát, dường như đã trở thành quá khứ với chỉ số lạm phát đạt mức thấp nhất trong 15 năm đạt 0,6%. Tuy tiền đồng Việt Nam suy yếu so với đồng đôla Mỹ trong năm 2015, nhưng so với các nước láng giềng và các thị trường mới nổi khác, tiền đồng của Việt Nam đã có một năm khá ổn định. Các quan ngại khác trong những năm trước dường như cũng không còn. Thị trường bất động sản tiếp tục thể hiện các dấu hiệu hồi phục mạnh mẽ, thúc đẩy ngành ngân hàng với mức tăng trưởng tín dụng đạt 18% và nợ xấu giảm xuống dưới 3% đối với hệ thống ngân hàng nói chung (NHNN).

Quan trọng nhất là người tiêu dùng lại bắt đầu tin vào một tương lai tươi sáng hơn, điều này liên quan đến mảng kinh doanh cốt lõi và trọng tâm chiến lược của chúng tôi. Theo chỉ số ANZ-Roy Morgan, niềm tin tiêu dùng tại Việt Nam cao nhất ở châu Á vào tháng 12/2015, đạt 144,8 điểm. Việc ký kết Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (“TPP”), có thể tăng cường hỗ trợ thêm cho sự tăng trưởng nhu cầu tiêu dùng do tăng trưởng GDP và thu nhập khả dụng cao hơn.

Tuy nhiên, những bất ổn và thách thức vẫn còn. Năm 2016 bắt đầu với một giai đoạn biến động mạnh trên các thị trường vốn toàn cầu do nền kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm lại, giá dầu sụt giảm và thị trường hàng hóa giảm mạnh. Riêng tại Việt Nam, thâm hụt thương mại và thâm hụt ngân sách gia tăng đặt

ra nguy cơ tăng trưởng kinh tế giảm trong năm 2016 và những năm tiếp theo. Liên quan đến lĩnh vực ngân hàng, tuy việc giải quyết nợ xấu đã đạt được những bước tiến lớn, nhưng kế hoạch tái cơ cấu triệt để ngành ngân hàng vẫn còn ở phía trước.

Tuy nhiên, dù vẫn còn nhiều thách thức và khó khăn, Việt Nam dường như đang nổi lên như một quốc gia tăng trưởng vững chắc trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu không thể dự đoán trước được, kèm theo là những lo ngại về tăng trưởng chậm và những căng thẳng địa chính trị. Niềm tin tiêu dùng tại Việt Nam tiếp tục cải thiện, và sự tăng trưởng bền vững được dựa trên những động lực dài hạn như quá trình đô thị hóa, các hiệp định thương mại, và sự đóng góp cao hơn từ khu vực nông thôn.

Masan đã tạo ra vị thế rất tốt để có thể hưởng lợi từ sự phát triển vĩ mô bền vững này. Chúng tôi còn tự hào hơn nữa khi thúc đẩy một số thay đổi này, tiến hành đổi mới và thay đổi các ngành hàng trước kia được xem là hàng hóa thiết yếu, nay trở thành những ngành hàng có thương hiệu và tăng trưởng. Chỉ bằng cách chủ động thúc đẩy sự thay đổi, chúng tôi có thể đạt được mục tiêu trở thành niềm tự hào của Việt Nam bằng cách tạo ra một mô hình kinh doanh thành công độc đáo ở châu Á.

Trong những năm qua, Masan Group đã không ngừng đầu tư và củng cố những nền tảng của mình (nhãn hiệu, hệ thống phân phối, nhà máy sản xuất, nhân lực) nhằm đặt nền móng cho giai đoạn đổi mới tiếp theo. Chúng tôi đã đơn giản hóa cấu trúc tài sản, chuyển đổi từ nguồn vốn tăng trưởng chuyển đổi sang các khoản vay ngân hàng và trái phiếu tiêu chuẩn, vốn rẻ hơn và được tính bằng đồng nội tệ. Chúng tôi đã sắp xếp lại cơ cấu sở hữu của mình theo một cách dễ hiểu hơn, cắt giảm số lượng công cụ chuyển đổi đang lưu hành, loại bỏ các công ty nắm giữ

trung gian, và gia tăng tỷ lệ sở hữu trong các công ty con. Quan trọng nhất là chúng tôi đã cơ cấu lại tổ chức của công ty để tái tập trung hơn vào khát vọng ban đầu của Masan, nhằm khám phá và đáp ứng các nhu cầu lớn chưa được thỏa mãn của người tiêu dùng.

Kể từ đầu thập kỷ này, sau khi khám phá các cơ hội trong những lĩnh vực khác, Masan chỉ đầu tư hoặc mua lại các nền tảng kinh doanh liên quan đến ngành hàng tiêu dùng. Chúng tôi đã thiết lập Masan Consumer Holdings (“MCH”) nhằm hợp nhất lợi ích của chúng tôi trong các doanh nghiệp thực phẩm và đồ uống có thương hiệu. Năm 2015, Masan đã mua lại và đổi tên thành Masan Nutri-Science (“MNS”), công ty thức ăn gia súc trong nước lớn nhất Việt Nam sở hữu các thương hiệu nổi tiếng như Proconco và ANCO. Tuy rằng ngành hàng thức ăn gia súc có giá trị 7 tỷ đôla Mỹ rất hấp dẫn với tốc độ tăng trưởng nhanh, mục tiêu của chúng tôi là thay đổi chuỗi giá trị đậm đặc vật của Việt Nam với mục đích tối hậu là phục vụ người tiêu dùng các sản phẩm thịt có chất lượng. Cùng nhau, MCH và MNS sẽ là nền tảng cho những nỗ lực của chúng tôi nhằm phục vụ tốt hơn người tiêu dùng trong khu vực.

Đặc biệt là MCH, chúng tôi đã củng cố nền tảng kinh doanh thực phẩm và đồ uống của mình thông qua các khoản đầu tư chiến lược trong năm 2015 và đầu 2016. Chúng tôi đã gia tăng tỷ lệ sở hữu trong các công ty con như Masan Consumer, Vinacafe Biên Hòa và Vĩnh Hảo. Chúng tôi đã mua lại công ty Nước khoáng Quảng Ninh để kết hợp với công ty Vĩnh Hảo và trở thành công ty nước khoáng trong nước lớn nhất Việt Nam, đồng thời củng cố mảng kinh doanh đồ uống đóng chai của mình. Trong năm 2015, chúng tôi đã khánh thành hai nhà máy mới, một ở tỉnh Nghệ An và một ở tỉnh Hậu Giang. Những nhà máy mới này là một phần trong nỗ lực lớn hơn của

Tập đoàn nhằm mở rộng nhà máy rộng khắp Việt Nam với mục đích tiếp cận gần hơn với người tiêu dùng và giảm chi phí vận chuyển, sản xuất ra các sản phẩm đáp ứng sở thích và khẩu vị của địa phương, nhờ đó đạt được quy mô lớn, và áp dụng các thiết bị và công nghệ đẳng cấp thế giới hiện đại nhất.

Trong năm 2015, MCH đạt tốc độ tăng trưởng doanh thu khiêm tốn vì chúng tôi đã định nghĩa lại các ngành hàng để mở rộng thị trường mà chúng tôi có thể tiếp cận và đặt nền tảng cho sự tăng trưởng trong tương lai. Chúng tôi đã mở rộng ngành hàng nước chấm thành ngành hàng gia vị và định nghĩa lại ngành hàng mì ăn liền thành ngành hàng thực phẩm tiện lợi, bao gồm các sản phẩm có thể ăn ngay. Mặc dù chúng tôi chứng kiến sự tăng trưởng trong hầu hết các ngành hàng chủ chốt, nhưng điểm sáng của MCH trong năm 2015 thuộc về mảng kinh doanh bia với doanh thu thuần 706 tỷ đồng, nhờ nhu cầu mạnh mẽ từ thị trường miền Tây Nam Bộ dành cho nhãn hàng bia “Sư Tử Trắng”. Mảng kinh doanh bia hiện đang tập trung mở rộng quy mô để tăng thị phần ở đồng bằng sông Cửu Long và mở rộng ra các tỉnh khác nhờ vào việc đưa nhà máy bia mới tại Hậu Giang vào hoạt động vào tháng 12/2015 (công suất 100-150 triệu lít/năm).

Kết quả Quý 4/2015 cho thấy các nỗ lực của chúng tôi cho MCH bắt đầu mang lại kết quả với tốc độ tăng trưởng đạt 12% so với cùng kỳ năm trước. Nổi bật là Vinacafe Biên Hòa với khởi đầu năm 2015 không đạt kỳ vọng nhưng doanh thu Quý 4 tăng 20,5% sau khi tung ra những sản phẩm mới như Vinacafe Chát và Wake-Up Café Sài Gòn Sữa Đặc. Dựa trên đà tăng trưởng này, chúng tôi rất tự tin rằng doanh số năm 2016 sẽ tăng trưởng mạnh với tốc độ 2 con số nhờ sự tăng trưởng từ tất cả các ngành hàng trong khi mảng kinh doanh bia dự kiến tăng gần gấp đôi.

Phục vụ
250 triệu
người tiêu dùng
tại thị trường Inland ASEAN chính
là bước đầu tiên của Masan
trong việc giới thiệu di sản
âm thực của Việt Nam
ra Thế giới

Những nỗ lực tập trung vào lĩnh vực hàng tiêu dùng đã được xác thực thông qua thỏa thuận hợp tác giữa MCH và Singha, ký kết vào ngày 25/12/2015. Với giá trị 1,1 tỷ đôla Mỹ, thỏa thuận này đánh dấu giao dịch M&A lớn nhất từ trước đến nay trong lịch sử các doanh nghiệp Việt Nam, và ngay lập tức cho phép chúng tôi tiếp cận thị trường Thái Lan với 65 triệu người tiêu dùng, bước đi đầu tiên trong mục tiêu lớn hơn của chúng tôi là chiến thắng trên thị trường "Inland ASEAN", bao gồm Việt Nam, Thái Lan, Lào, Myanmar và Campuchia, các nước láng giềng này có khẩu vị, thị hiếu và sở thích tương đồng (như sở thích ăn nước mắm và chế độ ăn uống dùng gạo) và văn hóa giống nhau (đạo Phật). Với 250 triệu người tiêu dùng, khu vực này ngay lập tức gia tăng quy mô thị trường thực phẩm và đồ uống dành cho Masan, từ 9 tỷ đôla Mỹ tăng lên 24 tỷ đôla Mỹ (chưa bao gồm đồ uống không chứa cà phê).

MNS, nền tảng kinh doanh trong lĩnh vực đạm động vật, là trụ cột thứ hai giúp chúng tôi hưởng lợi từ niềm tin tiêu dùng và thu nhập khả dụng đang gia tăng ở Việt Nam. Hiện nay, MNS tập trung hoạt động trong mảng thức ăn gia súc, nhưng chúng tôi xem đây một bàn đạp để tiếp cận thị trường đạm động vật lớn hơn ở Việt Nam trị giá 18 tỷ đôla Mỹ. Vị thế của MNS là công ty số một về thức ăn cho heo (không tính trại gia công) và công ty số hai về thức ăn gia súc các loại tại Việt Nam được dựa trên các thương hiệu chủ chốt như Proconco và ANCO. Mô hình kinh doanh chú trọng đến xây dựng thương hiệu và sản phẩm sáng tạo của MNS đã đạt được các kết quả đầy ấn tượng ngay trong năm đầu tiên hoạt động của mình với doanh thu thuần 20.461 tỷ đồng (tổng doanh thu cho nguyên năm 2015 của Proconco và ANCO) và sự cải thiện trong lợi nhuận gộp và lợi nhuận thuần lần lượt tăng 564 và 221 điểm cơ bản. Với tỷ suất lợi nhuận gộp khoảng 20%, MNS đã trở thành mảng kinh doanh đóng góp lớn vào lợi nhuận và dòng tiền của Masan. Trong năm 2016, công suất sản xuất dự kiến

sẽ tăng thêm 30% để hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng doanh thu của MNS từ 25-30% mỗi năm.

Các doanh nghiệp ngoài lĩnh vực hàng tiêu dùng của chúng tôi cũng đã vượt qua các điểm quan trọng trong năm 2015. Trong mảng tài nguyên, Masan đã chuyển đổi thành công một tài sản hấp dẫn là mỏ Núi Pháo, thành một công ty vonfram có ảnh hưởng toàn cầu. Núi Pháo là mỏ vonfram đang được khai thác lớn nhất thế giới và là một trong những nhà sản xuất vonfram với chi phí thấp nhất trên toàn cầu. Trong giai đoạn giá cả hàng hóa suy giảm trong năm 2015, khi giá vonfram

trung bình giảm gần 38%, Masan Resources vẫn đạt được một năm có lợi nhuận và khánh thành nhà máy chế biến sản phẩm vonfram giá trị gia tăng cao của mình. Với nhà máy hóa chất đã hoàn thành và chương trình nâng cao hiệu quả hoạt động và mở rộng quy mô, mảng kinh doanh sản phẩm vonfram của Masan đang trên đường trở thành một công ty dẫn đầu toàn cầu. Trên đà tăng trưởng này, Masan Resources đã niêm yết cổ phiếu trên sàn UPCoM thuộc sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội, và trở thành một trong những công ty niêm yết lớn nhất trên sàn Hà Nội.

Ngân hàng Techcombank, một công ty liên kết của Tập đoàn, đã chủ động xử lý nợ xấu trong giai đoạn khủng hoảng của ngành ngân hàng, đồng thời thực hiện các khoản đầu tư cần thiết để củng cố nền tảng vận hành của mình. Trong năm 2015, Techcombank đã giảm tỷ lệ nợ xấu xuống dưới 1,7%, tập trung vào các chỉ số chất lượng tài sản, đồng thời nỗ lực giảm chi phí hoạt động. Nhờ đó, lợi nhuận trước thuế tăng 43,8%, trong khi Moody's đã nâng xếp hạng hoạt động tiền gửi và phát hành của Techcombank lên mức B2 từ B3, phản ánh sự cải thiện riêng trong chất lượng tín dụng của ngân hàng này. Các chỉ số chất lượng tài sản của Techcombank đã được cải thiện trong năm 2015, nhờ

xử lý nợ xấu, thu hồi nợ và chính sách tín dụng thận trọng. Techcombank đang trên đường trở thành một trong những ngân hàng đầu tiên của Việt Nam hoàn tất chu kỳ trích lập dự phòng của mình sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, sẵn sàng tiếp tục tăng thị phần mạnh mẽ khi ngành ngân hàng củng cố và phục hồi.

Nhìn chung, các sáng kiến của Masan trong những năm qua, bao gồm sự tập trung lớn hơn vào các cơ hội trong ngành hàng tiêu dùng, đã bắt đầu mang lại những lợi ích đáng kể. Tính cho cả năm 2015, doanh thu thuần của Masan tăng lên 30.628 tỷ đồng từ mức 16.120 tỷ đồng trong năm 2014, tăng 90,0%. Nhờ những lợi ích từ quy mô lớn và năng suất cải thiện, cùng với sự đóng góp từ mảng kinh doanh đạm động vật, lợi nhuận gộp tăng 52,9% từ 6.417 tỷ đồng trong năm 2014 lên 9.809 tỷ đồng trong năm 2015. Lợi nhuận thuần theo báo cáo tăng từ 2.037 tỷ đồng trong năm 2014 lên 2.527 tỷ đồng vào năm 2015, tương ứng với mức tăng 24,1%. Điều chỉnh cho những sự kiện chỉ xảy ra một lần và hoàn nhập khoản phân bổ lợi thế thương mại và phân bổ giá mua, lợi nhuận pro forma của Tập đoàn đã tăng 56,3% lên 2.992 tỷ đồng trong năm 2015.

Trong bối cảnh triển vọng kinh tế vĩ mô Việt Nam được cải thiện và các khoản đầu tư chiến lược vào các nền tảng kinh doanh của chúng tôi bắt đầu mang lại kết quả, Masan đang có vị thế tốt để khai thác tiềm năng tiêu dùng ngày càng tăng của Việt Nam và cơ hội từ thị trường "Inland ASEAN" rộng lớn. Tuy nhiên, con đường phía trước sẽ không bằng phẳng và còn nhiều thách thức. Việt Nam là thị trường mới nổi dự kiến sẽ phải trải qua sự biến động kinh tế tương ứng với giai đoạn phát triển của mình. Tuy chúng ta hào hứng rằng TPP và các hiệp định thương mại tự do khác sẽ thúc đẩy tăng trưởng

GDP của Việt Nam, nhưng chúng ta cũng dự đoán rằng cạnh tranh sẽ khốc liệt hơn, đặc biệt từ các công ty nước ngoài. Do đó, chúng ta phải kiên định với các giá trị và niềm tin đã dẫn dắt chúng tôi trong suốt lịch sử 20 năm qua. Chúng ta phải tiếp tục duy trì cách tiếp cận mang tính kỷ luật trong hoạt động xây dựng doanh nghiệp của Tập đoàn. Chúng ta phải duy trì sự tập trung, làm ít hơn với quy mô lớn hơn để phát triển quy mô và vị thế dẫn đầu. Chúng ta phải tiếp tục nuôi dưỡng môi trường văn hóa có thể truyền cảm hứng cho nhân tài nhằm dẫn dắt thay đổi để kiến tạo giá trị thông qua sự sáng tạo và có được lý tưởng sống. Nếu chúng ta khát vọng khám phá và đáp ứng những nhu cầu lớn chưa được thỏa mãn, chúng ta sẽ có cơ hội lớn để đạt được mục tiêu năm 2020: là và được công nhận trên toàn cầu là niềm tự hào của Việt Nam thông qua việc tạo dựng một mô hình kinh doanh thành công độc đáo ở Châu Á.

Khánh thành một trong những dự án vonfram lớn nhất với chi phí thấp nhất, Masan đã chứng minh cho thế giới thấy rằng một công ty Việt Nam có thể tạo ra ảnh hưởng trên toàn cầu

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh của chúng tôi chủ yếu tại Việt Nam, do đó hiệu quả và chất lượng tài sản của chúng tôi cũng phụ thuộc rất lớn vào nền kinh tế Việt Nam. Trong tương lai, tốc độ tăng trưởng cũng có thể đến từ việc mở rộng của chúng tôi vào thị trường “Inland ASEAN”, bao gồm Việt Nam, Thái Lan, Myanmar, Campuchia và Lào. Môi trường kinh tế của Việt Nam và Inland ASEAN nói chung có thể bị ảnh hưởng đáng kể bởi nhiều yếu tố bên ngoài, bao gồm cả sự phát triển kinh tế trên toàn châu Á và thế giới.

Các yếu tố kinh tế vĩ mô có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động bao gồm chi tiêu và tiêu dùng cá nhân, nhu cầu về các sản phẩm và dịch vụ, tỷ lệ lạm phát, lãi suất, mặt bằng giá cả hàng hóa, gánh nặng trả nợ của người tiêu dùng hoặc doanh nghiệp và khả năng cho vay tín dụng cũng như các yếu tố khác như sự lây lan của bệnh dịch, xung đột vũ trang quy mô lớn, khủng bố hay bất cứ sự cố xã hội, địa lý hoặc chính trị bất lợi nào.

Năm 2016, nền kinh tế của Việt Nam dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng, dựa vào sức tiêu dùng trong nước kỳ vọng được cải thiện nhờ thu nhập khả dụng ngày càng cao và hệ thống ngân hàng có chất lượng tài sản tốt hơn và giảm được nợ xấu.

Trên bình diện quốc tế, sự hồi phục của nền kinh tế toàn cầu có nguy cơ yếu hơn so với mức kỳ vọng hiện nay, đặc biệt trong bối cảnh thị trường hàng hóa toàn cầu vẫn chưa sáng sủa và sự biến động của toàn bộ thị trường vốn. Điều này không chỉ gây thiệt hại cho hoạt động xuất khẩu, mà còn tạo ra hiệu ứng dây chuyền đối với chi tiêu của người tiêu dùng và

doanh nghiệp tại Việt Nam, dẫn đến tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại. Việt Nam sẽ tiếp tục bị ảnh hưởng nặng nề bởi sự biến động giá cả hàng hóa quốc tế. Mặc dù giá nhiên liệu toàn cầu đã giảm đáng kể trong năm 2015, nhưng những biến động không thể dự báo trước vẫn có thể tác động đến nhu cầu của người tiêu dùng. Áp lực mạnh từ phía nhu cầu và sự mất giá của tiền đồng Việt Nam so với đồng đôla Mỹ khiến cho việc nhập khẩu hàng hóa trở nên đắt đỏ hơn, từ đó đẩy mặt bằng giá cả hàng hóa và dịch vụ lên cao.

NGÀNH THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG CỦA VIỆT NAM

Lĩnh vực thực phẩm và đồ uống của Việt Nam là một phân khúc tăng trưởng rất nhanh và rất hấp dẫn, dựa trên tầng lớp trung lưu đang thúc đẩy sự thay đổi phong cách sống. Dự báo tăng trưởng tiêu dùng thực phẩm trong 5 năm tới cao nhất trong ASEAN, nhờ vào lạm phát thấp, cơ sở hạ tầng cải thiện và khu vực bán lẻ tăng trưởng nhanh.

Một phần ba dân số sẽ trở thành tầng lớp trung lưu trước năm 2020, khi thu nhập tăng trưởng nhanh chóng ở mức gần 8,8%, sẽ nâng mức thu nhập bình quân đầu người vượt qua 3.400 USD vào cuối thập kỷ này. Nhu cầu tiêu dùng trong nước được hỗ trợ thêm từ yếu tố nhân khẩu học thuận lợi, tỷ lệ đô thị hóa cao hơn và thu nhập khả dụng gia tăng. Cơ sở hạ tầng, vốn đóng vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho tiêu dùng, đã được cải thiện đáng kể trong những năm qua, trong khi thị trường bán lẻ có vẻ vô cùng hấp dẫn đối với tập đoàn bán lẻ quốc tế.

Việt Nam có dân số đông thứ ba ở khu vực Đông Nam Á, với gần 70% dân số thuộc độ tuổi lao động (từ 15 đến 64 tuổi). Trong khi đặc điểm nhân khẩu học của Việt Nam tạo ra một cơ hội lý tưởng để gia tăng nhu cầu tiêu dùng trong nước thì những xu hướng khác gắn liền với những đặc điểm nhân khẩu học thực tế này có thể dẫn đến những thay đổi về mặt cấu trúc trong thị trường hàng tiêu dùng, chẳng hạn như nhu cầu lớn hơn về thực phẩm tiện lợi, sự chú trọng cao hơn vào các khía cạnh chất lượng và an toàn sức khỏe của sản phẩm, sự hợp nhất trong hoạt động kinh doanh và sở thích cao hơn dành cho các sản phẩm có thương hiệu, cùng nhu cầu dành cho các sản phẩm mới.

Ngành thực phẩm và đồ uống của Việt Nam có triển vọng tăng trưởng mạnh mẽ vì nền tảng của nó được củng cố bởi mức sống ngày càng tăng của các gia đình Việt. Chi tiêu cho thực phẩm và đồ uống đóng gói bình quân đầu người ở Việt Nam vẫn còn tương đối thấp so với các thị trường mới nổi tương đương, thể hiện một tiềm năng tăng trưởng mạnh cho thị trường. Sự tăng trưởng trong tương lai dự kiến sẽ chịu ảnh hưởng lớn từ sự thay đổi không ngừng trong phong cách tiêu dùng đô thị khi người tiêu dùng ngày càng xem trọng sự tiện lợi, an toàn và sức khỏe. Ngoài ra, mức tiêu dùng ngày càng tăng đối với các sản phẩm hàng tiêu dùng nhanh có thương hiệu ở vùng nông thôn Việt Nam sẽ góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng thị trường khi người tiêu dùng ở vùng nông thôn dễ dàng tiếp cận sản phẩm hơn và mặt bằng thu nhập khả dụng tăng lên.

NGÀNH BIA CỦA VIỆT NAM

Mức tiêu thụ của thị trường bia tại Việt Nam đứng thứ ba tại Châu Á, (sau Trung Quốc và Nhật Bản). Bia chiếm 98% sản lượng của toàn bộ ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam, với quy mô thị trường ước tính hơn 4,5 tỷ đôla Mỹ. Các yếu tố thúc đẩy mức tiêu thụ nội địa tại Việt Nam bao gồm mức gia tăng thu nhập, dân số trẻ và tốc độ đô thị hóa nhanh, cho thấy những triển vọng tốt dành cho thị trường bia. Bước đầu thâm nhập thành công của Masan Brewery vào thị trường đang phát triển nhanh này với nhãn hàng bia Sư Tử Trắng là bằng chứng về những hiểu biết sâu sắc và niềm tin của Masan vào tiềm năng của thị trường hàng tiêu dùng Việt Nam đầy tiềm năng.

NGÀNH ĐẠM ĐỘNG VẬT CỦA VIỆT NAM

Masan đã tiến những bước đầu tiên để gia nhập ngành đạm động vật thông qua việc thành lập Masan Nutri-Science (“MNS”). MNS là công ty thức ăn cho heo lớn nhất (không tính trại gia công) và là công ty thức ăn chăn nuôi nói chung lớn thứ hai trong ngành thức ăn gia súc trị giá 7 tỷ USD đang tăng trưởng nhanh. Do thức ăn chăn nuôi chiếm phần lớn lợi nhuận trong chuỗi giá trị đạm động vật, MNS sẽ trở thành điểm khởi đầu lý tưởng, hỗ trợ tầm nhìn dài hạn của Masan trong việc xây dựng mô hình 3F (feed – farm – fork), cung cấp các sản phẩm thịt chế biến thịt chất lượng cao cho người tiêu dùng Việt Nam.

Chỉ có 60% thức ăn chăn nuôi được tiêu thụ từ sản xuất công nghiệp trong nước, phần còn lại đến từ thức ăn tự chế và nhập khẩu. Hơn nữa, hoạt động sản xuất thịt ở Việt Nam trong lịch sử luôn thấp hơn mức tiêu thụ, mang lại cơ hội tuyệt vời cho những công ty mạnh như MNS để nâng cao hiệu quả hoạt động trong chuỗi giá trị đạm động vật và thúc đẩy gia tăng thị phần.

Tổng mức tiêu thụ thịt tại Việt Nam được ước tính đạt 18 tỷ đôla Mỹ. Thịt chế biến chiếm tỷ lệ dưới 1% của lượng tiêu thụ thịt, thấp hơn rất nhiều so với các quốc gia Châu Á khác, như Trung Quốc, nơi có tỷ lệ chiếm 13%. Khi mức thu nhập gia tăng, mức tiêu thụ protein tại Việt Nam sẽ tăng, và tập trung chủ yếu vào các vấn đề về an toàn vệ sinh thực phẩm và thương hiệu, chúng tôi đang nhắm đến sản phẩm thịt đóng gói. Ngành thịt chế biến tại Việt Nam khá phân mảnh, nhờ đó mà cơ hội cho đơn vị dẫn đầu thị trường có cơ hội thiết lập xu hướng thị trường trong ngành hàng này. Thông qua một công ty con, việc Masan Group mua lại Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn và thành lập Masan Nutri-Science là những bước đi của chúng tôi trong tiến trình xây dựng nền tảng cho ngành protein động vật và chúng tôi hiện đang tìm kiếm các phương cách để tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị lớn hơn, nơi có những nhu cầu lớn chưa được thỏa mãn, xét về mặt năng suất, quy mô và lựa chọn khác nhau cho khách hàng Việt.

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CHÚNG TÔI

NGÀNH NGÂN HÀNG CỦA VIỆT NAM

Masan hiện là nhà đầu tư tài chính tại ngân hàng Techcombank với lợi ích kinh tế là 30,4%. Chúng tôi tin vào các triển vọng tăng trưởng dài hạn cho lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam do mức độ thâm nhập của các sản phẩm tài chính còn thấp, bao gồm số lượng tài khoản ngân hàng, thẻ tín dụng và thẻ chấp. Hiện nay ước tính chỉ có 25% dân số có tài khoản ngân hàng. Trong 2 năm qua, lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam phải đối mặt với những vấn đề nghiêm trọng về chất lượng tài sản. Những quan ngại về nợ xấu đã tác động đến bảng cân đối kế toán và biên lợi nhuận. Chính phủ cũng đã có những biện pháp để cải thiện tình hình và có thể thấy được kết quả đã tốt hơn vào năm 2015. Nợ xấu trong khu vực ngân hàng đã được kiểm soát, khi tăng trưởng tín dụng đạt 18%, là tốc độ cao nhất kể từ năm 2011. Techcombank đã vượt qua thời kỳ suy thoái này để vươn lên mạnh mẽ hơn và cạnh tranh hơn với tỷ lệ nợ xấu thấp hơn 1,7% và hệ số an toàn vốn CAR gần 15%, và đang trên đà đạt đến vị trí dẫn đầu thị trường khi các yếu tố cơ bản của ngành được cải thiện.

THỊ TRƯỜNG VONFRAM TOÀN CẦU

Masan là đóng vai trò quan trọng trong thị trường vonfram trên quy mô toàn cầu. Vì thế giá vonfram và viễn cảnh của nó có tác động lớn đến các hoạt động kinh doanh của chúng tôi. Trong khi toàn bộ thị trường hàng hóa đã phát triển chậm lại

tương ứng với tốc độ phát triển kinh tế giảm đi trong thời gian gần đây tại Trung Quốc và Châu Âu, về trung và dài hạn thì tiềm năng của vonfram và các khoáng sản công nghiệp khác vẫn còn hấp dẫn.

Tăng trưởng nhu cầu dành cho các sản phẩm sử dụng vonfram làm nguyên liệu chính vẫn còn rất yếu trong năm 2015. Nhu cầu dành cho các sản phẩm có sử dụng vonfram từ ngành khai khoáng và năng lượng tiếp tục ở mức thấp vì các khách hàng duy trì chu kỳ sản xuất ngắn. Tuy nhiên, tình trạng này được bù đắp một phần từ sự gia tăng liên tục trong nhu cầu vonfram từ ngành công nghiệp ô tô và hàng không vũ trụ. Mặc dù vậy, khi giá vonfram vẫn thấp thì hoạt động tái cân bằng bên cung sẽ tiếp tục diễn ra với sự đóng cửa và cắt giảm sản lượng của nhiều mỏ vonfram trên toàn cầu. Chính phủ Trung Quốc đã gia tăng hoạt động dự trữ vào thời gian cuối năm, và triển khai các sáng kiến về chính sách môi trường để can thiệp tốt hơn vào ngành này. Sự tác động của những phản ứng từ bên cung được phản ánh trong giá vonfram vào cuối năm 2015, với giá hồi phục từ mức thấp nhất trong 52 tuần. Hơn nữa, cũng không có áp lực từ nguồn cung mới đối với các loại khoáng sản của chúng tôi, được chứng minh bởi thực tế Núi Pháo là nhà sản xuất vonfram mới đầu tiên trong hơn một thập kỷ vừa qua, và cơ cấu chi phí tổng thể cũng rất thuận lợi khi các mỏ hiện hữu khác gặp nhiều khó khăn trong khai thác.



Chúng tôi là công ty mẹ với tài sản chính là những khoản đầu tư vào các công ty con, chủ yếu là i) Masan Consumer Holdings ("MCH"), hiện đang nắm giữ lợi ích kinh tế trong các mảng kinh doanh thực phẩm và đồ uống như Masan Consumer ("MSC") và Masan Brewery ("MB"), ii) Masan Nutri-Science ("MNS"), hiện đang nắm giữ lợi ích kinh tế trong các công ty đạm động vật, Proconco và ANCO, iii) Masan Resources ("MSR"), và iv) các công ty liên kết Ngân hàng Techcombank. Vì vậy, những rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các công ty này cũng tác động đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của chúng tôi.

Thông qua công ty con MCH, chúng tôi nắm giữ 77,8% lợi ích kinh tế trong MSC vào ngày 31/12/2015 và hợp nhất kết quả kinh doanh của công ty vào báo cáo tài chính của chúng tôi. Vào tháng 1/2016, sau đợt góp vốn đầu tiên theo thỏa thuận giữa chúng tôi và Singha, tỷ lệ sở hữu của chúng tôi trong MCH giảm từ 100% xuống còn 85,7% (tỷ lệ này sẽ tiếp tục giảm xuống còn 75% khi chốt toàn bộ giao dịch). Một phần số tiền thu được từ đợt góp vốn đầu tiên đã được sử dụng để gia tăng cổ phần của MCH trong MSC từ 77,8% đến 96,7% cùng thời gian. Những sự kiện có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của MSC cũng có tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của chúng tôi.

MCH cũng nắm giữ 100,0% lợi ích kinh tế trong MB vào ngày 31/12/2015. Toàn bộ số cổ phần này được nắm giữ dưới dạng cổ phần và chúng tôi hợp nhất tỷ lệ sở hữu này như một công ty con trong báo cáo tài chính của Masan Group. Theo thỏa thuận giữa chúng tôi và Singha, trong tháng 1/2016, tỷ lệ sở hữu của MCH trong MB giảm từ 100% xuống còn 66,7%.

Những sự kiện có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của MB cũng có tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của chúng tôi.

Chúng tôi nắm giữ 99,99% lợi ích kinh tế trong Masan Nutri-Science vào ngày 31/12/2015. Toàn bộ lợi ích kinh tế này được nắm giữ dưới hình thức cổ phần, và chúng tôi hợp nhất tỷ lệ này như là một công ty con vào báo cáo tài chính của chúng tôi. Những sự kiện có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của MNS sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động và triển vọng của chúng tôi.

Chúng tôi nắm giữ 72,7% lợi ích kinh tế trong MSR vào ngày 31/12/2015. Toàn bộ tỉ lệ sở hữu này được nắm giữ dưới dạng cổ phần và chúng tôi hợp nhất tỷ lệ sở hữu này như một công ty con trong báo cáo tài chính của Masan Group. Những sự kiện có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của MSR cũng có tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của chúng tôi.

Chúng tôi nắm giữ 30,4% lợi ích kinh tế trong ngân hàng Techcombank vào ngày 31/12/2015, bao gồm các trái phiếu bất buộc chuyển đổi. Do không sở hữu cổ phần kiểm soát tại ngân hàng Techcombank, nên chúng tôi hạch toán khoản đầu tư này theo phương pháp kế toán vốn chủ sở hữu. Những sự kiện có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của ngân hàng Techcombank cũng có tác động đến lợi nhuận thuần, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của chúng tôi.

Những yếu tố rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và kết quả tài chính của Masan Group bao gồm những rủi ro về pháp lý, kinh doanh, cạnh tranh và vận hành, cũng như những yếu tố khác nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi.

Những công ty con và công ty liên kết của Masan Group hoạt động trong các ngành phải đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ và vị trí dẫn đầu thị trường của chúng tôi có thể bị lung lay nếu các đối thủ cạnh tranh đạt được những bước tiến quan trọng để giành lấy thị phần.

Masan Consumer Holdings cạnh tranh chủ yếu dựa vào các yếu tố như hình ảnh thương hiệu, giá cả, hệ thống phân phối và các danh mục sản phẩm. Thị trường thực phẩm và đồ uống tại Việt Nam sẽ ngày càng cạnh tranh khốc liệt hơn khi có nhiều thương hiệu và công ty thực phẩm quốc tế nổi tiếng thâm nhập vào thị trường. Sức ép cạnh tranh có thể khiến cho các đối thủ phải gia tăng đáng kể chi phí dành cho quảng cáo và các hoạt động chiêu thị, hoặc thực hiện các hành vi định giá bất hợp lý. MCH có thể buộc phải đầu tư nhiều hơn vào hoạt động nghiên cứu và phát triển, cũng như các chương trình khuyến mại và tiếp thị. Những khoản chi phí này có thể khiến tỷ suất lợi nhuận của chúng tôi giảm sút và do đó ảnh hưởng bất lợi đến kết quả hoạt động của chúng tôi.

Cụ thể, chúng tôi cũng không thể bảo đảm là đối thủ hiện tại hoặc tiềm năng của Masan Brewery không tung ra những sản phẩm tương đương hoặc vượt trội hơn chúng tôi nhằm cung cấp hoặc đáp ứng những thay đổi của thị trường theo các xu hướng phát triển của ngành. Đối thủ của chúng tôi có thể có nguồn tài chính dồi dào hơn, khả năng mua hàng và chi phí cơ bản thấp hơn giúp họ có những lợi thế nhất định. Chúng tôi cũng không bảo đảm là có thể cạnh tranh hoàn toàn với đối thủ hiện tại và tiềm năng. Nếu chúng tôi không thể cạnh tranh hiệu quả thì điều này có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của chúng tôi.

Masan Nutri-Science hiện đang hoạt động trong ngành thức ăn gia súc, nơi giá thức ăn gia súc là thành phần quan trọng đối với khả năng sinh lời. Do Việt Nam phải nhập khẩu phần lớn các nguyên liệu thức ăn gia súc như đậu nành, ngô, lúa mì và những nguyên liệu khác, sự biến động thị trường hàng hóa quốc tế có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận của chúng tôi trong tương lai. Hơn nữa, vì ngành thức ăn gia súc hiện nay khá phân mảnh, nên không có sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ có thể cạnh tranh hiệu quả với các đối thủ cạnh tranh hiện tại hoặc tiềm năng, đặc biệt là trong bối cảnh Việt Nam tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do khác nhau. Nếu chúng tôi không thể cạnh tranh hiệu quả, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của chúng tôi có thể bị ảnh hưởng xấu.

Masan Resources đã đi vào vận hành mỏ Núi Pháo, phần lớn doanh thu và dòng tiền sẽ đến từ hoạt động xuất khẩu. Công ty sẽ cạnh tranh với những nhà sản xuất vonfram, florit, bismut và đồng trên các thị trường khoáng sản thế giới bao gồm các nhà sản xuất Trung Quốc, chủ yếu dựa vào chất lượng, giá cả, chi phí vận chuyển và độ tin cậy của nguồn cung. Không thể bảo đảm rằng các đối thủ cạnh tranh với Núi Pháo sẽ không tìm cách bán khoáng sản có phẩm cấp cao hơn cũng như giảm giá mạnh để giành thị phần hay thăm dò thêm các khu mỏ để tiếp cận hơn hoặc tạo nguồn cung đáng tin cậy hơn.

Ngân hàng Techcombank có thể phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt hơn từ các định chế tài chính trong nước và ngoài nước do yêu cầu mở cửa thị trường sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới WTO vào năm 2007. Ngân hàng Nhà nước đã cho phép các ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam thông qua các chi nhánh tại Việt Nam. Khi Ngân hàng Nhà nước tiếp tục thực thi chính sách tự do hóa lĩnh vực ngân hàng, Techcombank cũng có thể phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt hơn từ các ngân hàng trong nước. Điều này có thể gây ra ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của chúng tôi.

Masan Group phụ thuộc vào khả năng duy trì các hoạt động tuyển dụng hoặc giữ chân nhân viên có trình độ phù hợp với các vị trí quản lý then chốt của mình

Mặc dù Masan Group không phụ thuộc vào bất kỳ một thành viên riêng lẻ nào trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành hoặc đội ngũ quản lý cấp cao, nhưng sự thành công của Masan Group phụ thuộc đáng kể vào kỹ năng, trình độ và nỗ lực, cũng như khả năng tuyển dụng và giữ chân họ cùng những nhân viên giỏi khác. Do sự cạnh tranh khốc liệt tại Việt Nam, chúng tôi phải thường xuyên đối mặt với nhiều thách thức trong việc tuyển dụng và giữ chân đủ số lượng chuyên viên giỏi. Sự mất mát nhân sự chủ chốt có thể gây ra ảnh hưởng bất lợi đối với hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Masan Group.

Triển vọng kinh doanh của Masan Group gắn liền trực tiếp với triển vọng kinh tế của Việt Nam

Triển vọng kinh doanh của chúng tôi gắn liền trực tiếp với triển vọng kinh tế của Việt Nam. Do đó, nếu Việt Nam trải qua một cuộc suy thoái kinh tế, điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến công ty chúng tôi.

Kết quả tài chính của Masan Resources sẽ bị ảnh hưởng bởi sự biến động của giá cả hàng hóa

Dự án Núi Pháo nay đã đi vào vận hành và bán các sản phẩm tinh quặng hoặc sản phẩm có giá trị gia tăng chế biến từ vonfram, florit, bismut và đồng. Giá bán sản phẩm của công ty sẽ phụ thuộc vào tình hình cung cầu của thị trường quốc tế và mặt bằng giá của những sản phẩm này. Giá cả hàng hóa trên thế giới đã bị ảnh hưởng nặng nề trong những năm qua vì những quan ngại về tốc độ tăng trưởng toàn cầu, đặc biệt là Trung Quốc và Châu Âu. Bất kỳ biến động nào về giá cả toàn cầu đối với khoáng sản mà chúng tôi bán cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh tài nguyên của chúng tôi.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị triệu đồng	2015	2014	2015	2014
	Kiểm toán	Kiểm toán	Pro forma *	Pro forma *
Doanh thu gộp	31.324.871	16.377.834	31.324.871	16.377.834
Các khoản giảm trừ	(696.461)	(257.940)	(696.461)	(257.940)
Doanh thu thuần	30.628.410	16.119.894	30.628.410	16.119.894
Giá vốn hàng bán	(20.819.786)	(9.703.190)	(20.662.241)	(9.568.234)
Lợi nhuận gộp	9.808.624	6.416.704	9.966.169	6.551.660
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	(5.708.874)	(3.720.469)	(5.161.179)	(3.495.197)
Thu nhập tài chính	1.382.303	1.570.967	1.234.662	459.894
Chi phí tài chính	(2.714.701)	(1.710.991)	(2.714.701)	(1.710.991)
Lợi nhuận từ Công ty liên kết	499.017	(53.061)	499.017	610.246
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.266.369	2.503.150	3.823.968	2.415.612
Lợi nhuận/ (Chi phí) khác	(39.640)	236.581	(39.640)	236.582
Lợi nhuận trước thuế	3.226.729	2.739.731	3.784.328	2.652.194
Thuế	(699.479)	(702.689)	(792.290)	(738.375)
Lợi nhuận thuần	2.527.250	2.037.042	2.992.038	1.913.819

* Số liệu pro forma cho kỳ báo cáo và kỳ so sánh tương ứng được tính bằng cách loại bỏ các sự kiện chỉ xảy ra một lần, loại bỏ tác động của việc phân bổ lợi thế thương mại, tài sản hữu hình và tài sản vô hình do kết quả của các giao dịch M&A của Tập đoàn trong quá khứ.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị triệu đồng	31/12/2015	31/12/2014
	Kiểm toán	Kiểm toán
TÀI SẢN NGẮN HẠN	16.709.473	16.428.327
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.324.476	5.166.415
Đầu tư ngắn hạn	293.990	4.042.212
Phải thu thuần từ hoạt động kinh doanh	849.541	4.344.934
Phải thu khác	2.276.986	882.616
Hàng tồn kho	4.417.969	1.604.854
Tài sản ngắn hạn khác	546.511	387.296
TÀI SẢN DÀI HẠN	55.140.227	36.536.773
Các khoản phải thu dài hạn	10.432.139	1.447.633
Tài sản cố định	26.998.134	20.253.476
TSCĐ hữu hình	19.965.062	18.409.913
TSCĐ hữu hình thuê tài chính	31.407	44.867
TSCĐ vô hình	7.001.665	1.798.696
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.480.035	3.811.051
Đầu tư dài hạn	9.144.883	8.745.176
Đầu tư dài hạn khác	3.085.036	2.279.437
TỔNG TÀI SẢN	71.849.700	52.965.100

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị triệu đồng	31/12/2015	31/12/2014
	Kiểm toán	Kiểm toán
NỢ NGẮN HẠN	15.005.196	11.796.756
Vay và nợ ngắn hạn	8.366.625	6.042.278
Phải trả người bán	2.419.059	999.340
Người mua trả tiền trước	139.989	35.786
Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	504.532	962.550
Phải trả người lao động	257.716	258
Chi phí phải trả	2.875.921	1.862.531
Các khoản phải trả, phải nộp khác	441.354	1.894.013
NỢ DÀI HẠN	29.735.458	19.243.205
Vay và nợ dài hạn	27.253.112	17.521.970
Nợ dài hạn khác	2.482.346	1.721.235
NỢ PHẢI TRẢ	44.740.654	31.039.961
VỐN CHỦ SỞ HỮU	27.109.046	21.925.139
Vốn cổ phần	7.467.179	7.358.081
Thặng dư vốn cổ phần	9.631.106	9.631.164
Vốn khác của chủ sở hữu	(9.045.049)	(9.045.049)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	8.561.380	7.071.887
Lợi ích của cổ đông thiểu số	10.494.430	6.909.056
TỔNG NGUỒN VỐN	71.849.700	52.965.100

THẢO LUẬN KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

DOANH THU

Doanh thu thuần tăng 90% từ 16.120 tỷ đồng trong năm 2014 lên mức kỷ lục 30.628 tỷ đồng trong năm 2015 nhờ sự tăng trưởng doanh thu không ngừng trong mảng kinh doanh thực phẩm và đồ uống và sự đóng góp đáng kể từ các mảng kinh doanh đạm động vật và tài nguyên. Mảng thực phẩm và đồ uống của Masan đóng góp 13.918 tỷ đồng vào doanh thu thuần, tăng 4,9% so với năm 2014, nhờ sự tăng trưởng gấp 3 lần về doanh thu thuần của Masan Brewery và sự tăng trưởng hai con số của mọi ngành hàng trong quý 4. Masan Nutri-Science đóng góp 14.054 tỷ đồng vào doanh thu thuần (con số này chỉ phân ánh 8 tháng được hợp nhất vào kết quả của Tập đoàn). Tính trọn năm 2015 cho doanh thu của cả ANCO và Proconco thì Masan Nutri-Science đạt doanh thu thuần 20.431 tỷ đồng. Doanh thu của Masan Resources đạt 2.658 tỷ đồng đóng góp vào doanh thu hợp nhất với Tập đoàn Masan, thấp hơn so với năm 2014 do việc vốn hóa doanh thu thuần vào chi phí hoạt động trong giai đoạn vận hành thử của nhà máy liên doanh chế biến hóa chất vonfram. Doanh thu tiền mặt của Masan Resources, thể hiện khối lượng sản phẩm thực giao khách hàng, đạt 3.163 tỷ đồng, tăng 11,9% so với năm trước.

GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán (theo tỷ lệ phần trăm doanh thu thuần) tăng lên mức 68% trong năm 2015 từ 60,2% trong năm 2014. Tính theo giá trị tuyệt đối, giá vốn hàng bán tăng 114,6% từ 9.703 tỷ đồng trong năm 2014 lên 20.820 tỷ đồng trong năm 2015. Sự gia tăng trong tỷ lệ phần trăm doanh thu là do việc hợp nhất mảng kinh doanh đạm động vật, và được bù đắp nhờ lợi nhuận gộp cải thiện trong mảng hàng tiêu dùng và tài nguyên bắt nguồn từ lợi ích của quy mô lớn, hiệu năng sản xuất và các sáng kiến tiết giảm chi phí.

BIÊN LỢI NHUẬN GỘP

Nhờ lợi nhuận gộp cao hơn từ các mảng kinh doanh chính, lợi nhuận gộp tăng 52,9% từ 6.417 tỷ đồng trong năm 2014 lên 9.809 tỷ đồng trong năm 2015. Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận gộp giảm xuống còn 32,0% trong năm 2015 từ mức 39,8% trong năm 2014. Lợi nhuận gộp thấp hơn từ mảng kinh doanh đạm động vật do bản chất của ngành và từ mảng kinh doanh tài nguyên do sự gia tăng công suất hoạt động trong năm đầu tiên hoạt động thương mại đầy đủ, được bù đắp một phần nhờ sự cải thiện lợi nhuận gộp trong tất cả các ngành hàng tiêu dùng. Lợi nhuận gộp cao hơn trong tất cả các ngành hàng tiêu dùng phát từ lợi ích nhờ quy mô lớn hơn, hiệu năng sản xuất được cải thiện, giảm phụ thuộc vào nhập khẩu và các khoản tiết giảm chi phí hoạt động khác.

CHI PHÍ BÁN HÀNG

Chi phí bán hàng trong năm 2015 tăng 51,4% lên 4.044 tỷ đồng so với 2.672 tỷ trong năm 2014. Chi phí bán hàng tính theo tỷ lệ phần trăm doanh thu thuần giảm từ mức 16,6% trong năm 2014 còn 13,2% trong năm 2015 nhờ chi phí bán hàng tính theo tỷ lệ phần trăm doanh thu thấp hơn nhiều trong mảng kinh doanh đạm động vật.

CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí quản lý trong năm 2015 là 1.665 tỷ đồng so với 1.048 tỷ đồng trong năm 2014. Chi phí quản lý tính theo tỷ lệ phần trăm doanh thu thuần giảm từ mức 6,5% trong năm 2014 xuống còn 5,4% trong năm 2015, đó là do kết quả của các biện pháp kiểm soát chi phí được triển khai ở tất cả các công ty của chúng tôi.

THU NHẬP TÀI CHÍNH

Thu nhập tài chính giảm 12,0% còn 1.382 tỷ đồng trong năm 2015 từ mức 1.571 tỷ đồng trong năm 2014. Khoản này bao gồm tiền lãi trên số dư tiền mặt và các khoản đầu tư sinh lãi khác. Thu nhập tài chính giảm do công ty con trong mảng hàng tiêu dùng của Tập đoàn tiến hành chi trả cổ tức bằng tiền mặt đáng kể và mua lại cổ phần trong hai năm qua.

CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính tăng 58,7% lên 2.715 tỷ đồng trong năm 2015 từ 1.711 tỷ đồng trong năm 2014, chủ yếu do tiền lãi phải trả cho ngân hàng và trái chủ gia tăng, do hợp nhất mảng kinh doanh đạm động vật và hoạt động cả năm của mô Núi Pháo. Trong năm 2015, Masan Consumer Holdings phát hành trái phiếu doanh nghiệp trị giá 9.000 tỷ đồng, là thỏa thuận trái phiếu doanh nghiệp lớn nhất từ trước đến nay ở Việt Nam, sau đợt phát hành lịch sử trái phiếu 10 năm trị giá 2.100 tỷ đồng trong năm 2014 được bảo đảm bởi Credit Guarantee and Investment Facility (“CGIF”), một quỹ ủy thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á. Khoản tiền thu từ các giao dịch trái phiếu được sử dụng để thanh toán các khoản nợ lãi suất cao và duy trì số dư tiền mặt cần thiết cho các khoản đầu tư tăng trưởng. Gần đây, trong tháng 8/2015, Tập đoàn đã thanh toán 175 triệu đôla Mỹ cho khoản nợ bằng USD, giúp Tập đoàn hầu như không còn nợ nước ngoài và loại bỏ các rủi ro ngoại hối. Cũng trong tháng 8/2015, Masan Resources đã tái cấp vốn cho các trái phiếu cũ với lãi suất thấp hơn nhiều, tiết kiệm khoảng 150 điểm cơ bản.

LỢI NHUẬN TỪ CÔNG TY LIÊN KẾT

Lợi nhuận từ công ty liên kết bao gồm phần lợi nhuận của Masan Group tại Techcombank tương ứng với phần vốn chủ sở hữu của Tập đoàn. Lợi nhuận từ công ty liên kết đạt 499 tỷ đồng trong năm 2015 so với âm 53 tỷ đồng trong năm 2014. Sự cải thiện này chủ yếu do khoản đóng góp cao hơn từ lợi nhuận thuần của Techcombank ở mức 43,8% và sự thay đổi trong chế độ kế toán đối với phân bổ lợi thế thương mại trong khoản đầu tư vào công ty liên kết, theo đó Tập đoàn không còn phải phân bổ lợi thế thương mại.

LỢI NHUẬN THUẦN

Trong năm 2015, Tập đoàn đã báo cáo lợi nhuận thuần 2.527 tỷ đồng, tăng 24,1% so với 2.037 tỷ đồng trong năm 2014. Các yếu tố chính giúp tăng lợi nhuận thuần là do hiệu quả kinh doanh hoạt động kỷ lục với doanh thu, lợi nhuận gộp và EBITDA cao hơn nhờ sự đóng góp từ các mảng kinh doanh đạm động vật và tài nguyên, cũng như sự gia tăng lợi nhuận từ ngân hàng Techcombank. Sau khi điều chỉnh để loại trừ tác động của khoản khấu hao lợi thế thương mại và phân bổ giá mua, và các khoản lợi nhuận chỉ xảy ra một lần từ việc thanh lý và mua lại công ty (lợi thế thương mại âm), lợi nhuận thuần pro forma tăng từ 1.914 tỷ đồng trong năm 2014 lên 2.992 tỷ đồng trong năm 2015, tăng 56,3%. Để biết chi tiết về kết quả pro forma, vui lòng tham khảo thêm phần “Thảo luận về kết quả kiểm toán so với kết quả pro forma” bên dưới.

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Masan Group duy trì số dư tiền mặt hợp nhất vững mạnh (bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn) ở mức 8.618 tỷ đồng vào ngày 31/12/2015 so với mức 9.209 tỷ đồng vào 31/12/2014, giảm 6,4%. Tuy nhiên, tính cả các hoạt động đầu tư dài hạn (các công cụ có kỳ hạn dài hơn 12 tháng), dòng tiền hợp nhất tăng 94,9% lên 17.944 tỷ đồng. Sự gia tăng vị thế tiền mặt này phản ánh việc tạo ra dòng tiền nội sinh từ mảng kinh doanh hàng tiêu dùng cao hơn chi phí vốn ở tất cả các công ty. Dòng tiền vào của Tập đoàn cũng được hỗ trợ nhờ sự phát hành thành công trái phiếu 9.000 tỷ đồng với kỳ hạn 5 năm của Masan Consumer Holdings và trái phiếu 3.700 tỷ đồng của Masan Nutri-Science. Dòng tiền ra bao gồm khoản thanh toán cho việc mua lại 99,9% cổ phần của Masan Nutri-Science, 65,0% cổ phần trong Công ty Nước khoáng Quảng Ninh thông qua Masan Beverage, ngoài việc gia tăng tỷ lệ sở hữu trong các công ty con khác. Trong mảng tài nguyên, chúng tôi phát hành thành công trái phiếu kỳ hạn 5 năm để tái cấp vốn cho toàn bộ các khoản nợ hiện hữu với các điều khoản thuận lợi hơn.

Masan Group đề cao khả năng thanh khoản trên thị trường hạn chế vốn. Vị thế tiền mặt mạnh của chúng tôi mang lại tính linh hoạt vô cùng to lớn, có thể giúp chúng tôi tài trợ cho các hoạt

động đầu tư vào tài sản cố định, và đây chính là một vùng đệm lý tưởng cho các sự kiện đầy bất ngờ trong tương lai nhằm giúp chúng tôi đầu tư để tăng trưởng, đồng thời thực hiện mua bán và sáp nhập doanh nghiệp.

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Vào ngày 31/12/2015, tài sản cố định đạt mức 26.998 tỷ đồng, tăng 33,3% từ 20.253 tỷ đồng vào ngày 31/12/2014. Sự gia tăng này chủ yếu là do sự hợp nhất mảng kinh doanh đạm động vật, chi phí vốn cho dự án Núi Pháo, cũng như đầu tư mở rộng nhà máy cho Masan Consumer Holdings.

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

Đầu tư vào công ty con

Giá trị đầu tư vào các công ty con của Tập đoàn tăng lên 6.526 tỷ đồng trong năm 2015, tăng 92,5% so với 3.390 tỷ trong năm 2014, chủ yếu là kết quả trực tiếp của việc thành lập mảng kinh doanh đạm động vật, thương vụ mua lại Công ty Nước khoáng Quảng Ninh và việc gia tăng tỷ lệ sở hữu trong các công ty con, Vĩnh Hảo và Proconco.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết bao gồm 30,4% lợi ích kinh tế trong ngân hàng Techcombank và 25,5% trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex, thông qua công ty con Masan Consumer, sở hữu 32,8% cổ phần tại thời điểm ngày 31/12/2015. Khoản này cũng bao gồm các khoản đầu tư vào công ty liên kết khác của Vĩnh Hảo và Proconco.

TỔNG TÀI SẢN

Tổng tài sản tăng 35,7% lên 71.850 tỷ đồng vào ngày 31/12/2015 từ mức 52.965 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2014, do sự hợp nhất mảng kinh doanh đạm động vật, chi phí vốn, và tăng cường đầu tư vào công ty con.

CÁC KHOẢN VAY

Vào ngày 31/12/2015, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tăng 51,2% lên 35.620 tỷ đồng từ 23.564 tỷ đồng vào ngày 31/12/2014. Phần lớn sự gia tăng trong các khoản vay đến từ các khoản vay dài hạn, bao gồm 9.000 tỷ đồng từ trái phiếu do Masan Consumer Holdings phát hành, 3.700 tỷ đồng từ trái phiếu do Masan Nutri-Science phát hành để thành lập nền tảng kinh doanh đạm động vật và sự gia tăng của một số khoản vay ngắn hạn nhằm tận dụng lãi suất hấp dẫn. Trong tháng 08/2015, Masan Consumer đã hoàn trả khoản nợ lớn duy nhất bằng USD là 175 triệu đôla Mỹ, giúp Tập đoàn hầu như không còn nợ nước ngoài và không còn rủi ro ngoại hối.

Masan Group đề cao khả năng thanh khoản trên thị trường hạn chế vốn. Số dư tiền mặt lớn của chúng tôi mang lại tính linh hoạt vô cùng to lớn, có thể dùng cho việc đầu tư vào tài sản cố định; và đây chính là một vùng đệm lý tưởng cho các sự kiện đầy bất ngờ trong tương lai và giúp chúng tôi đầu tư để tăng trưởng. Tuân thủ chiến lược này, vào ngày 31/12/2015, Tập đoàn có vị thế tiền mặt hợp nhất 17.944 tỷ đồng (bao gồm các công cụ đầu tư có kỳ hạn dài hơn 12 tháng).

VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn chủ sở hữu tại thời điểm ngày 31/12/2015 là 27.109 tỷ đồng, tăng 23,6% so với 21.925 tỷ đồng vào ngày 31/12/2014. Sự gia tăng này chủ yếu là do sự hợp nhất mảng kinh doanh đạm động vật và lợi nhuận chưa phân phối cao hơn trong năm 2015.

THẢO LUẬN VỀ KẾT QUẢ KIỂM TOÁN SO VỚI PRO FORMA

Pro forma, dù không phải là số liệu được kiểm toán, là kết quả dựa trên các số liệu đã được kiểm toán và được điều chỉnh để thể hiện kết quả hoạt động ổn định. Những mục điều chỉnh này bao gồm hoàn nhập khoản phân bổ lợi thế thương mại và phân bổ giá mua từ các thương vụ trong quá khứ, loại bỏ lợi nhuận chỉ phát sinh một lần từ việc bán các công ty con, và hoàn nhập chi phí chỉ phát sinh một lần trong giai đoạn vận hành ban đầu và tái cấp vốn cho mảng kinh doanh tài nguyên cho năm kết thúc ngày 31/12/2014.

Chúng tôi đã hoàn nhập các chi phí liên quan đến phân bổ khấu hao lợi thế thương mại này vì chúng không phản ánh thu nhập từ hoạt động kinh doanh cốt lõi.

CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí quản lý doanh nghiệp pro forma, cho từng kỳ báo cáo và kỳ so sánh tương ứng, được tính toán sau khi hoàn nhập phân bổ lợi thế thương mại, tài sản hữu hình và tài sản vô hình từ các giao dịch M&A trong quá khứ của Tập đoàn, cũng như điều chỉnh chi phí chỉ phát sinh một lần liên quan đến việc tăng công suất

của dự án Núi Pháo. Chi phí quản lý doanh nghiệp pro forma trong năm 2015 là 1.117 tỷ đồng so với mức 823 tỷ đồng trong năm 2014. Chi phí quản lý doanh nghiệp pro forma tính theo tỷ lệ phần trăm doanh thu thuần là 3,6% trong năm 2015, thấp hơn mức 5,1% trong năm 2014.

LỢI NHUẬN THUẦN

Lợi nhuận thuần pro forma đạt 2.992 tỷ đồng trong năm 2015, tăng 56,3% so với 1.914 tỷ đồng trong năm 2014. Sự gia tăng này chủ yếu là nhờ doanh thu, lợi nhuận gộp và EBITDA cao hơn do sự đóng góp lớn của mảng kinh doanh đạm động vật, bù đắp vào thu nhập tài chính thuần thấp hơn. Để so sánh từng khoản tương ứng, các số liệu lợi nhuận thuần pro forma được tính toán bằng cách loại trừ tác động từ các sự kiện không thương xuyên. Trong năm 2014, những sự kiện này bao gồm lợi nhuận từ việc thanh lý các công ty con không thuộc mảng kinh doanh cốt lõi và các khoản lợi nhuận chỉ xảy ra một lần. Trong năm 2015, những sự kiện này bao gồm lợi nhuận từ lợi thế thương mại âm 148 tỷ đồng sau thương vụ mua lại Masan Nutri-Science.

TRIỂN VỌNG TÀI CHÍNH NĂM 2016

Trong năm 2016, chúng tôi kỳ vọng doanh thu thuần tăng trưởng khoảng 50% đạt gần 2 tỷ đôla Mỹ, chủ yếu đến từ mảng kinh doanh hàng tiêu dùng. Sau năm kỷ lục 2015, mục tiêu này có thể có vẻ lạc quan. Tuy nhiên, tất cả các mảng kinh doanh của chúng tôi đang có đà tăng trưởng tốt. Mảng thực phẩm và đồ uống kết thúc năm 2015 với mức tăng trưởng quý 4 đạt 12% so với cùng kỳ năm ngoái và dự kiến sẽ đạt tốc độ tăng trưởng hai con số trong năm nay nhờ hiệu quả vững chắc trong mảng kinh doanh thực phẩm (chưa tính đến tiềm năng lớn từ thị trường "Inland ASEAN") và doanh số bia tăng gần gấp đôi. Mảng kinh doanh đạm động vật dự báo sẽ đóng góp đáng kể với kỳ vọng tăng trưởng từ 25% đến 30%. Doanh thu thuần cũng sẽ được hỗ trợ mạnh mẽ từ việc hợp nhất đầy đủ 12 tháng của Masan Nutri-Science, so với việc chỉ hợp nhất

8 tháng trong năm 2015. Trong mảng tài nguyên và chế biến khoáng sản, giả định ở mức giá vonfram thận trọng ở mức thấp như hiện nay, chúng tôi có kế hoạch tăng doanh thu 50% bằng cách cải thiện tỉ lệ thu hồi và đưa vào vận hành thành công nhà máy chế biến hóa chất vonfram.

Đối với lợi nhuận, chúng tôi dự kiến sẽ tăng trưởng 25% đến 35%, cùng với biên lợi nhuận gộp được cải thiện trong toàn bộ các công ty và lợi nhuận trước thuế của Techcombank tăng trưởng nhanh nhất trong toàn Tập đoàn. Hoàn nhập các khoản khấu hao tài sản hữu hình và vô hình, số dư tiền mặt của Tập đoàn sẽ tiếp tục tăng đáng kể, cho phép chúng tôi đầu tư có thể đầu tư trong tương lai để đạt được chuyển đổi lớn.



**BÁO CÁO
TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MA SAN)
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

**Giấy Chứng nhận Đăng
ký Kinh doanh số**

0303576603

ngày 6 tháng 8 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 6 tháng 8 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu tiên số 4103002877 được cấp ngày 18 tháng 11 năm 2004.

Hội đồng Quản trị

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang
Ông Hồ Hùng Anh
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Nguyễn Thiều Nam
Ông Lars Kjaer
Ông Dominic Edward Salter Price

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang
Ông Nguyễn Thiều Nam
Ông Michael Hung Nguyen
Ông Seokhee Won

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Đại diện pháp lý

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang

Chủ tịch

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San) (“Công ty”) trình bày bản công bố này và báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (được gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Khi lập các báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán phù hợp có được tuân thủ hay không, và các khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoặc Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty và Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Công ty và Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính này.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính của Công ty và Tập đoàn đính kèm tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 7 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI CÁC CÔ ĐỒNG

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San) (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 52 đến trang 151.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập các báo cáo tài chính này không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng và hợp nhất lần lượt của Công ty và Tập đoàn, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-01-411



Chang Hung Chun
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0863-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 3 năm 2016

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2015	1/1/2015	31/12/2015	1/1/2015
			Triệu VND	Triệu VND Phân loại lại	Triệu VND	Triệu VND Phân loại lại
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		16.709.473	16.428.327	1.779.993	7.247.661
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	8.324.476	5.166.415	1.103.659	517.251
Tiền	111		918.656	302.970	17.769	9.901
Các khoản tương đương tiền	112		7.405.820	4.863.445	1.085.890	507.350
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	8	293.990	4.042.212	287.890	239.614
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		293.990	4.042.212	287.890	239.614
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	9	3.126.527	5.227.550	316.523	6.420.798
Phải thu khách hàng	131		878.130	4.346.998	19.421	3.072.190
Trả trước cho người bán	132		872.866	341.231	139.931	134.636
Phải thu từ cho vay ngắn hạn	135		762.400	-	-	2.172.320
Phải thu khác	136		641.598	527.770	157.171	1.041.652
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(28.589)	(2.064)	-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		122	13.615	-	-
Hàng tồn kho	140	10	4.417.969	1.604.854	-	-
Hàng tồn kho	141		4.434.592	1.627.172	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(16.623)	(22.318)	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		546.511	387.296	71.921	69.998
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		79.536	70.227	974	396
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		445.579	295.726	52.859	50.380
Thuế phải thu Nhà nước	154	18	21.396	21.343	18.088	19.222

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2015	1/1/2015	31/12/2015	1/1/2015
			Triệu VND	Triệu VND Phân loại lại	Triệu VND	Triệu VND Phân loại lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		55.140.227	36.536.773	22.431.116	17.399.699
Các khoản phải thu dài hạn	210	9	10.432.139	1.447.633	7.908.358	5.025.630
Phải thu từ cho vay dài hạn	215		8.563.114	-	4.773.374	2.283.927
Phải thu dài hạn khác	216		1.869.025	1.447.633	3.134.984	2.741.703
Tài sản cố định	220		26.998.134	20.253.476	3.626	9.443
Tài sản cố định hữu hình	221	11	19.965.062	18.409.913	2.429	7.172
<i>Nguyên giá</i>	222		22.597.132	19.887.100	20.899	20.759
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.632.070)	(1.477.187)	(18.470)	(13.587)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	12	31.407	44.867	-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		67.300	67.300	-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(35.893)	(22.433)	-	-
Tài sản cố định vô hình	227	13	7.001.665	1.798.696	1.197	2.271
<i>Nguyên giá</i>	228		7.906.859	2.262.894	4.532	4.532
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(905.194)	(464.198)	(3.335)	(2.261)
Tài sản dở dang dài hạn	240	14	5.480.035	3.811.051	-	-
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	242		5.480.035	3.811.051	-	-
Đầu tư dài hạn	250	8	9.144.883	8.745.176	14.515.337	12.322.338
Đầu tư vào công ty con	251		-	-	6.526.105	3.389.914
Đầu tư vào công ty liên kết	252		9.124.149	8.601.126	7.989.232	8.932.424
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		21.646	-	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(912)	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	144.050	-	-
Tài sản dài hạn khác	260		3.085.036	2.279.437	3.795	42.288
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	2.042.622	1.369.592	3.795	42.288
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	213.737	117.491	-	-
Lợi thế thương mại	269	17	828.677	792.354	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		71.849.700	52.965.100	24.211.109	24.647.360

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND Phân loại lại	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND Phân loại lại
NGUỒN VỐN						
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		44.740.654	31.039.961	7.093.306	7.116.242
Nợ ngắn hạn	310		15.005.196	11.796.756	3.104.584	2.341.101
Phải trả người bán	311		2.419.059	999.340	240	1.451
Người mua trả tiền trước	312		139.989	35.786	-	-
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18	504.532	962.550	-	1.127
Phải trả người lao động	314		257.716	258	-	-
Chi phí phải trả	315	19	2.875.921	1.862.531	147.891	215.239
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	398.473	1.866.738	111.611	1.555.324
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	8.366.625	6.042.278	2.844.842	567.960
Quý khen thưởng, phúc lợi	322		42.881	27.275	-	-
Nợ dài hạn	330		29.735.458	19.243.205	3.988.722	4.775.141
Phải trả người bán dài hạn	331		75.845	-	-	-
Phải trả dài hạn khác	337	20	97.813	177.901	-	75.141
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	27.253.112	17.521.970	3.988.722	4.700.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16	1.692.753	932.787	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	615.935	610.547	-	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND Phân loại lại	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND Phân loại lại
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		27.109.046	21.925.139	17.117.803	17.531.118
Vốn chủ sở hữu	410	23	27.109.046	21.925.139	17.117.803	17.531.118
Vốn cổ phần	411	24	7.467.179	7.358.081	7.467.179	7.358.081
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		7.467.179	7.358.081	7.467.179	7.358.081
Thặng dư vốn cổ phần	412	24	9.631.106	9.631.164	9.631.106	9.631.164
Vốn khác của chủ sở hữu	414	25	(9.045.049)	(9.045.049)	(1.488.972)	(1.488.972)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.561.380	7.071.887	1.508.490	2.030.845
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối / (lỗ lũy kế) đến cuối năm trước</i>	421a		7.069.066	5.991.718	2.030.845	(1.206.546)
<i>Lợi nhuận / (lỗ) sau thuế chưa phân phối năm nay</i>	421b		1.492.314	1.080.169	(522.355)	3.237.391
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10.494.430	6.909.056	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		71.849.700	52.965.100	24.211.109	24.647.360

Người lập:


Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Ngày 7 tháng 3 năm 2016

Người duyệt:


Michael Hung Nguyen
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chínhTiến sĩ Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2015	2014	2015	2014
			Triệu VND	Triệu VND Phân loại lại	Triệu VND	Triệu VND Phân loại lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	31.324.871	16.377.834	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	696.461	257.940	-	-
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	27	30.628.410	16.119.894	-	-
Giá vốn hàng bán	11	28	20.819.786	9.703.190	-	-
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		9.808.624	6.416.704	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	1.382.303	1.570.967	678.580	4.259.505
Chi phí hoạt động tài chính	22	30	2.714.701	1.710.991	626.779	922.574
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.425.305	1.464.722	623.115	909.287
Lãi/(lỗ) từ các công ty liên kết	24	31	499.017	(53.061)	-	-
Chi phí bán hàng	25	32	4.044.357	2.672.111	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	1.664.517	1.048.358	583.219	106.550
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		3.266.369	2.503.150	(531.418)	3.230.381
Thu nhập khác	31	34	34.513	305.437	9.113	8.443
Chi phí khác	32	35	74.153	68.856	50	1.433
(Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(39.640)	236.581	9.063	7.010
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) (mang sang trang sau)	50		3.226.729	2.739.731	(522.355)	3.237.391

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 02 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2015	2014	2015	2014
			Triệu VND	Triệu VND Phân loại lại	Triệu VND	Triệu VND Phân loại lại
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) (mang sang từ trang trước)	50		3.226.729	2.739.731	(522.355)	3.237.391
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	817.534	958.677	-	-
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	36	(118.055)	(255.988)	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.527.250	2.037.042	(522.355)	3.237.391
Phân bổ:						
Cổ đông của Công ty	61		1.478.292	1.080.169	(522.355)	3.237.391
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	62		1.048.958	956.873	-	-
Lãi trên cổ phiếu			VND	VND	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	1.965	1.447	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	38	1.963	1.418	-	-

Người lập:


Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Ngày 7 tháng 3 năm 2016

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chínhTiến sĩ Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2015 Triệu VND	2014 Triệu VND	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	01		3.226.729	2.739.731	(522.355)	3.237.391
Điều chỉnh cho các khoản						
Khấu hao và phân bổ	02		1.814.926	1.120.817	5.957	12.185
Các khoản dự phòng	03		144.193	64.376	-	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện thuần	04		17.866	49.068	780	(121)
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05		(1.798.838)	(1.456.863)	(676.758)	(4.255.696)
Chi phí lãi vay	06		2.425.305	1.464.722	623.115	909.287
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		5.830.181	3.981.851	(569.261)	(96.954)
Giảm/(tăng) các khoản phải thu và tài sản khác	09		89.060	(202.202)	537.162	(1.510.445)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10		283.372	(609.978)	-	-
Tăng/(giảm) các khoản phải trả và nợ khác	11		1.270.210	(685.798)	1.575	1.396.875
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(18.263)	201.979	2.637	11.179
			7.454.560	2.685.852	(27.887)	(199.345)
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.318.538)	(1.734.103)	(687.169)	(812.331)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.306.820)	(562.747)	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.430)	(55.855)	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.822.772	333.147	(715.056)	(1.011.676)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2015 Triệu VND	2014 Triệu VND	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ						
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(3.856.825)	(2.708.702)	(140)	(1.411)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		6.087	32.300	-	23.183
Tiền chi cho các khoản cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(62.229.339)	(26.000.830)	(1.341.586)	(2.061.325)
Tiền thu từ các khoản cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		57.373.597	24.685.669	766.183	647.042
Tiền chi đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết	25		(3.708.222)	(1.174.308)	(4.638.251)	-
Tiền thu từ đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết	26		3.536.943	55.938	3.978.335	818.000
Tiền thu từ tiền lãi, cổ tức và khác	27		767.707	434.094	851.006	559.159
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(8.110.052)	(4.675.839)	(384.453)	(15.352)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty		
		2015 Triệu VND	2014 Triệu VND	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu mới và góp vốn vào các công ty con từ lợi ích cổ đông không kiểm soát	31	264.123	507.943	109.040	-
	Tiền thu từ vay ngắn hạn và dài hạn	33	39.553.432	21.843.111	4.819.000	735.000
	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(31.741.770)	(17.202.243)	(3.242.119)	(570.000)
	Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát của công ty con	36	(640.430)	(1.336.827)	-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	7.435.355	3.811.984	1.685.921	165.000
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	3.148.075	(530.708)	586.412	(862.028)
	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	5.166.415	5.698.563	517.251	1.379.279
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản	61	9.986	(1.440)	(4)	-
	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	8.324.476	5.166.415	1.103.659	517.251

Ngày 7 tháng 3 năm 2016

Người lập:


Người duyệt:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng



Michael Hung Nguyen
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính



Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San) (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích trong các công ty liên kết của Tập đoàn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có 43 công ty con và 6 công ty liên kết (1/1/2015: 22 công ty con và 3 công ty liên kết).

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư.

Hoạt động chính của các công ty con và công ty liên kết được mô tả như sau:

Công ty con
Công ty con sở hữu trực tiếp

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại	
				31/12/2015	1/1/2015
1	Công ty TNHH Masan Consumer-Holdings (“MCH”)	Tư vấn quản lý	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,0%	100,0%
2	Công ty Cổ phần Tầm Nhìn Masan (“MH”) (trước đây là Công ty Cổ phần Tầm Nhìn Ma San)	Tư vấn quản lý	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,9%	99,9%
3	Công ty TNHH Masan Nutri-Science (“MNS”) (trước đây là Công ty TNHH Sam Kim) (i)	Tư vấn quản lý	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,9%	-

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty con sở hữu gián tiếp

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại	
				31/12/2015	1/1/2015
1	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan ("MSC") (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San)	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	77,8%	78,4%
2	Công ty TNHH Một Thành Viên Thực phẩm Masan ("MSF")	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	77,8%	78,4%
3	Công ty TNHH Một Thành Viên Masan HG (ii) ("MHG")	Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Khu Công nghiệp Sông Hậu, Xã Đồng Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	77,8%	-
4	Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn (iii) ("SNF")	Sản xuất và kinh doanh thực phẩm tiện lợi	Lô K4, Đường số 2, Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Huyện Dĩ An, Thị trấn Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	77,8%	-
5	Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghiệp Masan (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghiệp Ma San) ("MSI")	Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	77,8%	78,4%
6	Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến ("VTF")	Sản xuất gia vị	Lô III-10-Nhóm Công nghiệp III, Khu Công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	77,8%	78,4%
7	Công ty TNHH Một Thành Viên Masan HD (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Ma San HD) ("MHD")	Sản xuất gia vị và thực phẩm tiện lợi	Lô 22, Khu Công nghiệp Đại An, Thành phố Hải Dương, Việt Nam	77,8%	78,4%
8	Công ty Cổ phần Ma San PQ ("MPQ")	Sản xuất gia vị	Khu 1, Thôn Suối Đa, Xã Dương Tô, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	73,5%	74,0%

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại	
				31/12/2015	1/1/2015
9	Công ty TNHH Một Thành Viên Masan ĐN ("MDN")	Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Đường số 7, Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	77,8%	78,4%
10	Công ty TNHH Một Thành Viên Masan MB ("MMB")	Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Khu B, Khu Công nghiệp Năm Cam – Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, Xã Nghi Long, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	77,8%	78,4%
11	Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Beverage ("MSB")	Sản xuất và phân phối đồ uống	Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	77,8%	78,4%
12	Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (iv) ("QNW")	Sản xuất đồ uống	Nhóm 3A, Khu 4, Suối Mơ, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.	50,6%	-
13	Công ty Cổ phần VinaCafe Biên Hòa ("VCF") (viii)	Sản xuất đồ uống	Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	41,4%	41,7%
14	Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo ("VHC") (viii)	Sản xuất đồ uống	Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.	49,7%	50,1%
15	Công ty Cổ phần TM DV & SX Krôngpha (viii)	Sản xuất đồ uống	Km số 37, Quốc lộ 27, Thị trấn Tân Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	49,7%	50,1%
16	Công Ty TNHH Masan Brewery ("MB")	Tư vấn quản lý	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,0%	100,0%

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại	
				31/12/2015	1/1/2015
17	Công ty TNHH Masan Master Brewer ("MMBr") (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Lamka)	Kinh doanh bia và nước giải khát	Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,0%	100,0%
18	Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery PY ("MBPY") (trước đây là Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Phú Yên)	Sản xuất bia và nước giải khát	Khu Công nghiệp Hòa Hiệp, Xã Hòa Hiệp Bắc, Huyện Đông Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam	100,0%	99,9%
19	Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery HG (v) ("MBHG")	Sản xuất bia và nước giải khát	Khu Công nghiệp Sông Hậu, Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,0%	-
20	Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery Distribution (vi) ("MBD")	Kinh doanh bia và nước giải khát	Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,0%	-
21	Công ty TNHH Mapleleaf (vii) ("ML")	Tư vấn quản lý	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,9%	-
22	Công ty cổ phần Tài nguyên Ma San ("MR")	Tư vấn quản lý	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	72,7%	74,1%
23	Công ty TNHH Một Thành Viên Tài nguyên Ma San Thái Nguyên ("MRTN")	Tư vấn quản lý	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	72,7%	74,1%
24	Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên ("TNTI")	Tư vấn quản lý	Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	72,7%	74,1%

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại	
				31/12/2015	1/1/2015
25	Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo ("NPM")	Khai thác và chế biến quặng	Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	72,7%	74,1%
26	Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo – H.C.Starck ("NPHCS")	Khai thác sâu kim loại màu và kim loại quý (tungsten)	Thôn 11, Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	37,1%	37,8%
27	Công ty TNHH Kenji ("Kenji") (i)	Tư vấn quản lý	Tầng 6, Tòa nhà Mê Linh Point, 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,9%	-
28	Công ty TNHH Shika ("Shika") (i)	Tư vấn quản lý	Tầng 6, Tòa nhà Mê Linh Point, 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,9%	-
29	Công ty Cổ phần Meiji ("Meiji") (trước đây là Công ty Cổ phần Masan Agri) (i)	Tư vấn quản lý	Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,9%	-
30	Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế ("Anco") (i)	Đạm động vật	Lô A4, Đường số 2, Khu Công nghiệp Sông Mây, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	70,0%	-
31	Công ty Liên doanh Dinh dưỡng Thủy sản Quốc tế ("Anco Vĩnh Long") (i)	Đạm động vật	Khu 4, Tuyến Công nghiệp Cổ Chiên, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam	70,0%	-
32	Công ty TNHH Một Thành Viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định	Đạm động vật	Lô B4.06, Khu Công nghiệp Nhơn Hội (Khu A), Huyện Nhơn Hội, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	70,0%	-

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại	
				31/12/2015	1/1/2015
33	Công ty TNHH Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Thái Nguyên ("Anco Thái Nguyên") (i)	Đạm động vật	Lô B5- B6, Khu Công nghiệp Trung Thành, Huyện Trung Thành, Thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	70,0%	-
34	Công ty TNHH Một Thành Viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiền Giang ("Anco Tiền Giang") (i)	Đạm động vật	Lô 22-23B, Khu Công nghiệp Long Giang, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam	70,0%	-
35	Công ty TNHH Một Thành Viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Nghệ An ("Anco Nghệ An") (i)	Đạm động vật	Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cấn, Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, Thuộc Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	70,0%	-
36	Công ty TNHH Một Thành Viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Hậu Giang ("Anco Hậu Giang") (i)	Đạm động vật	Khu Công nghiệp Tân Phú Thạch – Giai đoạn 1, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	70,0%	-
37	Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc ("Proconco") (i)	Đạm động vật	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	68,6%	-
38	Công ty TNHH Một Thành Viên Proconco Cần Thơ ("Proconco Cần Thơ") (i)	Đạm động vật	Lô 13, 14 Khu Công nghiệp Trà Nóc 1, Xã Trà Nóc, Huyện Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	68,6%	-
39	Công ty TNHH Một Thành Viên Con Cò Bình Định ("Proconco Bình Định") (i)	Đạm động vật	Lô A-2-5 và Lô A-2-6, Khu Công nghiệp Nhơn Hòa, Xã Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	68,6%	-
40	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Toàn Lợi ("Toàn Lợi") (i)	Đạm động vật	Thôn Yên Phú, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	68,6%	-

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty liên kết

Công ty liên kết sở hữu trực tiếp

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại	
			31/12/2015	1/1/2015
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Techcombank")	Ngân hàng	19,5%	19,5%

Công ty liên kết sở hữu gián tiếp

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại	
			31/12/2015	1/1/2015
1	Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex ("Cholimex")	Sản xuất gia vị	32,8%	32,8%
2	Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo ("VHS")	Sản xuất tảo	-	30,0%
3	Công ty Cổ phần Bao bì Thuận Phát ("Thuận Phát") (i)	Sản xuất bao bì	25,0%	-
4	Công ty Cổ phần Lộc Khang ("Lộc Khang") (i)	Đạm động vật	26,2%	-
5	Công ty Cổ phần Chế biến Súc sản Long Bình ("Abattoir") (i)	Đạm động vật	25,0%	-
6	Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Đồng Nai ("DN Manu") (i)	Đạm động vật	21,3%	-

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(i) Vào tháng 4 năm 2015, Công ty đã mua 99,9% lợi ích vốn chủ sở hữu của MNS từ bên thứ ba với tổng khoản thanh toán bao gồm phí giao dịch là 2.192.690 triệu VND. MNS nắm giữ 100,0% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Kenji, 99,9% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Shika, 99,9% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Meiji, 70,0% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Anco và 52,1% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Proconco. Giao dịch này dẫn đến Kenji, Shika, Meiji, Anco và Proconco trở thành các công ty con được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MNS.

Anco, một công ty con, nắm giữ 100,0% lợi ích vốn chủ sở hữu của Anco Vĩnh Long, Anco Bình Định, Anco Thái Nguyên, Anco Tiền Giang, Anco Hậu Giang và Anco Nghệ An. Giao dịch này dẫn đến Anco Vĩnh Long, Anco Bình Định, Anco Thái Nguyên, Anco Tiền Giang, Anco Hậu Giang và Anco Nghệ An trở thành các công ty con được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Anco.

Proconco, một công ty con, nắm giữ 100,0% lợi ích vốn chủ sở hữu của Proconco Cần Thơ, Proconco Bình Định và Toàn Lợi và cũng nắm giữ 25,0% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Thuận Phát, 26,2% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Lộc Khang, 25,0% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Abattoir và 21,3% lợi ích vốn chủ sở hữu trong DN Manu. Giao dịch này dẫn đến Proconco Cần Thơ, Proconco Bình Định và Toàn Lợi trở thành các công ty con được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Proconco. Thuận Phát, Lộc Khang, Abattoir và DN Manu trở thành công ty liên kết sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Proconco.

Vào tháng 8 và tháng 9 năm 2015, Proconco mua lại cổ phiếu quỹ từ lợi ích cổ đông không kiểm soát. Giao dịch này dẫn đến lợi ích vốn chủ sở hữu của Tập đoàn trong Proconco đã tăng từ 52,1% lên 65,8% tại ngày 30 tháng 9 năm 2015.

Vào tháng 12 năm 2015, Kenji đã mua thêm 4.412.628 cổ phiếu của Proconco từ lợi ích cổ đông không kiểm soát.

Giao dịch này dẫn đến lợi ích vốn chủ sở hữu của Tập đoàn trong Proconco đã tăng từ 65,8% lên 68,6%.

- (ii) Vào tháng 6 năm 2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang đã ban hành Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6300262818 phê duyệt thành lập MHG, một công ty con mới thành lập sở hữu 100,0% bởi MSF. MHG trở thành công ty con được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MSF, một công ty con sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MCH và MSC.
- (iii) Vào tháng 1 năm 2015, MSF đã mua 99,9% lợi ích vốn chủ sở hữu của SNF từ bên thứ ba với tổng khoản thanh toán là 200.000 triệu VND, bao gồm phí giao dịch. Giao dịch này dẫn đến SNF trở thành công ty con được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MSF, một công ty con sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MCH và MSC.
- (iv) Vào ngày 25 tháng 12 năm 2015, MSB đã mua 65,0% lợi ích vốn chủ sở hữu của QNW từ bên thứ ba với tổng khoản thanh toán là 140.189 triệu VND bao gồm phí giao dịch. Giao dịch này dẫn đến QNW trở thành công ty con được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MSB, một công ty con sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MCH và MSC.
- (v) Vào tháng 2 năm 2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang đã ban hành Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6300259029 phê duyệt thành lập MBHG, một công ty con mới thành lập sở hữu 100,0% bởi MMB. MBHG trở thành công ty con được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MMB, một công ty con được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MCH và MB.
- (vi) Vào tháng 2 năm 2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0313132445 phê duyệt thành lập MBD, một công ty con mới thành lập sở hữu 100,0% bởi MB. MBD trở thành công ty con được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MB, một công ty con sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MCH và MB.
- (vii) Vào tháng 12 năm 2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0313573915 phê duyệt thành lập ML một

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

công ty con mới thành lập sở hữu 100,0% bởi MH. ML được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MH.

(viii) Các công ty con được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MCH, MSC và MSB.

Tất cả các công ty con và công ty liên kết đều được thành lập tại Việt Nam

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ thực tế các lợi ích kinh tế của Công ty trong các công ty con sở hữu trực tiếp và gián tiếp và của các công ty con sở hữu trực tiếp và gián tiếp trong công ty liên kết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 32 nhân viên (1/1/2015: 32 nhân viên) và Tập đoàn có 8.660 nhân viên (1/1/2015: 7.047 nhân viên).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"). Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng triệu VND làm tròn đến hàng triệu đồng gần nhất ("Triệu VND").

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP MỚI BAN HÀNH

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006-QĐ/BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây về phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty và Tập đoàn áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và Tập đoàn và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính sau đây:

- Cơ sở hợp nhất (Thuyết minh 4(a)) – lãi hoặc lỗ từ việc mua lại hoặc thanh lý một phần công ty con mà không làm mất đi hoặc có được quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong vốn chủ sở hữu. Lợi ích cổ đông không kiểm soát nay được phân loại lại là một phần của vốn chủ sở hữu;
- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 4(b)) – cách sử dụng các tỷ giá hối đoái thương mại khác nhau nay được chỉ rõ trong Thông tư 200;
- Lợi thế thương mại (Thuyết minh 4(l)) – không phân

bổ lợi thế thương mại bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu; và

- Lãi trên cổ phiếu (Thuyết minh 4(w)) – lãi hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông phổ thông của Công ty nay được xác định sau khi trừ đi các khoản trích lập vào quỹ khen thưởng và phúc lợi.

4. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất phù hợp với định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực kế toán số 11-Hợp nhất kinh doanh và trong sự chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực kế toán số 01-Chuẩn mực chung và Chuẩn mực kế toán số 21-Trình bày báo cáo tài chính. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện tại dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được sáp nhập được xem như là sự phân bổ vốn hoặc góp vốn giả định từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do áp dụng Thông tư 202, chênh lệch này được ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ của Cổ đông Kiểm soát hoặc từ lúc các công ty được thành lập vào ngày sau ngày bắt đầu của kỳ báo cáo gần nhất, cho giai đoạn từ ngày thành lập đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng.

(ii) Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Tất cả các hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán bằng cách áp dụng phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà sự kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi xem xét sự kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng mà có thể thực hiện được ở hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của công ty được mua sử dụng giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm, được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn, mà Tập đoàn phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh

cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong năm.

(iii) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát này tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một công ty nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(iv) Các công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có sự ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Sự ảnh hưởng đáng kể này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20 % đến 50 % quyền biểu quyết của một công ty khác. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu) trong báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn bao gồm lợi thế thương mại được xác định tại thời điểm mua trừ đi hao mòn lũy kế của lợi thế thương mại. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi được điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Khi Tập đoàn chia sẻ khoản lỗ của công ty liên kết theo phần sở hữu của Tập đoàn vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm về không và Tập đoàn không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

trừ khi Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán hay đã thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát ("NCI") và các khoản mục vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(vi) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

NCI được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được hạch toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số tiền thanh toán hoặc nhận được ghi nhận vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do áp dụng Thông tư 202, chênh lệch này được ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

(vii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch

với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và các công ty con và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu từ khách hàng, khoản cho vay phải thu và các khoản phải thu khác là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngân hàng

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty và các công ty con gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (phải trả và các khoản vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản để hình thành tài sản cố định và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ trong giai đoạn trước hoạt động của Công ty và các công ty con, thì được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi Công ty hoặc các công ty con bắt đầu hoạt động. Khi Công ty hoặc công ty con bắt đầu hoạt động và tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng, các khoản lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thuần có liên quan được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu chưa thực hiện hoặc vào Tài khoản Chi phí trả trước dài hạn. Các khoản lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thuần này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do áp dụng Thông tư 200, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá bao gồm cả chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất. Số dư còn lại chưa phân bổ hết tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đang được ghi nhận ở tài khoản Chi phí Trả trước Dài hạn xấp xỉ bằng 3.443 triệu VND đã được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Việc thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố. Do sự thay đổi chính sách kế toán này, lợi nhuận thuần hợp nhất trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã giảm

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

xuống 2.686 triệu VND (sau khi trừ đi 757 triệu VND ảnh hưởng thuế thu nhập doanh nghiệp).

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại, chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và

khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn, một số chi phí cụ thể liên quan đến tài sản khai khoáng bao gồm chi phí phục hồi mỏ; và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh.

(ii) Khấu hao

Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản

Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản được khấu hao dựa trên trữ lượng theo phương pháp khối lượng sản phẩm. Trữ lượng khoáng sản là lượng sản phẩm ước tính có thể được khai thác có lãi và hợp pháp từ tài sản khai thác khoáng sản của Tập đoàn.

Máy móc và thiết bị của một công ty con liên quan trực tiếp đến các hoạt động sản xuất

Tài sản cố định hữu hình của một công ty con có liên quan trực tiếp đến việc gia công các sản phẩm vonfram được khấu hao theo thời gian hữu dụng ước tính của đơn vị sản phẩm trên ước tính đầu ra số lượng sản phẩm.

Khác

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

■ tài sản khai khoáng	15 - 20 năm
■ nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 30 năm
■ nâng cấp tài sản thuê	3 - 5 năm
■ thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
■ máy móc và thiết bị	3 - 25 năm
■ phương tiện vận chuyển	3 - 10 năm

(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trong vòng 5 năm.

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao đã thanh toán tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 19 đến 50 năm.

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 đến 10 năm.

(iii) Thương hiệu

Giá mua của thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận như tài sản cố định vô hình.

Giá trị hợp lý của thương hiệu phát sinh khi hợp nhất kinh doanh được tính bằng việc chiết khấu các khoản tiền bản quyền mà doanh nghiệp tiết kiệm được từ việc sở hữu thương hiệu đó. Giá trị hợp lý của thương hiệu phát sinh khi hợp nhất kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 đến 20 năm.

(iv) Mối quan hệ khách hàng

Mối quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được thông qua việc mua lại công ty con, được vốn hóa và trình bày như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính dao động từ 5 đến 20 năm.

(v) Tài nguyên nước khoáng

Tài nguyên nước khoáng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng cách sử dụng phương pháp so sánh trực tiếp hoặc phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

đoạn. Phương pháp so sánh trực tiếp ước tính giá trị của tài nguyên nước khoáng bằng cách so sánh với giá tham khảo/giao dịch gần nhất của tài nguyên nước khoáng tương tự trong cùng một vùng. Đối với phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, giá trị của tài nguyên nước khoáng được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 10 đến 37 năm.

(vi) Quyền khai thác mỏ

Tiền cấp quyền khai thác mỏ được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá do ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố theo Nghị định số 203/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014. Nguyên giá của quyền khai thác mỏ được trình bày theo giá trị hiện tại của tiền cấp quyền khai thác mỏ và được vốn hóa và hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Tiền cấp quyền khai thác mỏ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên vòng đời kinh tế của trữ lượng mỏ.

(vii) Công nghệ

Công nghệ mà Tập đoàn có được khi mua công ty con được vốn hóa và trình bày như một tài sản cố định vô hình.

Giá trị hợp lý của công nghệ có được khi hợp nhất kinh doanh được xác định dựa vào phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của công nghệ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 5 năm.

(viii) Quyền khai thác nguồn tài nguyên nước khoáng

Chi phí để có được quyền khai thác nguồn tài nguyên nước khoáng được vốn hóa và trình bày như một tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 9 đến 30 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và tài sản khoáng sản chưa khai thác. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng, lắp đặt và thử nghiệm.

Tài sản khoáng sản chưa khai thác bao gồm giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản, các chi phí liên quan đến việc triển khai trữ lượng trong hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai phát sinh sau này. Những tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Những tài sản này ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý như một phần của giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai liên quan đến việc khai thác sau đó sẽ được vốn hóa sau khi cản trừ tiền thu về từ việc bán khoáng sản khai thác trong giai đoạn triển khai. Sau khi hoàn tất công tác triển khai, mà thời điểm xác định là khi sản phẩm có thể bán bắt đầu được khai thác từ mỏ, tất cả các tài sản này được phân loại thành “máy móc và thiết bị” và “tài sản khai khoáng” trong tài sản cố định hữu hình hoặc chi phí trả trước dài hạn.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Tài sản khai khoáng

Tài sản khai khoáng bao gồm:

- Chi phí thăm dò, thăm định và phát triển được vốn hóa (bao gồm quy trình bóc dỡ đất đá phát triển mỏ); và
- Chi phí bóc dỡ đất đá trong quá trình sản xuất được vốn hóa (như được đề cập dưới đây trong ‘Chi phí bóc dỡ đất đá chờ kết chuyển’).

Chi phí bóc dỡ đất đá chờ kết chuyển

Hoạt động khai thác mỏ lộ thiên đòi hỏi phải bóc dỡ lớp đất đá phủ bên trên và các loại phế liệu khác để tiếp cận thân quặng cần khai thác. Chi phí bóc dỡ đất đá phát sinh trong quá trình phát triển mỏ (chi phí bóc dỡ đất đá phát triển mỏ) được vốn hóa vào chi phí mỏ đang xây dựng. Toàn bộ

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

chi phí bóc dỡ đất đá phát triển mỏ đã vốn hóa trong tài sản đang xây dựng được kết chuyển vào tài sản khai thác khoáng sản khác.

Chi phí loại bỏ đất đá trong giai đoạn sản xuất của mỏ (chi phí bóc dỡ đất đá trong quá trình sản xuất) được giữ lại chờ phân bổ khi chi phí này làm phát sinh lợi ích trong tương lai:

- a) Khi công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- b) Khi có thể xác định được thành phần của phần thân quặng mà khả năng tiếp cận đã được cải thiện; và
- c) Khi các chi phí phát sinh có thể được tính toán được một cách đáng tin cậy.

Chi phí bóc dỡ đất đá trong quá trình sản xuất được phân bổ giữa hàng tồn kho đã sản xuất và tài sản bóc dỡ đất đá trong quá trình sản xuất dựa trên tỷ lệ bóc dỡ đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.

Tỷ lệ bóc dỡ đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ là tỷ lệ giữa tổng lượng phế liệu ước tính trên tổng lượng quặng ước tính có thể thu hồi được lợi ích kinh tế trong suốt vòng đời của mỏ. Các chi phí này được vốn hóa vào tài sản bóc dỡ đất đá trong quá trình sản xuất khi tỷ lệ bóc dỡ đất đá thực tế của kỳ hiện tại cao hơn tỷ lệ bóc dỡ đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.

Tài sản bóc dỡ đất đá trong quá trình phát triển mỏ và sản xuất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt giai đoạn khai thác trữ lượng của các thành phần khoáng sản liên quan đã được chứng minh chắc chắn.

(ii) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các chi phí thành lập, cũng như các chi tiêu cho các hoạt động đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi phát sinh từ ngày thành lập cho đến ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn, được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, và

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(iii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 42 đến 50 năm.

(iv) Chi phí bồi thường đất

Chi phí bồi thường đất bao gồm các chi phí phát sinh liên quan và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 20 năm.

(v) Trục in, công cụ và dụng cụ

Trục in, công cụ và dụng cụ được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng từ 1 đến 3 năm.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(vi) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển. Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 5 năm (bao gồm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web). Giá trị tiềm năng phát triển được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu).

(vii) Chi phí vay và phí thu xếp

Chi phí vay và phí thu xếp là các chi phí phát sinh liên quan để nhận được các khoản vay dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của khoản vay đó. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, chi phí vay và phí thu xếp được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo thời hạn của khoản vay đó. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do áp dụng theo Thông tư 200, số dư chưa phân bổ được ghi nhận trước đây trong chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân loại lại vào vay, trái phiếu và nợ thuê tài chính dài hạn và tiếp tục được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung do mua lại công ty con và công ty liên kết.

Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn

trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lợi thế thương mại bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do áp dụng Thông tư 202, lợi thế thương mại bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết không được tiếp tục phân bổ nữa. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

(m) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc nghĩa vụ tiềm tàng đang hình thành có thể ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro cụ thể với khoản nợ phải trả đó.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Quyền khai thác mỏ

Theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010, một công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước lệ phí của quyền khai thác mỏ. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá mỏ do ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố theo Nghị định số 2013/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014. Tiền cấp quyền khai thác mỏ được ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Phục hồi môi trường mỏ

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Tập đoàn làm phát sinh nghĩa vụ đóng cửa mỏ hoặc phục hồi môi trường mỏ. Hoạt động đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ có thể bao gồm việc giải bản mỏ và tháo dỡ thiết bị; phục hồi mặt bằng đất và khu vực khai thác. Phạm vi công việc phải thực hiện và các chi phí liên quan tùy thuộc vào các quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường ("MONRE") và các chính sách môi trường của Tập đoàn theo Báo cáo Tác động Môi trường. Thời gian đóng cửa mỏ thực tế và chi phí phục hồi môi trường mỏ phụ thuộc vào vòng đời và bản chất của mỏ.

Khi dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận lần đầu, chi phí tương ứng được vốn hóa như một tài sản, thể hiện một phần chi phí để thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ hoạt động. Chi phí đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ đã vốn hóa được ghi nhận vào tài sản khai thác khoáng sản khác và theo đó được khấu hao. Giá trị của khoản dự phòng tăng lên theo thời gian do ảnh hưởng của việc chiết khấu đến giá trị hiện tại, từ đó dẫn đến một chi phí được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được điều chỉnh theo các thay đổi về ước tính. Các điều chỉnh này được hạch toán như một thay đổi về chi phí được vốn hóa tương ứng, trừ trường hợp số giảm dự phòng cao hơn chi phí được vốn hóa bị trích khấu hao thiếu của các tài sản liên quan, trong đó chi phí được vốn hóa được giảm xuống bằng không và số điều chỉnh còn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(o) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(p) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất của Công ty và Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty và Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty và Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty và Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty và Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty và Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty và Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn và Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty và Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty và Tập đoàn nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

- có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
 - Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty và Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Các hợp đồng bảo lãnh tài chính được phân loại trong các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhưng chúng không được ghi nhận trong báo cáo tài chính.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(q) Công cụ tài chính phái sinh

Tập đoàn nắm giữ các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro biến động giá nguyên vật liệu. Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo giá gốc tại ngày ký kết hợp đồng phái sinh. Lãi hoặc lỗ công cụ tài chính phái sinh đã thực hiện được ghi nhận là doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(r) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(s) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Vốn khác của chủ sở hữu

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, biến động vốn chủ sở hữu từ hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung, mua hoặc bán với lợi ích cổ đông không kiểm soát mà không làm ảnh hưởng đến quyền kiểm soát công ty con trước đây được ghi nhận trong Vốn khác. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do việc áp dụng Thông tư 202, chênh lệch này được ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố. Vốn khác được ghi nhận trước đây sẽ được phân loại lại vào phần Vốn khác của chủ sở hữu.

(t) Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Đối với doanh thu bán khoáng sản, giá bán thường được xác định sơ bộ tại ngày ghi nhận doanh thu và ngày điều chỉnh giá bán phát sinh sau đó dựa trên biến động giá niêm yết trên thị trường hoặc giá theo hợp đồng cho đến ngày định giá chính thức. Khoảng thời gian giữa thời điểm ghi nhận doanh thu sơ bộ và thời điểm định giá chính thức thường là từ 30 đến 60 ngày, tuy nhiên một số trường hợp có thể lên đến 90 ngày. Doanh thu ghi nhận sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu. Trong trường hợp các điều kiện trong hợp đồng mua bán cho phép điều chỉnh giá bán dựa trên bản khảo sát hàng hóa của khách hàng, kết quả phân tích được kiểm tra bởi một bên thứ ba sẽ được sử dụng, trừ khi bản khảo sát của khách hàng nằm trong phạm vi sai sót đã được chấp nhận, khi đó doanh thu được ghi nhận dựa trên bản phân tích chất lượng sản phẩm gần nhất.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán

bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi khấu trừ chiết khấu bán hàng đã tính trên hóa đơn.

(u) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi từ cổ tức, lãi tiền gửi, lãi từ khoản cho vay, lãi từ thanh lý các khoản đầu tư vốn chủ sở hữu và lãi chênh lệch tỷ giá và lãi đã thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh. Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, phí duy trì khoản vay, lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư vốn chủ sở hữu, lỗ do chênh lệch tỷ giá và lỗ công cụ tài chính phái sinh đã thực hiện. Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản đủ điều kiện sẽ được vốn hóa như một phần của nguyên giá các tài sản này.

(v) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(w) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

(x) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn khi tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(y) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và các công ty con và công ty liên kết của các nhà đầu tư.

(z) Chi trả bằng cổ phiếu

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên được ghi nhận theo mệnh giá.

5. BÁO CÁO CHIA THEO BỘ PHẬN KINH DOANH

Tập đoàn có ba (3) bộ phận, như được trình bày dưới đây, là các hoạt động kinh doanh chiến lược của Tập đoàn. Các hoạt động kinh doanh chiến lược này đem đến các dịch vụ và sản phẩm khác nhau, và được quản lý theo phương pháp riêng vì các hoạt động này đòi hỏi các chiến lược tiếp thị và công nghệ khác nhau. Đối với từng bộ phận, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn soát xét các báo cáo quản lý nội bộ định kỳ.

Tập đoàn nắm giữ các bộ phận kinh doanh sau đây thông qua nhóm công ty con riêng:

- Thực phẩm và đồ uống;
- Đạm động vật;
- Khác: Khai thác mỏ và chế biến; các dịch vụ tài chính.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**(a) Báo cáo theo bộ phận kinh doanh**

	Thực phẩm và đồ uống		Đạm động vật		Khác		Tổng	
	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
	Phân loại lại		Phân loại lại		Phân loại lại		Phân loại lại	
Doanh thu của bộ phận	13.916.891	13.294.163	14.053.644	-	2.657.875	2.825.731	30.628.410	16.119.894
Lợi nhuận gộp của bộ phận	6.095.489	5.645.811	2.916.623	-	796.512	770.893	9.808.624	6.416.704
Kết quả kinh doanh của bộ phận	2.052.023	2.666.839	782.474	194.773	164.636	(357.790)	2.999.133	2.503.822
Chi phí không phân bổ							(471.883)	(466.780)
Lợi nhuận thuần							2.527.250	2.037.042

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Thực phẩm và đồ uống		Đạm động vật		Khác		Tổng	
	31/12/2015	1/1/2015	31/12/2015	1/1/2015	31/12/2015	1/1/2015	31/12/2015	1/1/2015
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản của bộ phận	20.712.909	15.108.276	14.766.478	-	34.546.124	32.556.806	70.025.511	47.665.082
Tài sản không phân bổ							1.824.189	5.300.018
Tổng tài sản							71.849.700	52.965.100
Nợ phải trả của bộ phận	16.381.478	10.963.588	7.804.983	-	13.454.736	9.891.791	37.641.197	20.855.379
Nợ phải trả không phân bổ							7.099.457	10.184.582
Tổng nợ phải trả							44.740.654	31.039.961
	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Chi tiêu vốn	1.865.381	843.267	194.788	-	1.796.516	1.885.626	3.856.685	2.728.893
Khấu hao	380.125	278.654	102.062	-	770.150	612.488	1.252.337	891.142
Phân bổ	455.809	319.250	247.772	-	115.780	201.807	819.361	521.057

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn xem xét rằng Tập đoàn chỉ hoạt động trong một vùng địa lý Việt Nam

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**6. HỢP NHẤT KINH DOANH****(a) Mua SNF**

Vào tháng 1 năm 2015, MSF, một công ty con trong Tập đoàn, đã hoàn tất việc mua 99,9% lợi ích vốn chủ sở hữu của SNF với tổng khoản thanh toán là 200.000 triệu VND, bao gồm chi phí giao dịch. Giao dịch này giúp Công ty nắm giữ 77,8% lợi ích vốn chủ sở hữu thực tế trong SNF tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Việc hợp nhất kinh doanh này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua Triệu VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua Triệu VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.161	-	19.161
Các khoản phải thu khách hàng	1.619	-	1.619
Phải thu khác	486	-	486
Hàng tồn kho	6.575	-	6.575
Các khoản phải thu – dài hạn	1.359	-	1.359
Tài sản cố định hữu hình – thuần	11.559	846	12.405
Tài sản cố định vô hình – thuần	93	40.755	40.848
Chi phí trả trước dài hạn	286	-	286
Nợ phải trả ngắn hạn	(7.762)	-	(7.762)
Nợ thuế thu nhập hoãn lại	-	(6.445)	(6.445)
Tài sản thuần có thể xác định được	33.376	35.156	68.532
Tài sản thuần mua được			68.532
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại (Thuyết minh 17)			131.468
Khoản thanh toán cho việc mua lại			200.000
Khoản tiền thu được			(19.161)
Tiền thuần chi ra			180.839

Lợi thế thương mại được ghi nhận từ việc mua lại liên quan chủ yếu đến khả năng hiệp lực mà Ban Tổng Giám đốc kỳ vọng đạt được từ việc hợp nhất SNF vào hoạt động kinh doanh hiện hành của Tập đoàn.

Trong giai đoạn từ ngày mua đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, hoạt động kinh doanh được mua đã đóng góp 103.265 triệu VND doanh thu thuần và 12.462 triệu VND lợi nhuận sau thuế TNDN vào kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Mua MNS

Vào tháng 4 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc mua 99,9% lợi ích vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH Sam Kim (tên trước đây của MNS) với tổng khoản thanh toán là 2.192.690 triệu VND, bao gồm chi phí giao dịch. Việc mua cổ phần này giúp Công ty nắm giữ 99,9% lợi ích vốn chủ sở hữu thực tế trong MNS tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua Triệu VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua Triệu VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.869.174	-	1.869.174
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	577.500	-	577.500
Các khoản phải thu – ngắn hạn	859.515	-	859.515
Hàng tồn kho	3.155.172	-	3.155.172
Tài sản ngắn hạn khác	56.580	-	56.580
Các khoản phải thu – dài hạn	54.434	-	54.434
Tài sản cố định hữu hình – thuần	1.150.394	24.102	1.174.496
Tài sản cố định vô hình – thuần	4.682.517	487.538	5.170.055
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	223.192	-	223.192
Đầu tư vào công ty liên kết và góp vốn vào đơn vị khác	48.340	-	48.340
Chi phí trả trước dài hạn	121.257	-	121.257
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	72.542	-	72.542
Vay ngắn hạn	(682.900)	-	(682.900)
Nợ phải trả ngắn hạn khác	(1.573.137)	-	(1.573.137)
Vay dài hạn và nợ thuê tài chính	(3.645.425)	-	(3.645.425)
Nợ thuế thu nhập hoãn lại	(742.779)	(76.746)	(819.525)
Dự phòng dài hạn	(32.904)	-	(32.904)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(4.039.942)	(248.081)	(4.288.023)
Tổng tài sản thuần có thể xác định được	2.153.530	186.813	2.340.343
Tài sản thuần mua được			2.340.331
Lãi từ giao dịch mua rẻ (Thuyết minh 29)			(147.641)
Khoản thanh toán cho việc mua lại			2.192.690
Khoản tiền thu được			(1.869.174)
Tiền thuần chi ra			323.516

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chênh lệch giữa giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được trong nghiệp vụ mua lại và khoản thanh toán cho việc mua lại là 147.641 triệu VND được ghi nhận trong doanh thu hoạt động tài chính (Thuyết minh 29).

Lãi từ giao dịch mua rẻ chủ yếu là giá trị mà Tập đoàn đã bỏ ra để mua thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản mua được.

Trong giai đoạn từ ngày mua đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, hoạt động kinh doanh được mua đã đóng góp 14.053.644 triệu VND doanh thu thuần và 782.474 triệu VND lợi nhuận sau thuế TNDN vào kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Trong năm 2014, MNS đã ký hợp đồng quyền chọn với các lợi ích cổ đông không kiểm soát của Anco về (1) quyền chọn bán nhằm cho phép các lợi ích cổ đông không kiểm soát của Anco bán 30,0% cổ phần còn lại, với giá thỏa thuận và thời hạn thực hiện là trong vòng 18 tháng kể từ tháng 6 năm 2015 và (2) quyền chọn mua 30,0% cổ phần còn lại của Anco, với giá thỏa thuận và thời hạn thực hiện trong vòng 24 tháng kể từ tháng 12 năm 2016.

MNS cũng ký hợp đồng quyền chọn với lợi ích cổ đông không kiểm soát của Anco để mua lại toàn bộ lợi ích vốn chủ sở hữu của một đơn vị đang tồn tại hoặc một đơn vị sẽ được thành lập bởi các cổ đông trên trong ngành đạm động vật. Hợp đồng quyền chọn này sẽ được thực hiện trong năm 2016.

(c) Mua QNW

Vào tháng 12 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc mua lại 65,0% lợi ích vốn chủ sở hữu của QNW thông qua MSB với tổng khoản thanh toán là 140.189 triệu VND, bao gồm chi phí giao dịch. Việc mua cổ phần này giúp Công ty nắm giữ 50,6% lợi ích vốn chủ sở hữu thực tế trong QNW tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua Triệu VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua Triệu VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	88.102	-	88.102
Phải thu ngắn hạn	2.010	-	2.010
Hàng tồn kho	28.550	-	28.550
Tài sản ngắn hạn khác	1.800	-	1.800
Tài sản cố định hữu hình – thuần	37.555	(6.940)	30.615
Tài sản cố định vô hình – thuần	17.822	148.676	166.498
Chi phí trả trước dài hạn	35.936	-	35.936
Nợ phải trả ngắn hạn	(114.449)	-	(114.449)
Phải trả người bán dài hạn	(12.478)	-	(12.478)
Phải trả dài hạn khác	(4.672)	-	(4.672)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(28.347)	(28.347)
Tài sản thuần có thể xác định được	80.176	113.389	193.565
Tài sản thuần mua được			125.817
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại (Thuyết minh 17)			14.373
Khoản thanh toán cho việc mua lại			140.190
Khoản tiền thu được			(88.102)
Phải trả cho việc cổ phần hóa (Thuyết minh 20)			81.605
Chi phí trích trước cho việc cổ phần hóa			(77.790)
Tiền thuần chi ra			55.903

Lợi thế thương mại được ghi nhận từ việc mua lại liên quan chủ yếu đến khả năng hiệp lực mà Ban Tổng Giám đốc kỳ vọng đạt được từ việc hợp nhất công ty được mua vào hoạt động kinh doanh hiện hành của Tập đoàn.

Việc mua lại phát sinh vào ngày 25 tháng 12 năm 2015. Do đó, việc đóng góp doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế TNDN của hoạt động kinh doanh được mua vào kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho giai đoạn từ ngày mua đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là không đáng kể.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**7. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND
Tiền mặt	8.379	1.432	150	124
Tiền gửi ngân hàng	909.225	301.538	17.619	9.777
Tiền đang chuyển	1.052	-	-	-
Các khoản tương đương tiền	7.405.820	4.863.445	1.085.890	507.350
	8.324.476	5.166.415	1.103.659	517.251

Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND Phân loại lại	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND Phân loại lại
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (a)	293.990	4.042.212	287.890	239.614
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn				
Đầu tư vào công ty con (b)	-	-	6.526.105	3.389.914
Đầu tư vào công ty liên kết (c)	9.124.149	8.601.126	7.989.232	8.932.424
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (d)	21.646	-	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(912)	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn (a)	-	144.050	-	-
	9.144.883	8.745.176	14.515.337	12.322.338

(a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn còn lại trên ba tháng nhưng không quá mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn còn lại trên mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư của Công ty vào công ty con sở hữu gián tiếp được trình bày tại Thuyết minh 1.

Chi tiết các khoản đầu tư của Công ty vào công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

	31/12/2015					1/1/2015				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc Triệu VND	Dự phòng Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc Triệu VND	Dự phòng Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên MasanConsumerHoldings) ("MCH")	100,0%	100,0%	516.600	-	(*)	100,0%	100,0%	516.600	-	(*)
Công ty Cổ phần Tầm Nhìn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tầm Nhìn Ma San) ("MH")	99,9%	99,9%	3.816.815	-	(*)	99,9%	99,9%	2.873.314	-	(*)
Công ty TNHH Masan Nutri-Science (trước đây là Công ty TNHH Sam Kim) ("MNS")	99,9%	99,9%	2.192.690	-	(*)	-	-	-	-	-
			6.526.105	-	(*)			3.389.914	-	(*)

(*) Tại ngày lập báo cáo, chưa có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Biến động khoản đầu tư vào các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	MCH Triệu VND	MH Triệu VND	MNS Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư đầu năm	516.600	2.873.314	-	3.389.914
Tăng từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 6b)	-	-	2.192.690	2.192.690
Góp vốn	-	943.501	-	943.501
Số dư cuối năm	516.600	3.816.815	2.192.690	6.526.105

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(c) Đầu tư vào công ty liên kết

Tập đoàn

	31/12/2015					1/1/2015				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp chủ sở hữu Triệu VND	Dự phòng Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp chủ sở hữu Triệu VND	Dự phòng Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Techcombank") (*)	19,5%	19,5%	8.838.067	-	(****)	19,5%	19,5%	8.357.101	-	(****)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex ("Cholimex")	32,8%	32,8%	254.802	-	(****)	32,8%	32,8%	240.425	-	(****)
Công ty Cổ phần Táo Vĩnh Hảo ("VHS") ("Táo Vĩnh Hảo") (**)	-	-	-	-	-	30,0%	30,0%	3.600	-	(****)
Công ty Cổ phần Bao bì Thuận Phát ("Thuận Phát") (**)	25,0%	25,0%	8.954	-	(****)	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Lộc Khang ("Lộc Khang") (**)	26,2%	26,2%	5.016	-	(****)	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Abattoir Long Bình ("Abattoir") (**)	25,0%	25,0%	8.508	-	(****)	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất, Dịch vụ và Thương mại Đồng Nai ("ĐN Manu") (**)	21,3%	21,3%	8.802	-	(****)	-	-	-	-	-
			9.124.149	-	(****)			8.601.126	-	(****)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động khoản đầu tư vào các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	Techcombank	Cholimex	VHS	Thuận Phát	Lộc Khang	Abattoir	ĐN Manu	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm – phân loại lại	8.357.101	240.425	3.600	-	-	-	-	8.601.126
Tăng từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 6b) (**)	-	-	-	7.684	5.070	6.286	8.566	27.606
Chia lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau ngày mua trong năm	480.966	14.377	-	1.270	(54)	2.222	236	499.017
Bán khoản đầu tư	-	-	(3.600)	-	-	-	-	(3.600)
Số dư cuối	8.838.067	254.802	-	8.954	5.016	8.508	8.802	9.124.149

(*) Khoản đầu tư vào Techcombank phân ánh khoản đầu tư 30,4% (1/1/2015: 30,4%) lợi ích kinh tế thực tế của Techcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Lợi ích kinh tế thực tế của Tập đoàn bao gồm 12,4% lợi ích từ đầu tư trực tiếp (sau ảnh hưởng thuần từ suy giảm do trái phiếu chuyển đổi trên 15,0% lợi ích vốn chủ sở hữu hiện hành), 3,3% lợi ích từ đầu tư gián tiếp thông qua Công ty TNHH Mapleleaf (sau ảnh hưởng thuần từ suy giảm do trái phiếu chuyển đổi trên 4,5% vốn chủ sở hữu hiện hành), và 14,7% lợi ích thông qua trái phiếu chuyển đổi kỳ hạn 10 năm phát hành bởi Techcombank mà Công ty đã đồng ý chuyển đổi một cách bắt buộc và không thể hủy ngang trong thời hạn chuyển đổi, theo các quy định pháp lý và các thông lệ được chấp thuận.

(**) Vào tháng 4 năm 2015, Công ty đã mua 99,9% lợi ích vốn chủ sở hữu của MNS, công ty nắm giữ 52,1% lợi ích vốn chủ sở hữu của Proconco. Proconco nắm giữ 25,0% lợi ích vốn chủ sở hữu của Thuận Phát, 25,0% lợi ích vốn chủ sở hữu của Abattoir, 21,3% lợi ích vốn chủ sở hữu của ĐN Manu và 26,2% lợi ích vốn chủ sở hữu của Lộc Khang. Kết quả của giao dịch này là các công ty này trở thành công ty liên kết sở hữu gián tiếp của Công ty thông qua MNS.

(***) Vào tháng 7 năm 2015, VHC đã bán 30% lợi ích vốn chủ sở hữu trong VHS, một công ty liên kết. Giao dịch này dẫn đến Công ty không còn nắm giữ lợi ích vốn chủ sở hữu trong VHS.

(****) Tại ngày lập báo cáo, chưa có thông tin về giá trị hợp lý của những khoản đầu tư này.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Công ty**

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	31/12/2015					1/1/2015				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Techcombank	15,00%	15,00%	7.989.232	-	(*)	19,5%	19,5%	8.932.424	-	(*)

Vào tháng 12 năm 2015, Công ty đã bán 4,5% (3,3% trên cơ sở pha loãng toàn bộ) lợi ích vốn chủ sở hữu trong Techcombank cho ML, một công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty thông qua MH, với tổng khoản thanh toán là 943.192 triệu VND, tương đương với giá gốc khoản đầu tư.

(*) Tại ngày lập báo cáo, chưa có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**Tập đoàn**

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Tập đoàn như sau:

	31/12/2015					1/1/2015				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Công ty PTSC Cảng Đình Vũ (Thuyết minh 6(b))	5,9%	5,9%	21.646	(912)	(*)	-	-	-	-	-

(*) Tại ngày lập báo cáo, chưa có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Các giao dịch với các công ty con trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 – các giao dịch với lợi ích cổ đông không kiểm soát**(i) Các giao dịch với cổ đông không kiểm soát trong MR**

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, MH đã thực hiện một số hợp đồng với các cổ đông không kiểm soát của MR, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Khoản giao dịch, tiền đã nhận	29.172
Tài sản thuần suy giảm	(167.181)
Chênh lệch được ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(138.009)

(ii) Các giao dịch với cổ đông không kiểm soát trong Proconco

Vào tháng 8 và tháng 9 năm 2015, Proconco đã mua lại 41.722.964 cổ phiếu bằng 1.168.243 triệu VND, bao gồm chi phí giao dịch. Giao dịch này dẫn đến lợi ích kinh tế của MNS trong Proconco đã tăng 13,7%, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Giá mua, tiền đã trả	(1.168.243)
Tài sản thuần tăng thêm	1.311.823
Chênh lệch được ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	143.580

Vào tháng 12 năm 2015, Kenji đã mua thêm 2,8% lợi ích vốn chủ sở hữu của Proconco với tổng khoản thanh toán là 123.554 triệu VND, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Giá mua, tiền đã trả	(123.554)
Tài sản thuần tăng thêm	159.968
Chênh lệch được ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	36.414

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**(iii) Các giao dịch với cổ đông không kiểm soát trong MSC**

Vào tháng 7 năm 2015, MSC đã phát hành cổ phiếu cho một số nhân viên theo kế hoạch chi trả bằng cổ phiếu sau khi nhận được phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Cổ phiếu đã phát hành theo mệnh giá, đã bao gồm phí giao dịch	38.337
Tài sản thuần bị suy giảm	(66.300)
Các chênh lệch được ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(27.963)

(f) Các giao dịch trọng yếu trong các công ty con trong những năm trước

Vào năm 2014, MCH đã cấp quyền mua lợi ích vốn chủ sở hữu trong MCH trị giá 525.900 triệu VND cho PENM III Germany Gmbh & Co. Kg tại giá đã được thỏa thuận trước và có thể được thực hiện sau 4 năm. MCH có thể tất toán bằng cách lựa chọn bàn giao cổ phiếu sơ cấp của MCH hoặc cổ phiếu thứ cấp sở hữu bởi Công ty hoặc các bên khác.

(i) Các giao dịch với cổ đông không kiểm soát trong MR

Vào ngày 25 tháng 1 năm 2013, BI Private Equity New Market III K/S (“PENM II”) đã đăng ký mua 15.902.430 cổ phiếu ưu đãi chuyển đổi bắt buộc của MR với số tiền là 520.709 triệu VND. Bên nắm giữ các cổ phiếu ưu đãi chuyển đổi bắt buộc này sẽ được trả cổ tức hàng năm cố định dao động từ 3,0% đến 10,0% trên vốn gốc và các cổ phiếu ưu đãi này bắt buộc phải chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông trong vòng 4 năm. Các cổ phiếu ưu đãi này cũng cho PENM II quyền được nhận cổ tức công bố cho các cổ đông phổ thông tương ứng với tỷ lệ cổ phần nắm giữ và sẽ tự động chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông trong trường hợp MR bị giải thể.

Là một phần của hợp đồng, MR có khả năng thực thi chuyển đổi hoặc bắt buộc chuyển đổi cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu phổ thông theo như điều khoản quy định.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG – NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, một phần của khoản phải thu ngắn hạn của công ty con sở hữu gián tiếp được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của công ty con đó (xem Thuyết minh 21).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, trong khoản trả trước cho người bán có 200.850 triệu VND (1/1/2015: 61.723 triệu VND) liên quan đến trả trước chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, trong khoản trả trước cho quyền sử dụng đất có giá trị còn lại là 51.959 triệu VND (1/1/2015: Không) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của một công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty thông qua MCH (Thuyết minh 21).

Phải thu từ cho vay bao gồm:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND Phân loại lại
Phải thu từ cho vay ngắn hạn				
Phải thu từ hoạt động đầu tư cho vay khác (*)	762.400	-	-	-
Phải thu từ cho vay từ công ty con	-	-	-	2.172.320
Phải thu từ cho vay dài hạn				
Phải thu từ hoạt động đầu tư cho vay khác (*)	8.563.114	-	-	-
Phải thu từ cho vay từ công ty con	-	-	4.773.374	2.283.927

(*) Khoản phải thu từ cho vay dài hạn và cho vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 phát sinh từ hoạt động quản lý tiền của Tập đoàn nhằm tối đa hóa thu nhập tài chính từ các tài sản có tính thanh khoản cao hơn. Các khoản cho vay này được bảo lãnh và đảm bảo bởi các tài sản được hình thành trong tương lai từ các khoản cho vay này. Lãi suất năm của các khoản phải thu từ cho vay dài hạn là 12,0% và đáo hạn vào tháng 6 năm 2017, trừ khi được hoàn trả sớm hơn. Lãi suất năm của các khoản phải thu từ cho vay ngắn hạn là 6,0% và đáo hạn vào năm 2016. Tiền lãi được thanh toán vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn hoặc ngày hoàn trả quy định trong hợp đồng cho vay. Sau ngày kết thúc năm tài chính, 9.036.014 triệu VND của các khoản cho vay ngắn hạn và dài hạn này đã được thu hồi.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Phải thu khác bao gồm:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND Phân loại lại	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND Phân loại lại
Phải thu ngắn hạn khác				
Khoản phải thu từ bán các khoản bồi thường	256.200	256.200	-	-
Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan	142.244	142.244	142.244	996.348
Ký quỹ ngắn hạn	46.820	5.036	31	-
Lãi trích trước phải thu từ các khoản tiền gửi	11.773	64.972	2.905	3.398
Phải thu từ các dịch vụ	11.547	11.547	11.547	11.547
Tạm ứng	7.359	31.992	444	-
Phải thu khác	165.655	15.779	-	30.359
	641.598	527.770	157.171	1.041.652

Tập đoàn Công ty

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND Phân loại lại	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND Phân loại lại
Phải thu dài hạn khác				
Ký quỹ dài hạn	45.836	59.835	2.313	9.381
Lãi dài hạn phải thu	-	4.712	-	-
Lãi trích trước phải thu từ các hoạt động đầu tư cho vay khác (**)	440.103	-	-	-
Phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan	-	-	3.132.671	2.732.322
Phải thu khác (***)	1.383.086	1.383.086	-	-
	1.869.025	1.447.633	3.134.984	2.741.703

(**) Sau ngày kết thúc năm tài chính, toàn bộ khoản tiền này đã được thu hồi.

(***) Khoản phải thu khác thể hiện khoản phải thu Nhà nước liên quan đến chi phí đền bù giải phóng mặt bằng mà Dự án Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo tại Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. Khoản phải thu này có thể được cân trừ với tiền thuế đất hàng năm.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải thu khác bao gồm khoản phải thu các bên liên quan như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND Phân loại lại	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND Phân loại lại
Phải thu từ công ty mẹ				
Phi thương mại – ngắn hạn	142.244	142.244	142.244	142.244
Phải thu từ các công ty liên quan khác				
Cho vay – ngắn hạn	-	-	-	2.172.320
Cho vay – dài hạn	-	-	4.773.374	2.283.927
Phi thương mại – ngắn hạn	-	-	-	854.104
Phi thương mại – dài hạn	-	-	3.132.671	2.732.322

Khoản phải thu phi thương mại ngắn hạn của Tập đoàn từ công ty mẹ, Công ty Cổ phần Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Ma San), không được đảm bảo, không chịu lãi và thanh toán khi yêu cầu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, phải thu từ cho vay dài hạn và phải thu phi thương mại từ các bên liên quan khác của Công ty bao gồm:

- 2.520.711 triệu VND (1/1/2015: 2.247.291 triệu VND) liên quan đến hợp đồng vay không được đảm bảo giữa Công ty và một công ty con với số tiền là 1.962.319 triệu VND (1/1/2015: 1.962.319 triệu VND) và lãi phải thu là 558.392 triệu VND (1/1/2015: 284.972 triệu VND). Khoản cho vay sẽ được hoàn trả vào ngày đáo hạn trong năm 2017 và hưởng lãi suất năm là 12,0% (2014: 12,0% một năm);
- Khoản lãi vay phải thu từ một hợp đồng cấp vốn không được đảm bảo giữa Công ty và một công ty con với số tiền là 490.061 triệu VND (1/1/2015: 487.500 triệu VND). Khoản lãi này sẽ được hoàn trả vào năm 2017;
- 1.555.324 triệu VND (1/1/2015: 2.134.490 triệu VND) liên quan đến khoản lãi phải thu của khoản cho vay không được đảm bảo tương đương 218 triệu USD và 2.200 tỷ VND cấp cho một công ty con. Khoản lãi phải thu này được thanh toán trong năm 2017;
- 2.521.796 triệu VND (1/1/2015: 2.245.113 triệu VND) liên quan đến hợp đồng vay không được đảm bảo giữa Công ty và một công ty con với số tiền là 1.997.555 triệu VND (1/1/2015: 1.994.358 triệu VND) và lãi phải thu là 524.241 triệu VND (1/1/2015: 250.755 triệu VND). Khoản vay này sẽ đáo hạn trong năm 2018 và hưởng lãi suất năm là 12,0% (2014: 12,0% một năm); và
- 818.153 triệu VND (1/12015: Không) liên quan đến hợp đồng vay không được đảm bảo giữa Công ty và một công ty con với số tiền là 813.500 triệu VND và lãi phải thu là 4.653 triệu VND. Khoản vay này sẽ đáo hạn trong năm 2017 và hưởng lãi suất năm là 6,0%.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**10. HÀNG TỒN KHO**

Tập đoàn

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Hàng mua đang đi đường	912.443	-	64.148	-
Nguyên vật liệu	1.939.680	(10.283)	599.438	(8.580)
Công cụ và dụng cụ	699.637	-	511.941	-
Sản phẩm dở dang	168.151	-	76.624	-
Thành phẩm	705.969	(5.906)	366.480	(13.701)
Hàng hóa tồn kho	4.453	(434)	5.097	(37)
Hàng hóa ký gửi	4.259	-	3.444	-
	4.434.592	(16.623)	1.627.172	(22.318)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Tập đoàn	
	2015	2014
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	22.318	20.739
Tăng dự phòng trong năm	94.987	67.433
Sử dụng dự phòng trong năm	(99.505)	(61.739)
Hoàn nhập	(1.177)	(3.488)
Bán một công ty con trước đây	-	(627)
Số dư cuối năm	16.623	22.318

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có 16.623 triệu VND (1/1/2015: 22.318 triệu VND) hàng hóa tồn kho lưu chuyển chậm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, một phần hàng tồn kho được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của công ty con (xem Thuyết minh 21).

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tập đoàn

	Tài sản khai khoáng	Nhà cửa và vật kiến trúc	Nâng cấp tài sản thuê	Thiết bị văn phòng	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
	Nguyên giá						
Số dư đầu năm	5.800.051	2.805.492	25.760	77.484	11.123.071	55.242	19.887.100
Tăng từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 6)	-	531.610	-	1.630	611.904	72.372	1.217.516
Tăng trong năm	-	83.422	43	19.551	109.311	4.755	217.082
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	487.079	-	20.306	1.607.273	3.588	2.118.246
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(773.759)	(52)	-	-	798	-	(773.013)
Thanh lý	-	(12.317)	-	(836)	(39.257)	(4.626)	(57.036)
Xóa sổ	-	(2.405)	-	(4.468)	(1.259)	(4.631)	(12.763)
Phân loại lại	-	17.309	(42)	501	(15.700)	(2.068)	-
Số dư cuối năm	5.026.292	3.910.138	25.761	114.168	13.396.141	124.632	22.597.132

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

	Tài sản khai khoáng	Nhà cửa và vật kiến trúc	Nâng cấp tài sản thuê	Thiết bị văn phòng	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	171.419	183.107	19.076	36.627	1.040.564	26.394	1.477.187
Khấu hao trong năm	173.556	203.440	3.925	15.415	828.175	19.249	1.243.760
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(33.842)	-	-	-	(3)	-	(33.845)
Thanh lý	-	(7.515)	-	(834)	(29.464)	(4.456)	(42.269)
Xóa sổ	-	(2.405)	-	(4.468)	(1.259)	(4.631)	(12.763)
Phân loại lại	-	(968)	812	(292)	1.926	(1.478)	-
Số dư cuối năm	311.133	375.659	23.813	46.448	1.839.939	35.078	2.632.070
Giá trị còn lại							
Số dư đầu năm	5.628.632	2.622.385	6.684	40.857	10.082.507	28.848	18.409.913
Số dư cuối năm	4.715.159	3.534.479	1.948	67.720	11.556.202	89.554	19.965.062

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình là các tài sản trị giá 226.792 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 131.143 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn không được sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 tương đương 2.555 triệu VND (1/1/2015: Không).

Giá trị còn lại của thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình là 64.989 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 33.679 triệu VND).

(*) Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, công ty con của Công ty – NPM đã phân loại lại chi phí có liên quan đến khai thác khoáng sản là chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 15).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 936.938 triệu VND (1/1/2015: 815.204 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của các công ty con và 10.976 tỷ VND (1/1/2015: 11.698 tỷ VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho trái phiếu dài hạn phát hành bởi các công ty con (xem Thuyết minh 21).

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

	Nâng cấp tài sản thuê	Thiết bị văn phòng	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	15.098	5.661	20.759
Tăng trong năm	42	98	140
Số dư cuối năm	15.140	5.759	20.899
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	11.353	2.234	13.587
Khấu hao trong năm	2.424	2.459	4.883
Số dư cuối năm	13.777	4.693	18.470
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	3.745	3.427	7.172
Số dư cuối năm	1.363	1.066	2.429

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH THUÊ TÀI CHÍNH

Tập đoàn

	Máy móc và thiết bị Triệu VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	67.300
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	22.433
Khấu hao trong năm	13.460
Số dư cuối năm	35.893
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	44.867
Số dư cuối năm	31.407

Một công ty con của Công ty thuê thiết bị thí nghiệm để phân tích hàm lượng kim loại trong sản phẩm theo thỏa thuận thuê tài chính (Thuyết minh 21(d)).

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tập đoàn

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Phần mềm máy vi tính Nhân hiệu Triệu VND	Mối quan hệ khách hàng Triệu VND	Nguồn nước khoáng Triệu VND	Quyền khai khoáng Triệu VND	Kỹ thuật Triệu VND	Quyền khai thác nước khoáng Triệu VND	Tổng Triệu VND
Nguyên giá								
Số dư đầu năm	170.254	111.350	712.471	375.110	305.336	588.373	-	2.262.894
Tăng từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 6)	186.718	1.109	1.700.112	2.699.104	107.362	-	669.433	5.377.401
Tăng trong năm	-	234	-	-	-	-	74.845	75.079
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	242.864	-	-	-	-	-	242.864
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(49.615)	(1)	-	-	-	-	-	(49.616)
Xóa sổ	-	(1.763)	-	-	-	-	-	(1.763)
Số dư cuối năm	307.357	353.793	2.412.583	3.074.214	412.698	588.373	669.433	7.906.859
Giá trị hao mòn lũy kế								
Số dư đầu năm	24.053	30.304	188.375	211.107	4.990	5.369	-	464.198
Khấu hao trong năm	7.895	29.733	120.151	162.564	2.604	30.550	92.096	448.188
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(5.428)	(1)	-	-	-	-	-	(5.429)
Xóa sổ	-	(1.763)	-	-	-	-	-	(1.763)
Số dư cuối năm	26.520	58.273	308.526	373.671	7.594	35.919	92.096	905.194
Giá trị còn lại								
Số dư đầu năm	146.201	81.046	524.096	164.003	300.346	583.004	-	1.798.696
Số dư cuối năm	280.837	295.520	2.104.057	2.700.543	405.104	552.454	577.337	7.001.665

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong nguyên giá của tài sản cố định vô hình là tài sản trị giá 21.637 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 15.031 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 611.000 triệu VND (1/1/2015: 652.000 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để bảo đảm cho trái phiếu dài hạn phát hành bởi một công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, không có quyền sử dụng đất (1/1/2015: quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 70.093 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của các công ty con của Tập đoàn (xem Thuyết minh 21).

Công ty

	Phần mềm vi tính Triệu VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	4.532
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	2.261
Khấu hao trong năm	1.074
Số dư cuối năm	3.335
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	2.271
Số dư cuối năm	1.197

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**14. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Tập đoàn		Công ty	
	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
Số dư đầu năm	3.811.051	20.042.933	-	10.021
Tăng từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 6)	223.192	2.799	-	-
Tăng trong năm	3.825.674	3.356.972	-	1.093
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.118.246)	(17.154.847)	-	(4.313)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(242.864)	(67.048)	-	-
Chuyển từ công cụ và dụng cụ	397	-	-	-
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(449)	(6.594)	-	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(17.874)	(972.598)	-	(63)
Thanh lý	(825)	(5.263)	-	(4.521)
Xóa sổ	(21)	(2.217)	-	(2.217)
Bồi thường chi phí tái định cư, chuyển sang khoản phải thu khác	-	(1.383.086)	-	-
Số dư cuối năm	5.480.035	3.811.051	-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 1.039.805 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của các công ty con của Công ty (1/1/2015: Không). Thêm vào đó, một số chi phí xây dựng cơ bản dở dang liên quan đến phát triển mỏ được thế chấp với ngân hàng để bảo đảm cho trái phiếu dài hạn phát hành bởi một công ty con (xem Thuyết minh 21).

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 319.610 triệu VND (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014: 412.373 triệu VND).

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Tập đoàn

	Tài sản khai khoáng Triệu VND	Chi phí trước hoạt động Triệu VND	Chi phí đất trả trước Triệu VND	Chi phí bồi thường đất Triệu VND	Trục in, công cụ và dụng cụ Triệu VND	Lợi thế thương mại từ vốn hóa Triệu VND	Chi phí vay Triệu VND	Phí thu xếp Triệu VND	Chênh lệch tỷ giá hối		Tổng Triệu VND
									Đổi	Khác	
Số dư đầu năm	-	284.985	2.171	632.994	12.480	-	230.665	155.379	35.927	14.991	1.369.592
Tăng trong năm	145.824	-	33.974	6.425	19.609	-	-	-	-	2.757	208.589
Tăng từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 6)	-	-	93.572	-	19.705	31.344	-	-	-	12.858	157.479
Chuyển từ/ (sang) xây dựng cơ bản dở dang	21.210	8.376	-	-	31.125	-	-	-	(43.366)	529	17.874
Chuyển từ/ (sang) tài sản cố định hữu hình	739.969	-	-	-	(801)	-	-	-	-	-	739.168
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	-	44.187	-	-	-	-	-	-	-	44.187
Chuyển từ chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	-	2.624	-	-	-	-	-	2.624
Phân bổ trong năm	(12.291)	(19.630)	(3.399)	(33.026)	(34.384)	-	(690)	(155.379)	-	(7.356)	(266.155)
Phân loại lại	218.749	(226.188)	-	-	-	-	-	-	7.439	-	-
Chuyển sang vay dài hạn và nợ thuê tài chính	-	-	-	-	-	-	(229.975)	-	-	-	(229.975)
Thanh lý	-	-	-	-	(761)	-	-	-	-	-	(761)
Số dư cuối năm	1.113.461	47.543	170.505	606.393	49.597	31.344	-	-	-	23.779	2.042.622

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, chi phí đất trả trước với giá trị ghi sổ là 15.709 triệu VND (1/1/2015: Không) thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của các công ty con (xem Thuyết minh 21).

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty

	Chi phí vay Triệu VND	Chi phí khác Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư đầu năm	35.969	6.319	42.288
Tăng trong năm	-	212	212
Chuyển sang vay dài hạn và nợ thuê tài chính	(35.279)	-	(35.279)
Phân bổ trong năm	(690)	(2.736)	(3.426)
Số dư cuối năm	-	3.795	3.795

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	Tập đoàn	
	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Chiết khấu hàng bán phải trả	74.263	12.770
Chi phí quảng cáo khuyến mại phải trả	109.127	71.916
Chi phí vận chuyển phải trả	8.352	19.116
Chi phí phải trả khác	16.799	9.988
Lợi nhuận chưa thực hiện đối với các giao dịch nội bộ	5.196	3.701
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	213.737	117.491
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Tài sản cố định hữu hình	(759.684)	(749.161)
Tài sản cố định vô hình	(933.069)	(183.626)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(1.692.753)	(932.787)
	(1.479.016)	(815.296)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Biến động các chênh lệch tạm thời trong năm

	Tập đoàn			
	1/1/2015 Triệu VND	Tăng từ hợp nhất kinh doanh Triệu VND (Thuyết minh 6)	Được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Chiết khấu hàng bán phải trả	12.770	-	61.493	74.263
Chi phí khuyến mãi và quảng cáo phải trả	71.916	-	37.211	109.127
Chi phí vận chuyển phải trả	19.116	-	(10.764)	8.352
Khác	9.988	69.726	(62.915)	16.799
Lợi nhuận chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ	3.701	1.217	278	5.196
Tài sản cố định hữu hình	(749.161)	(45.079)	34.556	(759.684)
Tài sản cố định vô hình	(183.626)	(807.639)	58.196	(933.069)
	(815.296)	(781.775)	118.055	(1.479.016)

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Triệu VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	942.834
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 6)	145.841
Số dư cuối năm	1.088.675
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	150.480
Phân bổ trong năm	109.518
Số dư cuối năm	259.998
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	792.354
Số dư cuối năm	828.677

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**18. THUẾ PHẢI THU VÀ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC****(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	116.597	78.677	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	62.956	27.451	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	7.457	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	287.683	736.476	-	-
Thuế tài nguyên	-	70.461	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	31.682	32.669	-	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	4.449	-	-	-
Các loại thuế khác	1.165	9.359	-	1.127
	504.532	962.550	-	1.127

Biến động thuế phải nộp Nhà nước trong năm
Tập đoàn

	1/1/2015 Triệu VND	Tăng từ hợp nhất kinh doanh Triệu VND	Số phải nộp trong năm Triệu VND	Số đã nộp/ hoàn trả trong năm Triệu VND	Cán trừ Triệu VND	31/12/2015
						Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	78.677	612	2.849.487	(584.985)	(2.227.194)	116.597
Thuế tiêu thụ đặc biệt	27.451	-	299.911	(264.406)	-	62.956
Thuế xuất nhập khẩu phải trả	7.457	-	169.600	(177.057)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	736.476	42.599	817.534	(1.306.820)	(2.106)	287.683
Thuế thu nhập cá nhân	32.669	3.983	137.479	(141.779)	(670)	31.682
Thuế nhà thầu nước ngoài và các loại thuế khác phải trả	79.820	583	223.735	(298.524)	-	5.614
	962.550	47.777	4.497.746	(2.773.571)	(2.229.970)	504.532

Công ty

	1/1/2015 Triệu VND	Số phải nộp trong năm Triệu VND	Số đã nộp trong năm Triệu VND	31/12/2015
				Triệu VND
Các loại thuế khác	1.127	-	(1.127)	-

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND
Các loại thuế khác	21.396	21.343	18.088	19.222

Biến động các loại thuế phải thu Nhà nước trong năm

Tập đoàn	1/1/2015 Triệu VND	Tăng từ hợp nhất kinh doanh Triệu VND	Số phải thu trong năm Triệu VND	Số đã được hoàn lại trong năm Triệu VND	Giảm trừ Triệu VND	31/12/2015
						Triệu VND
Thuế thu nhập cá nhân	13	-	657	-	(670)	-
Các loại thuế khác	21.330	2.191	55.214	(55.233)	(2.106)	21.396
	21.343	2.191	55.871	(55.233)	(2.776)	21,396

Công ty

	1/1/2015 Triệu VND	Số phải thu trong năm Triệu VND	Số đã được hoàn lại trong năm Triệu VND	31/12/2015
				Triệu VND
Các loại thuế khác	19.222	1.479	(2.613)	18.088

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mại	758.820	476.995	-	-
Lãi vay phải trả	481.026	507.510	115.383	192.767
Chiết khấu bán hàng và phí hỗ trợ khách hàng truyền thống	445.632	70.622	-	-
Thuế và lệ phí tài nguyên thiên nhiên	286.166	77.125	-	-
Chi phí phải trả cho công trình xây dựng	148.815	192.614	-	-
Phí tư vấn	120.873	55.044	28.040	21.328
Thưởng và lương tháng 13	91.612	112.489	-	-
Mua hàng nhưng chưa nhận hóa đơn	67.475	10.401	-	-
Chi phí vận chuyển	62.304	103.563	-	-
Phí triển lãm và nghiên cứu thị trường	32.874	15.193	-	-
Thuế nhà thầu	11.363	79.257	2.118	334
Khác	368.961	161.718	2.350	810
	2.875.921	1.862.531	147.891	215.239

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND
Phải trả ngắn hạn khác				
Phải trả từ vốn hóa một công ty con (Thuyết minh 6(c))	81.605	-	-	-
Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu (*)	60.561	-	60.561	-
Cổ tức phải trả (**)	54.480	54.672	-	-
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	10.540	104	-	-
Tiền ký quỹ ngắn hạn của khách hàng	6.716	935	-	155
Mua cổ phiếu trong một công ty con và công ty liên kết	-	1.739.738	-	1.500.558
Khác	184.571	71.289	51.050	54.611
	398.473	1.866.738	111.611	1.555.324
Nợ phải trả dài hạn khác				
Phải trả dài hạn	75.009	93.043	-	14.580
Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu (*)	-	60.561	-	60.561
Ký quỹ dài hạn	22.804	24.297	-	-
	97.813	177.901	-	75.141

(*) Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu thể hiện khoản nợ phải trả để phát hành thêm một lượng cổ phiếu không cố định như đã được trình bày trong Thuyết minh 25.

(**) Cổ tức phải trả thể hiện khoản phải trả cho lợi ích cổ đông không kiểm soát của một công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty.

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND
Vay ngắn hạn				
Vay ngắn hạn (*)	5.302.490	5.329.971	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (b)(i)	3.064.135	712.307	2.844.842	567.960
	8.366.625	6.042.278	2.844.842	567.960
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn				
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn (**)	30.317.247	18.234.277	6.833.564	5.267.960
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(3.064.135)	(712.307)	(2.844.842)	(567.960)
	27.253.112	17.521.970	3.988.722	4.700.000

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(*) Vay ngắn hạn

	1/1/2015		Biến động trong năm					31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Số trong khả năng trả nợ Triệu VND	Hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 6) Triệu VND	Tăng Triệu VND	Khoản thanh toán Triệu VND	Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện Triệu VND	Phân loại lại từ các khoản vay dài hạn Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Số trong khả năng trả nợ Triệu VND
Vay ngắn hạn	5.329.971	5.329.971	682.900	16.938.456	(17.670.466)	21.629	-	5.302.490	5.302.490
Vay dài hạn đến hạn trả (b)(i)	712.307	712.307	-	-	(142.123)	-	2.493.951	3.064.135	3.064.135
	6.042.278	6.042.278	682.900	16.938.456	(17.812.589)	21.629	2.493.951	8.366.625	8.366.625

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND
Vay ngắn hạn						
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	3,8% - 8,0%	681.916	3.327.030	-	-
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	USD	4,5%	1.732.671	1.035.382	-	-
Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	VND	3,8% - 5,5%	2.322.068	928.228	-	-
Khoản vay không đảm bảo	USD	8,5%	565.835	39.331	-	-
			5.302.490	5.329.971	-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng các tài sản của Tập đoàn như sau:

- (i) 158 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San ("MR"), một công ty con của Tập đoàn thông qua Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tầm nhìn Ma San). Các cổ phiếu này cũng được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tương ứng với các khoản đảm bảo được trình bày tại Thuyết minh 21(**).
- (ii) một phần hàng tồn kho và khoản phải thu ngắn hạn của một công ty con sở hữu gián tiếp.

Khoản vay ngân hàng có đảm bảo được bảo lãnh bởi một công ty con của Công ty (1/1/2015: tài sản cố định với giá trị ghi sổ là 885.297 triệu VND. Một phần các tài sản cố định này với giá trị ghi sổ là 853.081 triệu VND cũng được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tương ứng với các khoản đảm bảo được trình bày tại Thuyết minh 21(**)).

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**(**) Vay, trái phiếu và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND
Vay dài hạn (a)	961.867	4.015.513	-	-
Trái phiếu chuyển đổi (b)	567.960	567.960	567.960	567.960
Trái phiếu thường (c)	28.747.968	13.600.000	6.265.604	4.700.000
Nợ thuê tài chính (d)	39.452	50.804	-	-
	30.317.247	18.234.277	6.833.564	5.267.960

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Tập đoàn		Công ty	
				31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND
a. Vay dài hạn							
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	6,9% - 9,3%	2017-2020	961.867	276.637	-	-
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	USD	Libor + 3,5% -Libor + 4,5%	2015	-	3.738.876	-	-
				961.867	4.015.513	-	-
b. Khoản vay chuyển đổi							
Jade Dragon (Mauritius) Limited	USD	2,0% - 6,0%	2015	-	567.960	-	567.960
Credit Suisse Ag	USD	9,6%	2016	567.960	-	567.960	-
c. Trái phiếu thường (bao gồm chi phí phát hành)							
	VND	8,0% - 11,0%	2016-2024	28.747.968	13.600.000	6.265.604	4.700.000
d. Nợ thuê tài chính							
	VND	14,0%	2018	39.452	50.804	-	-

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

(a) Vay dài hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản vay dài hạn của Tập đoàn bao gồm:

- (i) các khoản vay bằng VND là 427.472 triệu VND (1/1/2015: 276.637 triệu VND) được đảm bảo bằng tài sản cố định với giá trị ghi sổ là 784.683 triệu VND, chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 427.871 triệu VND và chi phí đất trả trước là 15.709 triệu VND (1/1/2015: 853.081 triệu VND của tài sản cố định).
- (ii) các khoản vay bằng VND là 154.395 triệu VND (1/1/2015: Không) được đảm bảo bằng chi phí trả trước cho quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 51.959 triệu VND, tài sản cố định với giá trị ghi sổ là 152.255 triệu VND và chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 611.934 triệu VND.

- (iii) Có liên quan đến khoản vay ngân hàng ngắn hạn có đảm bảo bằng USD, khoản vay bằng VND là 380.000 triệu VND (1/1/2015: Không) cũng được đảm bảo bằng 158 triệu cổ phiếu của MR, một công ty con của Tập đoàn thông qua MH.

Khoản vay ngân hàng bằng USD đảm bảo còn số dư của Tập đoàn tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 là 175 triệu USD, tương đương 3.738.876 triệu VND có thời gian đáo hạn vào ngày 15 tháng 8 năm 2016. Vào tháng 8 năm 2015, tất cả các khoản vay cùng với chi phí lũy kế phải trả và các chi phí có liên quan đã được trả trước kế hoạch bởi một công ty con của Công ty.

(b) Khoản vay chuyển đổi

Khoản vay từ Goldman Sachs Group, Inc. ("JD") thông qua Công ty Jade Dragon (Mauritius) Limited là khoản vay được quyền chuyển đổi bằng USD với nợ gốc là 30 triệu USD.

Bên cạnh các điều khoản khác, thỏa thuận này bao gồm các điều khoản sau:

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Lãi suất của khoản vay này gồm hai phần: lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại. Lãi suất hoãn lại sẽ không được trả nếu khoản vay này được chuyển đổi. Trong thời hạn từ ngày 15 tháng 12 năm 2010 đến ngày 14 tháng 12 năm 2012, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 2,0% một năm và 6,0% một năm. Trong thời hạn từ ngày 15 tháng 12 năm 2012 đến ngày 14 tháng 12 năm 2013, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 4,0% một năm và 4,0% một năm. Trong thời hạn từ ngày 15 tháng 12 năm 2013 đến ngày 14 tháng 12 năm 2015, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 6,0% một năm và 2,0% một năm. Khoản vay này đến hạn vào ngày 14 tháng 12 năm 2015. Lãi suất danh nghĩa được tính cộng dồn theo ngày và lãi suất hoãn lại được tính cộng dồn theo năm. Tập đoàn trích trước lãi vay dựa trên lãi suất danh nghĩa.

- (ii) Khoản vay này có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty vào bất kỳ thời điểm nào sau hai năm kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2010 đến ngày đến hạn của khoản vay.

- (iii) Giá chuyển đổi được xác định là 65.000 VND cho mỗi cổ phiếu.

- (iv) Tập đoàn còn ký kết một hợp đồng với Công ty Cổ phần Masan mà theo đó Công ty này sẽ chịu rủi ro và nghĩa vụ trong việc mua và trả một khoản tiền mặt là 30 triệu USD cộng lãi hoãn lại phải trả cho 9.000.000 cổ phiếu của khoản vay được chuyển đổi trong trường hợp bên cho vay không thực hiện quyền chuyển đổi cổ phiếu.

Vào ngày 1 tháng 12 năm 2015, khoản vay này đã được điều chỉnh với ngày đến hạn vào ngày 14 tháng 12 năm 2016. Credit Suisse Ag, Singapore Branch ("CSA") trở thành bên cho vay theo Thỏa thuận Tín dụng giữa Công ty, JD và CSA. Tất cả các điều khoản và điều kiện được trình bày bên trên theo như đã được thỏa thuận trước đó giữa Công ty và JD được giữ nguyên là thỏa thuận giữa Công ty và CSA.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**(c) Trái phiếu thường**

Giá trị ghi sổ của các trái phiếu như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND
Trái phiếu thường	29.176.882	13.600.000	6.276.882	4.700.000
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ (*)	(428.914)	-	(11.278)	-
	28.747.968	13.600.000	6.265.604	4.700.000

- (i) 76,9 tỷ VND (1/1/2015: 2.200 tỷ VND) trái phiếu có mức lãi suất năm là 11,0%. Các khoản lãi được thanh toán theo định kỳ sáu tháng kể từ ngày phát hành. Các trái phiếu này được đảm bảo bằng 6 triệu (1/1/2015: 22,3 triệu) trái phiếu có thể chuyển đổi được phát hành bởi Techcombank. Các trái phiếu này đã được hoàn trả đầy đủ vào tháng 1 năm 2016;
- (ii) 2.200 tỷ VND (1/1/2015: 2.500 tỷ VND) trái phiếu với thời gian đáo hạn 3 năm và có mức lãi suất năm là 12,0% trong năm đầu tiên, 12,5% trong năm thứ hai và biên độ 4,0% cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng chính được chọn trong năm thứ ba. Công ty đã thế chấp 110 triệu (1/1/2015: 125 triệu) cổ phiếu của MSC để đảm bảo cho các trái phiếu này. Các trái phiếu này đã được hoàn trả đầy đủ vào tháng 1 năm 2016;
- (iii) 3.500 tỷ VND trái phiếu với thời gian đáo hạn 5 năm và có mức lãi suất năm là 8,0% trong năm đầu tiên và biên độ 3,0% cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng chính được chọn trong thời gian còn lại. Công ty đã thế chấp 74,6 triệu cổ phiếu của MSC để đảm bảo cho các trái phiếu này;
- (iv) 500 tỷ VND trái phiếu với thời gian đáo hạn 5 năm và có mức lãi suất năm là 8,0% trong năm đầu tiên và biên độ 3,0% cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng chính được chọn trong thời gian còn lại. Công ty đã thế chấp 6,7 triệu cổ phiếu của MSC để đảm bảo cho các trái phiếu này;
- (v) 2.100 tỷ VND (1/1/2015: 2.100 tỷ VND) trái phiếu với thời gian đáo hạn 10 năm và có mức lãi suất năm là 8,0%. Trái phiếu này được bảo lãnh bởi Credit Guarantee and Investment Facility và đảm bảo bằng 80,3 triệu cổ phiếu của MSC;
- (vi) 9.000 tỷ VND trái phiếu với thời gian đáo hạn 5 năm và có mức lãi suất năm là 8,0% trong năm đầu tiên và biên độ 3,0% cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân của các ngân hàng chính được chọn trong thời gian còn lại. Trái phiếu được bảo lãnh bởi Công ty và đảm bảo bằng VND129,6 triệu cổ phiếu của MSC;
- (vii) 3.700 tỷ VND trái phiếu với thời gian đáo hạn 5 năm và chịu lãi suất năm là 8,0% trong năm đầu tiên và biên độ 3,5% cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng chính được chọn trong thời gian còn lại và được đảm bảo bằng lợi ích vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH Masan Nutri-Science trong Anco và Proconco; và
- (viii) 8.100 tỷ VND (1/1/2015: 6.800 tỷ VND) trái phiếu với thời gian đáo hạn 5 năm và chịu lãi suất năm là 8,0% trong năm đầu tiên và biên độ 3,0% cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng chính được chọn trong thời gian còn lại.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các trái phiếu được bảo đảm bằng tài sản cố định dài hạn có giá trị còn lại là 15.369 tỷ VND của các công ty con sở hữu gián tiếp bởi Công ty.

- (*) Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận là chi phí vay trong chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo thời hạn của trái phiếu. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do áp dụng theo Thông tư 200, chi phí này được cần trừ trực tiếp vào trái phiếu đã phát hành.

Trái phiếu có đảm bảo của Công ty tương đương 6.276,9 tỷ VND bao gồm (i), (ii), (iii) và (iv) như được đề cập bên trên.

Trong năm, Công ty và Tập đoàn đã tuân thủ các điều khoản đối với các khoản vay trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty và Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn bao gồm cả nợ gốc và lãi phải trả.

(d) Nợ thuê tài chính

Các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015			Ngày 1 tháng 1 năm 2015		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính Triệu VND	Tiền lãi thuê Triệu VND	Nợ gốc Triệu VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính Triệu VND	Tiền lãi thuê Triệu VND	Nợ gốc Triệu VND
Trong vòng một năm	21.931	5.219	16.712	20.364	6.788	13.576
Trong vòng hai đến năm năm	25.064	2.323	22.741	43.861	6.633	37.228
	46.995	7.542	39.453	64.225	13.421	50.804

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

22. DỰ PHÒNG DÀI HẠN

	Tập đoàn	
	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND
Dự phòng phí khai thác mỏ	561.241	588.373
Dự phòng chi phí phục hồi mỏ	20.987	19.485
Dự phòng trợ cấp thôi việc	33.707	2.689
	615.935	610.547

Biến động dự phòng trong năm như sau:

	Tập đoàn			
	Quyền khai thác mỏ Triệu VND	Chi phí phục hồi mỏ Triệu VND	Dự phòng trợ cấp thôi việc Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư đầu năm	588.371	19.487	2.689	610.547
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	-	32.904	32.904
Dự phòng lập trong năm	46.016	1.500	1.248	48.764
Dự phòng sử dụng trong năm	(73.146)	-	(2.493)	(75.639)
Hoàn nhập	-	-	(641)	(641)
Số dư cuối năm	561.241	20.987	33.707	615.935

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

23. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tập đoàn	Vốn cổ phần Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái Triệu VND	Vốn khác Triệu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Triệu VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông sở hữu của Tập đoàn Triệu VND	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát Triệu VND	Tổng Triệu VND
Phát hành cổ phiếu mới do chuyển đổi công cụ nợ	8.968	29.537	-	-	-	-	38.505	-	38.505
Giao dịch với cổ đồng không kiểm soát	-	-	-	-	(212.982)	(349.327)	(562.309)	(1.553.662)	(2.115.971)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.080.169	1.080.169	956.873	2.037.042
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(1.304.830)	(1.304.830)
Phân bổ vào các quỹ khác	-	-	-	-	-	(16.349)	(16.349)	(17.853)	(34.202)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong một công ty con	-	-	-	43.098	-	-	43.098	-	43.098
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	7.358.081	9.631.164	97.703	-	(9.142.752)	7.071.887	15.016.083	6.909.056	21.925.139

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

	Vốn cổ phần Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND	Vốn khác Triệu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Triệu VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông vốn chủ sở hữu của Tập đoàn Triệu VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát Triệu VND	Tổng Triệu VND
<i>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 - theo báo cáo trước đây</i>	7.358.081	9.631.164	97.703	(9.142.752)	7.071.887	15.016.083	6.909.056	21.925.139
<i>Phân loại lại</i>	-	-	(9.142.752)	9.142.752	-	-	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 – phân loại lại	7.358.081	9.631.164	(9.045.049)	-	7.071.887	15.016.083	6.909.056	21.925.139
Phát hành cổ phiếu mới (Thuyết minh 24)	109.098	(58)	-	-	-	109.040	-	109.040
Giao dịch với cổ đông không kiểm soát (Thuyết minh 8)	-	-	-	-	14.022	14.022	(1.082.987)	(1.068.965)
Hợp nhất kinh doanh trong MNS (Thuyết minh 6b)	-	-	-	-	-	-	4.288.035	4.288.035
Chi trả phí Ban Tổng Giám đốc của công ty con	-	-	-	-	(1.679)	(1.679)	(1.477)	(3.156)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.478.292	1.478.292	1.048.958	2.527.250
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(666.846)	(666.846)
Phản bổ vào các quỹ khác	-	-	-	-	(1.142)	(1.142)	(309)	(1.451)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.467.179	9.631.106	(9.045.049)	-	8.561.380	16.614.616	10.494.430	27.109.046

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty

	Vốn cổ phần Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND	Vốn khác Triệu VND	(Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	7.349.113	9.601.627	97.703	(1.586.675)	(1.206.546)	14.255.222
Phát hành cổ phiếu mới thông qua chuyển đổi các công cụ nợ	8.968	29.537	-	-	-	38.505
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	3.237.391	3.237.391
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	7.358.081	9.631.164	97.703	(1.586.675)	2.030.845	17.531.118
<i>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 - theo báo cáo trước đây</i>	<i>7.358.081</i>	<i>9.631.164</i>	<i>97.703</i>	<i>(1.586.675)</i>	<i>2.030.845</i>	<i>17.531.118</i>
<i>Phân loại lại</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(1.586.675)</i>	<i>1.586.675</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 – phân loại lại	7.358.081	9.631.164	(1.488.972)	-	2.030.845	17.531.118
Phát hành cổ phiếu mới (Thuyết minh 24)	109.098	(58)	-	-	-	109.040
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(522.355)	(522.355)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.467.179	9.631.106	(1.488.972)	-	1.508.490	17.117.803

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**24. VỐN CỔ PHẦN VÀ THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Vốn cổ phần được duyệt	746.717.861	7.467.179	735.808.140	7.358.081
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	746.717.861	7.467.179	735.808.140	7.358.081
Thặng dư vốn cổ phần	-	9.631.106	-	9.631.164

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động vốn cổ phần đã phát hành trong năm như sau:

	2015		2014	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Số dư đầu năm	735.808.140	7.358.081	734.911.338	7.349.113
Phát hành cổ phiếu mới để thanh toán cho các công cụ nợ	-	-	896.802	8.968
Phát hành cổ phiếu mới	10.909.721	109.098	-	-
Số dư cuối năm	746.717.861	7.467.179	735.808.140	7.358.081

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. VỐN KHÁC CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị hợp lý của số cổ phiếu nhất định của Công ty sẽ được phát hành trong tương lai và phân loại lại từ các nguồn vốn khác.

	31/12/2015 và 1/1/2015			
	Tập đoàn		Công ty	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND Phân loại lại
Hỗ trợ tín dụng từ công ty mẹ (*)	2.450.353	97.703	2.450.353	97.703
Phân loại lại từ nguồn vốn khác	-	(9.142.752)	-	(1.586.675)
	2.450.353	(9.045.049)	2.450.353	(1.488.972)

(*) Trong năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng vay chuyển đổi 30 triệu USD (tương đương với số tiền là 624.840 triệu VND) với Mount Kellett Capital Management LP thông qua Công ty MRG Limited với thời hạn là 4 năm.

Để tăng cường mức tín nhiệm tín dụng của Công ty và hỗ trợ giao dịch tài chính, công ty mẹ ký các thỏa thuận với Công ty và bên cho vay, mà theo đó công ty mẹ sẽ chấp nhận mọi rủi ro và nghĩa vụ trong việc mua cổ phiếu chuyển đổi và thanh toán trực tiếp số nợ gốc và khoản lãi vay hoãn lại cho các bên cho vay trong trường hợp các bên cho vay không thực hiện quyền chuyển đổi khoản vay thành cổ phiếu. Công ty mẹ không nhận bất kỳ khoản tiền công hay lợi ích nào khác trong việc hỗ trợ này cho Công ty.

Bên cạnh đó, thỏa thuận này còn bao gồm các điều khoản sau:

- Các khoản vay chuyển đổi có lãi suất nửa năm là 5,0% trong năm thứ nhất, 6,0% trong năm thứ hai và thứ ba, và 7,0% cho thời hạn còn lại của khoản vay chuyển đổi. Lãi suất hoãn lại 10,0% tương ứng với tỷ lệ hoàn vốn thực tế được thanh toán nếu quyền chuyển đổi không được thực hiện; và
- Cổ phiếu được phát hành khi chuyển đổi ("Cổ phiếu chuyển đổi") có thể được xác định căn cứ vào giá chuyển đổi ban đầu là 85.000 VND một cổ phiếu và phụ thuộc vào các điều chỉnh và các điều khoản khác của thỏa thuận đã ký kết. Tuy nhiên, số lượng Cổ phiếu chuyển đổi tối đa sẽ là 9,6 triệu cổ phiếu. Số lượng Cổ phiếu chuyển đổi bắt buộc phát hành tối thiểu là 7,5 triệu cổ phiếu, được coi như một công cụ vốn chủ sở hữu.

Trong tháng 7 năm 2013, Công ty đã mua lại hai phần ba của khoản vay chuyển đổi có giá trị là 30 triệu USD của Công ty MRG Limited, dẫn đến việc số lượng cổ phiếu chuyển đổi tối đa giảm xuống còn 3,2 triệu và số lượng Cổ phiếu chuyển đổi bắt buộc phát hành tối thiểu đã giảm xuống còn 2,5 triệu tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND
Trong vòng một năm	86.801	39.061	6.766	6.766
Trong vòng hai đến năm năm	126.464	38.729	435	7.201
Sau năm năm	164.498	3.676	-	-
	377.763	81.466	7.201	13.967

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	794.265	358.541	-	-
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	1.048.718	1.898.417	-	-
	1.842.983	2.256.958	-	-

(c) Ngoại tệ

Tập đoàn:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương triệu VND	Nguyên tệ	Tương đương triệu VND
	USD	13.425.910	300.734	9.141.772
EUR	1.378	34	179.401	4.611
SGD	358	6	-	-
		300.774		199.925

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Tập đoàn		Công ty	
	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND Phân loại lại	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
Tổng doanh thu				
■ Bán thành phẩm	31.223.998	16.288.802	-	-
■ Khác	100.873	89.032	-	-
	31.324.871	16.377.834	-	-
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu				
■ Chiết khấu thương mại	(606.034)	(192.121)	-	-
■ Hàng bán bị trả lại	(90.427)	(65.819)	-	-
	(696.461)	(257.940)	-	-
	30.628.410	16.119.894	-	-

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Tập đoàn		Công ty	
	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND Phân loại lại	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
Tổng giá vốn hàng bán				
■ Thành phẩm đã bán	20.654.605	9.632.010	-	-
■ Khác	71.371	7.235	-	-
■ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	93.810	63.945	-	-
	20.819.786	9.703.190	-	-

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Tập đoàn		Công ty	
	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND Phân loại lại	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND Phân loại lại
Thu nhập lãi từ:				
■ Tiền gửi	355.444	372.720	28.811	26.318
■ Cho các công ty con vay	-	-	617.142	775.095
■ Hoạt động đầu tư cho vay khác	481.084	32.233	30.806	-
Lợi thế thương mại âm từ mua một công ty con (Thuyết minh 6b)	147.641	-	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	66.502	34.859	1.821	753
Bán khoản đầu tư trong các công ty con	-	1.111.073	-	286.587
Thu nhập từ cổ tức	-	-	-	3.169.052
Lãi đã thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh	17.623	16.772	-	-
Doanh thu tài chính khác (*)	314.009	3.310	-	1.700
	1.382.303	1.570.967	678.580	4.259.505

(*) Bao gồm trong Doanh thu tài chính khác là khoản thu nhập nhận từ cổ đông không kiểm soát của một công ty con.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Tập đoàn		Công ty	
	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND Phân loại lại	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND Phân loại lại
Chi phí lãi vay từ:				
■ Ngân hàng	271.425	451.685	690	-
■ Trái phiếu	2.106.907	1.013.037	551.379	689.200
■ Công ty con	-	-	28.952	220.087
■ Các bên khác	46.973	-	42.094	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	206.819	95.933	718	14
Lỗi đã thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh	12.014	48.704	-	-
Chi phí tài chính khác	70.563	101.632	2.946	13.273
	2.714.701	1.710.991	626.779	922.574

31. LỢI NHUẬN/(LỖ) TỪ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

	Tập đoàn	
	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
Lợi nhuận từ các công ty liên kết	499.017	610.246
Điều chỉnh phát sinh từ việc phân bổ giá mua và phân bổ lợi thế thương mại	-	(663.307)
	499.017	(53.061)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**32. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Tập đoàn		Công ty	
	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND Phân loại lại	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	2.349.885	1.313.732	-	-
Chi phí vận chuyển	842.352	821.914	-	-
Chi phí nhân viên	523.640	282.962	-	-
Chi phí triển lãm	55.158	81.122	-	-
Chi phí nghiên cứu thị trường	51.567	47.921	-	-
Chi phí khác	221.755	124.460	-	-
	4.044.357	2.672.111	-	-

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Tập đoàn		Công ty	
	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND Phân loại lại	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
Chi phí nhân viên	591.940	425.014	49.679	40.854
Chi phí khấu hao và phân bổ	571.516	365.973	5.957	12.186
Nghiên cứu và phát triển	21.225	28.815	-	-
Thuê hệ thống và dịch vụ công nghệ thông tin	86.993	25.154	-	-
Thuê văn phòng	47.326	39.158	7.106	14.639
Chi phí dịch vụ mua ngoài	76.258	31.021	8.062	12.218
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác (*)	269.259	133.223	512.415	26.653
	1.664.517	1.048.358	583.219	106.550

(*) Bao gồm trong Chi phí quản lý doanh nghiệp khác của Công ty là chi phí cho một công ty con.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

34. THU NHẬP KHÁC

	Tập đoàn		Công ty	
	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND Phân loại lại	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND Phân loại lại
Thu từ bán các bồi thường	-	256.200	-	-
Lãi thanh lý tài sản cố định	3.309	9.117	-	-
Thu nhập khác	31.204	40.120	9.113	8.443
	34.513	305.437	9.113	8.443

35. CHI PHÍ KHÁC

	Tập đoàn		Công ty	
	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND Phân loại lại	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND Phân loại lại
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang và tài sản khác	12.816	14.553	-	1.433
Chi phí khác	61.337	54.303	50	-
	74.153	68.856	50	1.433

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**36. THUẾ THU NHẬP****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Tập đoàn		Công ty	
	2015	2014	2015	2014
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí thuế thu nhập				
Năm hiện hành	831.685	970.348	-	-
Dự phòng thừa trong những năm trước	(14.151)	(11.671)	-	-
	817.534	958.677	-	-
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại				
Phát sinh và hoàn nhập chênh lệch tạm thời	(127.630)	(242.480)	-	-
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	9.575	(13.508)	-	-
	(118.055)	(255.988)	-	-
Chi phí thuế thu nhập	699.479	702.689	-	-

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế Tập đoàn

	2015		2014	
	%	Triệu VND	%	Triệu VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	100,0%	3.226.729	100,0%	2.739.731
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	22,0%	709.880	22,0%	602.741
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các công ty con	(10,6%)	(341.610)	(5,7%)	(156.466)
Ảnh hưởng của các giao dịch hợp nhất	(0,1%)	4.164	5,5%	149.703
Chi phí không được khấu trừ thuế	4,0%	130.121	0,2%	5.233
Ảnh hưởng của kết quả thuần từ các công ty liên kết	(3,4%)	(109.784)	0,4%	11.673
Biến động chênh lệch tạm thời	(0,3%)	(10.268)	-	-
Tài sản thuế hoãn lại chưa được ghi nhận	11,9%	385.550	5,4%	148.612
Dự phòng thừa trong năm trước	(0,4%)	(14.151)	(0,4%)	(11.671)
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	1,0%	32.619	(0,5%)	(13.508)
Lỗi tính thuế đã sử dụng	(2,7%)	(87.042)	(1,2%)	(33.628)
	21,7%	699.479	25,7%	702.689

Công ty

	2015		2014	
	%	Triệu VND	%	Triệu VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	100%	(522.355)	100%	3.237.391
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	22,00%	(114.918)	22,00%	712.226
Thu nhập miễn thuế	-	-	(21,54%)	(697.191)
Chi phí không được khấu trừ thuế	20,71%	108.160	0,01%	19
Biến động chênh lệch tạm thời	0,17%	899	(0,63%)	(20.480)
Tài sản thuế hoãn lại chưa được ghi nhận	1,12%	5.859	0,16%	5.426
	-	-	-	-

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp ("TTNDN") bằng 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Các công ty con của Công ty hưởng các mức ưu đãi miễn giảm thuế suất khác nhau.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và điều tra của các cơ quan thuế khác nhau, cơ quan có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của họ, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và có thể gây ảnh hưởng đáng kể.

37. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Cùng với số dư của bên liên quan và các giao dịch trình bày trong thuyết minh khác trong báo cáo tài chính này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Tập đoàn

		2015	2014
Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Triệu VND	Triệu VND
Bên liên quan khác			
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản Xuất Thức Ăn Gia Súc	Cổ tức phải thu	-	80.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	Khoản cho vay đã nhận	2.596.819	1.035.382
	Khoản cho vay đã trả	1.375.112	-
	Chi phí lãi vay đã nhận	131.393	20.042
Ban quản lý chủ chốt	Thù lao trả cho ban quản lý chủ chốt (*)	72.049	41.417

(*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty		2015	2014
Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Triệu VND	Triệu VND
Các công ty con			
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Masan	Cho khoản vay đã nhận	-	735.000
(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San)	Thanh toán khoản vay cho một công ty con thông qua các hợp đồng chuyển nhượng các khoản cho vay cho một công ty con khác	-	7.709.298
	Thanh toán chi phí lãi cho một công ty con thông qua các hợp đồng chuyển nhượng các khoản cho vay cho một công ty con khác	-	2.831.626
	Thu nhập từ cổ tức	-	1.240.800
	Chi phí lãi từ khoản vay dài hạn	-	222.087
	Mua một công ty con	-	1.246.496
Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tầm nhìn Ma San)	Khoản vay cấp	3.196	941.588
	Thu nhập lãi cho vay	546.907	475.115
Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San	Thu nhập lãi cho vay	52.914	141.527
	Lãi vay được nhận	786.000	-
	Khoản cho vay được nhận	210.000	-
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	Thu nhập lãi cho vay	11.322	123.664
	Khoản vay cấp	-	210.000
	Nợ đã đối trừ	490.000	-
Công ty TNHH Masan Brewery	Khoản vay cấp	-	475.657
	Khoản cho vay thu	79.569	452.577
	Thu nhập lãi cho vay	1.345	32.436
	Khoản cho vay thu từ cán trừ vốn góp	-	368.300
	Lãi đã nhận	4.897	-
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Chuyển cổ phần cho một công ty con khác	-	4.409.682
	Thu nhập từ cổ tức	-	1.928.252
	Khoản vay cấp	-	194.465
	Khoản cho vay thu	-	194.465
	Thu nhập lãi cho vay	-	2.353
Công ty TNHH Shika	Khoản vay cấp	1.050.500	-
	Thu nhập lãi cho vay	4.653	-
	Khoản cho vay đã thu	237.000	-
Công ty TNHH Kenji	Khoản cho vay đã nhận	629.000	-
	Nhận chi phí lãi cho vay	28.952	-
	Khoản cho vay đã hoàn trả	629.000	-
	Lãi đã hoàn trả	28.952	-
Ban quản lý chủ chốt	Thù lao trả cho ban quản lý chủ chốt (*)	5.260	3.518

(*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**38. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 1.478.292 triệu VND (2014: 1.080.169 triệu VND) của Tập đoàn và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm là 752.369.623 cổ phiếu (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014: 746.740.068 cổ phiếu).

Cho mục đích tính lãi cơ bản trên cổ phiếu, cổ phiếu có thể được phát hành sau một thời gian xác định được coi là cổ phiếu đang lưu hành kể từ ngày phát sinh quyền đối với các cổ phiếu này được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2015 Triệu VND	2015 Triệu VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	1.478.292	1.080.169
(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	2015 Triệu VND	2015 Triệu VND
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	735.808.140	734.911.338
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành bằng tiền	5.111.130	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành để thanh toán cho trái phiếu, nợ vay và hối phiếu nhận nợ	-	378.377
Ảnh hưởng của cổ phiếu sẽ phải phát hành qua thời gian	11.450.353	11.450.353
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền tại thời điểm cuối năm	752.369.623	746.740.068

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận phân bổ cho cổ đông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành sau khi điều chỉnh cho ảnh hưởng của tất cả cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (suy giảm)

	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông	1.478.292	1.080.169
Cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm không có ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (2014: Không).		
(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (suy giảm)	2015	2014
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (cơ bản)	752.369.623	746.740.068
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm	753.954	15.048.569
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (suy giảm)	753.123.577	761.788.637

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

39. CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU

Công ty có kế hoạch trả thù lao bằng cổ phiếu dựa trên việc đánh giá thành tích của nhân viên. Việc phát hành cổ phiếu trong tương lai theo kế hoạch này phải được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Vào ngày 13 tháng 7 năm 2015, vốn cổ phần của công ty tăng từ 7.358.081 triệu VND lên 7.467.179 triệu VND bằng việc phát hành thêm 10.909.721 cổ phiếu cho nhân viên trong kế hoạch trả thù lao bằng cổ phiếu.

40. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thiết lập, phát triển và quản lý các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng với Tập đoàn và Công ty, và phát sinh chủ yếu từ phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản tiền gửi ngân hàng, các đảm bảo phát hành cho ngân hàng của Tập đoàn và Công ty nhằm đảm bảo cho các khoản vay của các đơn vị trong Tập đoàn.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Bảng sau phản ánh rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn và Công ty:

Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.316.097	5.164.983	1.103.509	517.127
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	293.990	4.042.212	287.890	239.614
Phải thu khách hàng – ngắn hạn – thuần	849.541	4.344.934	19.421	3.072.190
Phải thu từ cho vay ngắn hạn	762.400	-	-	2.172.320
Phải thu khác – ngắn hạn	641.598	527.770	157.171	1.041.652
Phải thu từ cho vay dài hạn	8.563.114	-	4.773.374	2.283.927
Phải thu khác – dài hạn	1.869.025	1.447.633	3.134.984	2.741.703
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	-	144.050	-	-
Đảm bảo đã phát hành	-	65.884	-	-
	21.295.765	15.737.466	9.476.349	12.068.533

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn và dài hạn**

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn và dài hạn được gửi tại các tổ chức tài chính theo quy định. Các khoản đầu tư và các giao dịch bao gồm các công cụ tài chính phái sinh chỉ được phép thực hiện với các bên đối tác sau khi được Ban Tổng Giám đốc đánh giá. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này hoặc các tổ chức tín dụng này có thể mất khả năng trả nợ.

(iii) Phải thu khách hàng – ngắn hạn và dài hạn, và phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn

Ảnh hưởng rủi ro tín dụng của Tập đoàn và Công ty liên quan đến các khoản phải thu chủ yếu ảnh hưởng bởi đặc điểm của từng khách hàng hoặc một bên đối tác. Đối phó với những rủi ro này, Tập đoàn giao dịch với các khách hàng bằng tiền mặt theo các điều khoản bàn giao. Trong trường hợp khách hàng được cấp điều kiện tín dụng, Ban Tổng Giám đốc sẽ thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi đưa ra các điều khoản thanh toán chuẩn cho khách hàng đó.

Giá trị ghi sổ của phải thu khách hàng – ngắn hạn và dài hạn, và phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn phản ánh mức độ ảnh hưởng rủi ro tín dụng tối đa.

Tập đoàn lập dự phòng phải thu khó đòi phản ánh ước tính khoản lỗ phát sinh liên quan đến phải thu khách hàng, phải thu từ cho vay và phải thu khác.

Biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Tập đoàn	
	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
Số dư đầu năm	2.064	1.784
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	24.864	-
Tăng dự phòng trong năm	3.169	501
Sử dụng dự phòng trong năm	(599)	(151)
Hoàn nhập	(909)	(70)
Số dư cuối năm	28.589	2.064

Tập đoàn và Công ty tin rằng, ngoài số tiền trình bày ở trên, không có khoản dự phòng nợ khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Bảng phân tích tuổi nợ phải thu khách hàng – ngắn hạn và dài hạn và phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn như sau:

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Tập đoàn				Công ty			
	31/12/2015		1/1/2015		31/12/2015		1/1/2015	
	Gộp Triệu VND	Lỗ giảm giá Triệu VND	Gộp Triệu VND	Lỗ giảm giá Triệu VND	Gộp Triệu VND	Lỗ giảm giá Triệu VND	Gộp Triệu VND	Lỗ giảm giá Triệu VND
Trong hạn	3.196.906	-	6.155.593	-	3.311.576	-	6.855.545	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	89.829	-	126.643	-	-	-	-	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	42.304	(100)	38.557	(456)	-	-	-	-
Quá hạn từ 181– 365 ngày	11.111	(2.126)	537	(537)	-	-	-	-
Quá hạn trên 365 ngày	48.603	(26.363)	1.071	(1.071)	-	-	-	-
	3.388.753	(28.589)	6.322.401	(2.064)	3.311.576	-	6.855.545	-

(iv) Phải thu từ cho vay

Tập đoàn và Công ty chịu ảnh hưởng rủi ro tín dụng liên quan đến phải thu từ cho vay dài hạn và ngắn hạn là một phần trong hoạt động quản lý tiền của Tập đoàn nhằm tối đa hóa thu nhập tài chính từ các tài sản có tính thanh khoản cao. Để giảm thiểu rủi ro tín dụng, khoản phải thu này được bảo đảm, bảo lãnh tín dụng và được ban Tổng Giám đốc thường xuyên theo dõi. Sau ngày kết thúc năm tài chính, 9.036.014 triệu VND của các khoản cho vay ngắn hạn và dài hạn này đã được thu hồi.

(v) Các đảm bảo

Tập đoàn cũng có rủi ro tín dụng đối với các khoản đảm bảo với các ngân hàng cho các khoản vay cấp cho Công ty TNHH Một Thành Viên Bao bì Minh Việt, một bên thứ ba, và các công ty con của Tập đoàn bao gồm Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghiệp Ma San, Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến, và Công ty TNHH Một Thành Viên Masan HD (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Ma San HD).

Rủi ro này phản ánh khoản lỗ sẽ được ghi nhận khi các bên đi vay mất khả năng thanh toán với bên cho vay. Để loại bỏ rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc tiếp tục duy trì sự giám sát hiệu quả hoạt động của công ty con và bên thứ ba mà nó bảo lãnh.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn và Công ty sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn và Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất có thể rằng Tập đoàn và Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, bất kể điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện khó khăn, mà không phát sinh hoặc ảnh hưởng đến danh tiếng của Tập đoàn và Công ty.

Thông thường Tập đoàn và Công ty đảm bảo đủ lượng tiền để đáp ứng các chi phí hoạt động kinh doanh, gồm việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính; ngoại trừ ảnh hưởng tiềm tàng của các trường hợp ngoài dự kiến, như thảm họa thiên nhiên.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 1 tháng 1 năm 2015, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tập đoàn	Giá trị	Dòng tiền	Trong vòng	1 – 2 năm	2 – 5 năm	Trên
	ghi sổ	theo hợp	1 năm	1 – 2 năm	2 – 5 năm	5 năm
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2015						
Phải trả người bán – ngắn hạn	2.419.059	(2.419.059)	(2.419.059)	-	-	-
Phải trả nhân viên	257.716	(257.716)	(257.716)	-	-	-
Chi phí phải trả – ngắn hạn	2.875.921	(2.875.921)	(2.875.921)	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác, không bao gồm nghĩa vụ phát hành cổ phiếu	337.912	(337.912)	(337.912)	-	-	-
Vay, trái phiếu và nợ thuê tài chính ngắn hạn	5.302.490	(5.389.751)	(5.389.751)	-	-	-
Phải trả người bán – dài hạn	75.845	(75.845)	-	(75.845)	-	-
Phải trả dài hạn khác	97.813	(97.813)	-	(97.813)	-	-
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	30.746.161	(41.587.364)	(5.110.356)	(2.525.331)	(31.191.645)	(2.760.032)
	42.112.917	(53.041.381)	(16.390.715)	(2.698.989)	(31.191.645)	(2.760.032)
	Giá trị	Dòng tiền	Trong vòng	1 – 2 năm	2 – 5 năm	Trên
	ghi sổ	theo hợp	1 năm	1 – 2 năm	2 – 5 năm	5 năm
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Ngày 1 tháng 1 năm 2015						
Phải trả người bán – ngắn hạn	999.340	(999.340)	(999.340)	-	-	-
Phải trả nhân viên	258	(258)	(258)	-	-	-
Chi phí phải trả – ngắn hạn	1.862.531	(1.862.531)	(1.862.531)	-	-	-
Phải trả khác – ngắn hạn	1.866.738	(1.866.738)	(1.866.738)	-	-	-
Vay, trái phiếu và nợ thuê tài chính ngắn hạn	5.329.971	(5.394.075)	(5.394.075)	-	-	-
Phải trả dài hạn khác, không bao gồm nghĩa vụ phát hành cổ phiếu	117.340	(117.340)	-	(117.340)	-	-
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	18.234.277	(24.596.493)	(1.689.081)	(9.392.100)	(10.574.829)	(2.940.483)
	28.410.455	(34.836.775)	(11.812.023)	(9.509.440)	(10.574.829)	(2.940.483)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty	Giá trị	Dòng tiền	Trong vòng	1 – 2 năm	2 – 5 năm
	ghi sổ	theo hợp	1 năm	1 – 2 năm	2 – 5 năm
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2015					
Phải trả người bán – ngắn hạn	240	(240)	(240)	-	-
Chi phí phải trả	147.891	(147.891)	(147.891)	-	-
Phải trả khác – ngắn hạn, không bao gồm nghĩa vụ phát hành cổ phiếu	111.611	(111.611)	(111.611)	-	-
Vay, trái phiếu và nợ thuê tài chính dài hạn	6.844.842	(8.599.470)	(3.209.126)	(357.000)	(5.033.344)
	7.104.584	(8.859.212)	(3.468.868)	(357.000)	(5.033.344)
	Giá trị	Dòng tiền	Trong vòng	1 – 2 năm	2 – 5 năm
	ghi sổ	theo hợp	1 năm	1 – 2 năm	2 – 5 năm
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Ngày 1 tháng 1 năm 2015					
Phải trả người bán – ngắn hạn	1.451	(1.451)	(1.451)	-	-
Chi phí phải trả	215.239	(215.239)	(215.239)	-	-
Phải trả khác – ngắn hạn	1.555.324	(1.555.324)	(1.555.324)	-	-
Phải trả dài hạn khác, không bao gồm nghĩa vụ phát hành cổ phiếu	14.580	(14.580)	-	(14.580)	-
Vay, trái phiếu và nợ thuê tài chính dài hạn	5.267.960	(6.263.385)	(1.166.805)	(5.096.580)	-
	7.054.554	(8.049.979)	(2.938.819)	(5.111.160)	-

Ban Tổng Giám đốc không kỳ vọng rằng các dòng tiền được trình bày trên bảng phân tích khả năng đáo hạn của Tập đoàn và Công ty có thể phát sinh sớm hơn một cách đáng kể, hoặc có những giá trị chênh lệch đáng kể.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**(c) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn và Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn và Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn và Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái đối với các giao dịch bán hàng, mua hàng và các khoản vay có gốc bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của các công ty thành viên trong Tập đoàn. Loại tiền tệ sử dụng trong các giao dịch này chủ yếu có gốc bằng Đô la Mỹ (USD), Đồng Euro (EUR), Đô la Úc (AUD), Đô la Sing (SGD), Thai Baht (THB), và Đồng Nhân dân tệ (CNY).

Đối với các khoản mục tài sản và nợ phải trả tiền tệ có gốc bằng ngoại tệ, chính sách của Tập đoàn là đảm bảo mức rủi ro tiền tệ thuần được giữ ở một mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn và Công ty có các khoản tài sản/(nợ phải trả) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	Tập đoàn							Công ty
	USD	EUR	AUD	SGD	THB	CNY	GBP	USD
Ngày 31 tháng 12 năm 2015								
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.425.909	1.378	-	358	-	-	-	4.467
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	10.171.593	-	-	399.418	-	-	-	867.000
Phải trả người bán và phải trả khác (**)	(18.183.910)	(1.974.736)	(4.275.560)	(501.485)	(11.289.906)	(1.955.251)	(8.765)	-
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(25.114.736)	-	-	-	-	-	-	-
Các khoản nợ dài hạn khác	(1.166.237)	-	-	-	-	-	-	(30.000)
	(20.867.381)	(1.973.358)	(4.275.560)	(101.709)	(11.289.906)	(1.955.251)	(8.765)	841.467

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Tập đoàn						Công ty
	USD	EUR	AUD	SGD	THB	CNY	USD
Ngày 1 tháng 1 năm 2015							
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.141.772	179.401	-	-	-	-	7.064
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	18.276.662	-	-	-	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác (**)	(3.805.647)	(3.003.750)	(1.200.202)	(138.555)	(3.380.904)	(1.955.251)	(302.466)
Chi phí phải trả	(2.631.637)	-	-	-	-	-	-
Vay ngắn hạn	(52.283.698)	-	-	-	-	-	-
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	(175.000.000)	-	-	-	-	-	-
Các khoản nợ dài hạn khác	-	-	-	-	-	-	(700.000)
	(206.302.548)	(2.824.349)	(1.200.202)	(138.555)	(3.380.904)	(1.955.251)	(995.402)

(*) Phải thu khách hàng và phải thu khác gồm khoản phải thu khách hàng – ngắn hạn và dài hạn, phải thu từ cho vay và phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn.

(**) Phải trả người bán và phải trả khác gồm khoản phải trả người bán – ngắn hạn, phải trả nhân viên, chi phí phải trả và phải trả khác – ngắn hạn và dài hạn.

Bảng sau đây trình bày những tỷ giá hối đoái chính áp dụng bởi Tập đoàn và Công ty:

	Tập đoàn và Công ty			
	Tỷ giá hối đoái tại ngày 31/12/2015		Tỷ giá hối đoái tại ngày 1/1/2015	
	Tỷ giá mua VND	Tỷ giá bán VND	Tỷ giá mua VND	Tỷ giá bán VND
1 USD	22.400	22.530	21.365	21.435
1 EUR	24.161	24.979	25.702	26.324
1 AUD	15.994	16.765	17.291	17.714
1 SGD	16.064	16.032	15.974	16.396
1 THB	630	639	634	668
1 CNY	3.457	3.521	3.395	3.509
1 GBP	34.103	33.552	33.077	33.488

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn và lợi nhuận/(lỗ) trước thuế của Công ty thông qua sự biến động của các loại tiền tệ sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các yếu tố khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất.

	Tập đoàn		Công ty	
	Tăng/(giảm) lợi nhuận trước thuế tại ngày 31/12/2015 Triệu VND		Giảm lỗ trước thuế tại ngày 31/12/2015 Triệu VND	
USD (5% tăng lên so với VND)	(25.570)		(911)	
EUR (6% giảm đi so với VND)	2.518		-	
AUD (5% giảm đi so với VND)	3.840		-	
SGD (1% giảm đi so với VND)	86		-	
THB (4% giảm đi so với VND)	313		-	
CNY (2% tăng lên so với VND)	(24)		-	
GBP (3% tăng lên so với VND)	(1)		-	

	Tập đoàn		Công ty	
	Tăng/(giảm) lợi nhuận trước thuế tại ngày 1/1/2015 Triệu VND		Giảm lợi nhuận trước thuế tại ngày 1/1/2015 Triệu VND	
USD (1% tăng lên so với VND)	(44.077)		(288)	
EUR (11% giảm đi so với VND)	7.985		-	
AUD (8% giảm đi so với VND)	1.660		-	
SGD (2% giảm đi so với VND)	44		-	
THB (1% tăng lên so với VND)	(21)		-	
CNY (2% giảm đi so với VND)	133		-	

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận/(lỗ) trước thuế của Tập đoàn và Công ty tại ngày lập báo cáo.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Rủi ro lãi suất

Mức biến động lãi suất của Tập đoàn và Công ty chủ yếu liên quan đến tài sản tài chính và nợ phải trả có lãi suất thả nổi. Rủi ro lãi suất được quản lý bởi Tập đoàn và Công ty trên cơ sở liên tục với mục tiêu chính là giảm thiểu chi phí lãi vay có khả năng chịu ảnh hưởng bởi các biến động bất lợi về lãi suất.

Tập đoàn và Công ty không sử dụng công cụ tài chính để phòng ngừa rủi ro biến động về lãi suất đối với các khoản vay chịu lãi suất.

Tại ngày báo cáo, tình hình lãi suất của các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn và Công ty như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND
Công cụ chịu lãi suất cố định				
Các khoản tương đương tiền	7.405.820	4.863.445	1.085.890	507.350
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	293.990	4.042.212	287.890	239.614
Phải thu ngắn hạn về cho vay từ các công ty con	762.400	-	-	2.172.320
Phải thu dài hạn về cho vay từ một bên thứ ba	8.563.114	-	-	-
Phải thu dài hạn về cho vay từ các công ty con	-	-	4.773.374	2.283.927
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	-	144.050	-	-
Vay, trái phiếu và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(4.227.547)	(3.568.345)	-	-
Vay, trái phiếu và nợ thuê tài chính dài hạn	(8.984.294)	(2.667.960)	(6.844.842)	(567.960)
	3.813.483	2.813.402	(697.688)	4.635.251
Công cụ chịu lãi suất thả nổi				
Tiền gửi ngân hàng	909.225	301.538	17.619	9.777
Vay, trái phiếu và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(1.074.943)	(1.761.626)	-	-
Vay, trái phiếu và nợ thuê tài chính dài hạn	(21.761.867)	(15.566.317)	-	(4.700.000)
	(21.927.585)	(17.026.405)	17.619	(4.690.223)

Phân tích độ nhạy cảm của các công cụ chịu lãi suất thả nổi

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản của lãi suất sẽ làm giảm lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn là 219.276 triệu VND (1/1/2015: 170.026 triệu VND) và tăng lợi nhuận trước thuế của Công ty là 176 triệu VND (1/1/2015: 46.902 triệu VND).

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**(d) Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ tài chính**

Bảng sau đây tóm tắt giá trị ghi sổ của tài sản tài chính và nợ tài chính cùng được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo phân loại của Thông tư 210 như sau:

Tập đoàn	Cho vay và phải thu Triệu VND	Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ Triệu VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.324.476	-	8.324.476
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	293.990	-	293.990
Phải thu khách hàng – ngắn hạn – thuần (*)	849.541	-	849.541
Phải thu ngắn hạn về cho vay	762.400	-	762.400
Phải thu khác – ngắn hạn	641.598	-	641.598
Phải thu dài hạn về cho vay	8.563.114	-	8.563.114
Phải thu dài hạn khác	1.869.025	-	1.869.025
	21.304.144	-	21.304.144
Phải trả người bán – ngắn hạn	-	(2.419.059)	(2.419.059)
Phải trả nhân viên	-	(257.716)	(257.716)
Chi phí phải trả	-	(2.875.921)	(2.875.921)
Phải trả khác – ngắn hạn	-	(337.912)	(337.912)
Vay, trái phiếu và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	(8.366.625)	(8.366.625)
Phải trả người bán – dài hạn	-	(75.845)	(75.845)
Phải trả dài hạn khác	-	(97.813)	(97.813)
Vay, trái phiếu và nợ thuê tài chính dài hạn	-	(27.253.112)	(27.253.112)
	-	(41.684.003)	(41.684.003)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Cho vay và phải thu Triệu VND	Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ Triệu VND
Ngày 1 tháng 1 năm 2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.166.415	-	5.166.415
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	4.042.212	-	4.042.212
Phải thu khách hàng – ngắn hạn – thuần	4.344.934	-	4.344.934
Phải thu khác – ngắn hạn	527.770	-	527.770
Phải thu dài hạn khác	1.447.633	-	1.447.633
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	144.050	-	144.050
	15.673.014	-	15.673.014
Phải trả người bán – ngắn hạn	-	(999.340)	(999.340)
Phải trả nhân viên	-	(258)	(258)
Chi phí phải trả	-	(1.862.531)	(1.862.531)
Phải trả khác – ngắn hạn	-	(1.866.738)	(1.866.738)
Vay, trái phiếu và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	(5.329.971)	(5.329.971)
Phải trả dài hạn khác	-	(177.901)	(177.901)
Vay, trái phiếu và nợ thuê tài chính dài hạn	-	(18.234.277)	(18.234.277)
	-	(28.471.016)	(28.471.016)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty	Nợ phải trả tài chính		
	Cho vay và phải thu Triệu VND	được xác định theo giá trị phân bổ Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ Triệu VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.103.659	-	1.103.659
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	287.890	-	287.890
Phải thu khách hàng – ngắn hạn – thuần (*)	19.421	-	19.421
Phải thu khác – ngắn hạn (*)	157.171	-	157.171
Phải thu từ cho vay dài hạn	4.773.374	-	4.773.374
Phải thu dài hạn khác (*)	3.132.671	-	3.132.671
	9.474.186	-	9.474.186
Phải trả người bán – ngắn hạn	-	(240)	(240)
Chi phí phải trả	-	(147.891)	(147.891)
Phải trả khác – ngắn hạn	-	(111.611)	(111.611)
Vay, trái phiếu và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	(2.844.842)	(2.844.842)
Vay, trái phiếu và nợ thuê tài chính dài hạn	-	(3.988.722)	(3.988.722)
	-	(7.093.306)	(7.093.306)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Nợ phải trả tài chính		Tổng giá trị ghi sổ Triệu VND
	Cho vay và phải thu Triệu VND	được xác định theo giá trị phân bổ Triệu VND	
Ngày 1 tháng 1 năm 2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	517.251	-	517.251
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	239.614	-	239.614
Phải thu khách hàng và phải thu khác – ngắn hạn (*)	4.113.842	-	4.113.842
Phải thu từ cho vay ngắn hạn	2.172.320	-	2.172.320
Phải thu từ cho vay dài hạn	2.283.927	-	2.283.927
Phải thu dài hạn khác	2.741.703	-	2.741.703
	12.068.657	-	12.068.657
Phải trả người bán – ngắn hạn	-	(1.451)	(1.451)
Chi phí phải trả	-	(215.239)	(215.239)
Phải trả khác – ngắn hạn	-	(1.555.324)	(1.555.324)
Vay, trái phiếu và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	(567.960)	(567.960)
Nợ phải trả dài hạn khác	-	(75.141)	(75.141)
Vay, trái phiếu và nợ thuê tài chính dài hạn	-	(4.700.000)	(4.700.000)
	-	(7.115.115)	(7.115.115)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**(e) Ước tính giá trị hợp lý**

Tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn, phải thu khách hàng – ngắn hạn, phải thu từ cho vay ngắn hạn, phải thu khác – ngắn hạn, phải trả người bán – ngắn hạn, và nợ phải trả tài chính khác

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính này xấp xỉ giá trị hợp lý do tính ngắn hạn của các công cụ này.

Phải thu khách hàng – dài hạn, phải thu từ cho vay ngắn hạn, phải thu dài hạn khác, đầu tư tài chính dài hạn, vay, trái phiếu và nợ thuê tài chính dài hạn, các đảm bảo đã phát hành và các quyền chọn mua và bán

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì chưa có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Các khoản bảo lãnh nhận được và đã phát hành được phân loại là tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhưng giá trị hợp lý của khoản bảo lãnh này chưa được ghi nhận trong các báo cáo tài chính này. Giá trị hợp lý của các bảo lãnh đã nhận được và đã phát hành chưa được xác định bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

41. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 và Thông tư 202 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán

	Tập đoàn		Công ty	
	1/1/2015 (phân loại lại) Triệu VND	31/12/2014 (theo báo cáo trước đây) Triệu VND	1/1/2015 (phân loại lại) Triệu VND	31/12/2014 (theo báo cáo trước đây) Triệu VND
Phải thu từ cho vay ngắn hạn	-	-	2.172.320	-
Phải thu khác – ngắn hạn	527.770	490.742	1.041.652	3.183.613
Tài sản thiếu chờ xử lý	13.615	-	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	-	50.643	-	30.359
Phải thu từ cho vay dài hạn	-	-	2.283.927	-
Phải thu dài hạn khác	1.447.633	1.387.798	2.741.703	5.016.249
Đầu tư vào công ty liên kết	8.601.126	8.597.526	-	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	144.050	147.650	-	-
Tài sản dài hạn khác	-	59.835	-	9.381
Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	(9.045.049)	97.703	(1.488.972)	97.703
Vốn khác	-	(9.142.752)	-	(1.586.675)

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Tập đoàn		Công ty	
	2014 (phân loại lại) Triệu VND	2014 (theo báo cáo trước đây) Triệu VND	2014 (phân loại lại) Triệu VND	2014 (theo báo cáo trước đây) Triệu VND
Tổng doanh thu	16.377.834	16.346.576	-	-
Giá vốn hàng bán	9.703.190	9.489.008	-	-
Chi phí bán hàng	2.672.111	2.864.837	-	-
Thu nhập khác	305.437	405.287	8.443	67.929
Chi phí khác	68.856	158.904	1.433	60.919

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**42. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ****Vào tháng 1 năm 2016**

Singha Asia Holding Pte. Ltd (“Singha”) đã đầu tư 13.343.726 triệu VND và 1.111.900 triệu VND bằng tiền nhằm nắm giữ vốn chủ sở hữu lần lượt là 14,3% và 33,3% trong MCH và MB. Thỏa thuận giữa MCH và Singha cũng đồng thời cho phép Singha tăng phần vốn chủ sở hữu của mình trong MCH lên 25% bằng việc đầu tư thêm 450 triệu USD. Việc huy động và chốt giao dịch 450 triệu USD còn lại của Singha nhằm làm tăng lợi ích vốn chủ sở hữu trong MCH lên mức 25% sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật và phê duyệt của doanh nghiệp.

MCH đã tăng lợi ích vốn chủ sở hữu trong MSC từ 77,8% đến 96,7% bằng cách mua lại cổ phiếu từ các cổ đông không kiểm soát.

Công ty con sở hữu hoàn toàn của MSC, MSB, đã mua thêm 2.657.641 cổ phiếu của của VHC. Giao dịch này dẫn đến lợi ích vốn chủ sở hữu của MSB trong VHC tăng từ 64,0% lên 84,2%.

MNS, thông qua một công ty con sở hữu hoàn toàn, Kenji, đã mua thêm 10.412.088 cổ phiếu của Proconco. Giao dịch này dẫn đến lợi ích vốn chủ sở hữu của MNS trong Proconco tăng từ 68,6% lên 75,2%.

Công ty đã phát hành trái phiếu tương đương 2.000 tỷ VND với thời gian đáo hạn 5 năm và có mức lãi suất năm là 8,0% trong năm đầu tiên và biên độ 3,0% cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng chính được chọn trong thời gian còn lại. Tiền thu được sử dụng để tái tài trợ cho trái phiếu tương đương 2.276,9 tỷ VND (xem Thuyết minh 21). Do đó, 6 triệu trái phiếu chuyển đổi được phát hành bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”) và 110 triệu cổ phiếu trong MSC đã được giải chấp.

Anco, một công ty con được sở hữu gián tiếp bởi Tập đoàn, đã phát hành quyền chọn cho một thành viên của Hội đồng quản trị của một công ty con để mua 5% lợi ích vốn chủ sở hữu của Anco theo mệnh giá tính trên cơ sở pha loãng toàn bộ, quyền chọn này có thể được thực hiện trong vòng 10 năm tính từ tháng 1 năm 2016. Trong tháng 2 năm 2016, quyền chọn này đã được MNS mua lại với giá thỏa thuận như một phần trong kế hoạch tái cấu trúc MNS và nỗ lực để gia tăng tỷ lệ sở hữu trong các công ty con, đặc biệt là Anco và Proconco.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Vào tháng 2 năm 2016

Công ty con sở hữu hoàn toàn của MSC, MSB, đã mua thêm 1.850.000 cổ phiếu của VCF. Giao dịch này dẫn đến lợi ích vốn chủ sở hữu của MSB trong VCF đã tăng từ 53,2% lên 60,2%.

Ngày 7 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Người duyệt:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng



Michael Hung Nguyen
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính



Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Tổng Giám đốc



THÔNG TIN
DOANH
NGHIỆP

LỊCH SỬ VÀ CẤU TRÚC CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

LỊCH SỬ CÔNG TY

Tên pháp lý của công ty Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San được thành lập vào tháng 11 năm 2004 dưới tên là Công ty Cổ phần Hàng Hải Ma San. Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (tên tiếng Anh là Masan Group Corporation) vào tháng 8 năm 2009 và đã niêm yết thành công tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM vào ngày 05 tháng 11 năm 2009. Công ty cũng đã chính thức thay đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan vào tháng 07 năm 2015. Dù Công ty chính thức thành lập vào năm 2004 nhưng tính đến việc thành lập và hoạt động của các cổ đông lớn, công ty con và các công ty tiền nhiệm của chúng tôi thì Masan Group đã hoạt động được gần 20 năm.

Masan Group là công ty mẹ giữ cổ phần kiểm soát ở các Công ty Masan Consumer Holdings ("MCH"), Masan Nutri-Science ("MNS"), và Masan Resources ("MSR") với lợi ích kinh tế tương ứng là 100%, 99,9% và 72,7% tính đến 31/12/2015. Chúng tôi cũng nắm giữ lợi ích kinh tế dưới hình thức cổ phần và trái phiếu bắt buộc chuyển đổi tại Techcombank là 30,4% tính đến tháng 31/12/2015. Trong tháng 01/2016, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Masan Group trong MCH giảm xuống còn 85,7%, dự kiến sẽ tiếp tục giảm còn 75% sau khi Singha hoàn tất các đợt góp vốn theo thỏa thuận đối tác chiến lược.

Các sự kiện quan trọng trong lịch sử công ty bao gồm:

- Tiền thân của Masan là công ty Công Nghệ - Kỹ Thuật - Thương Mại Việt Tiến được thành lập vào năm 1996, là nhà máy sản xuất gia vị tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Từ năm 2000 đến năm 2002, Masan đã phát triển thành công ty thực phẩm qua việc thành lập thêm các công ty như Công ty Xuất nhập khẩu Minh Việt và Công ty Cổ phần Công Nghiệp Masan.

- Năm 2002, để thâm nhập vào thị trường nội địa đầy tiềm năng, Masan đã chuyển hướng từ thị trường xuất khẩu sang tập trung vào thị trường nội địa, qua việc giới thiệu sản phẩm nước chấm thương hiệu "Chin-su". Sau thành công của nhãn hiệu Chin-su thì công ty cũng đã gặt hái những thành công tiếp theo khi giới thiệu thương hiệu "Nam Ngư" và "Tam Thái Tử" trong năm 2007.
- Tháng 11/2004, Công ty Cổ phần Hàng Hải Ma San được thành lập, mà sau này công ty sẽ được sử dụng để tái cấu trúc hoạt động kinh doanh và được đổi tên thành Công ty Tập đoàn Ma San (sẽ được nêu thêm bên dưới).
- Năm 2008, Công ty Cổ phần Công Nghiệp - Thương Mại Ma San là công ty mẹ sở hữu các cổ phần của công ty con trong ngành hàng thực phẩm của Tập đoàn lần đầu tiên đạt doanh thu 2.000 tỷ đồng.
- Năm 2008, với tầm nhìn thể chế hóa chiến lược ngành và chiến lược thực thi cho toàn Tập đoàn nhằm trở thành nền tảng quy mô hơn và chuyên nghiệp hơn thì các cổ đông của chúng tôi đã tuyển dụng đội ngũ quản lý chuyên nghiệp, bao gồm đội ngũ điều hành với kinh nghiệm đa quốc gia và thành tích xây dựng các doanh nghiệp trong các thị trường mới nổi, trong đó phải nhắc đến việc bổ nhiệm ông Madhur Maini là Tổng Giám đốc điều hành trong tháng 08/2008.
- Tháng 08/2009, Công ty đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và tái cơ cấu nắm giữ 19,9% cổ phần tại Techcombank và 54,8% cổ phần tại Masan Consumer.
- Tháng 09 và 10/2009, TPG, thông qua quỹ đầu tư vốn tăng trưởng, TPG Growth, đã đầu tư 630 tỷ đồng vào Công ty dưới hình thức trái phiếu chuyển đổi, đã được chuyển đổi hoàn toàn thành cổ phần Công ty trong tháng 06/2012.
- Tháng 10/2009, BankInvest, thông qua Quỹ Private Equity New Markets, đã đầu tư 360 tỷ đồng vào cổ phần của Công ty.

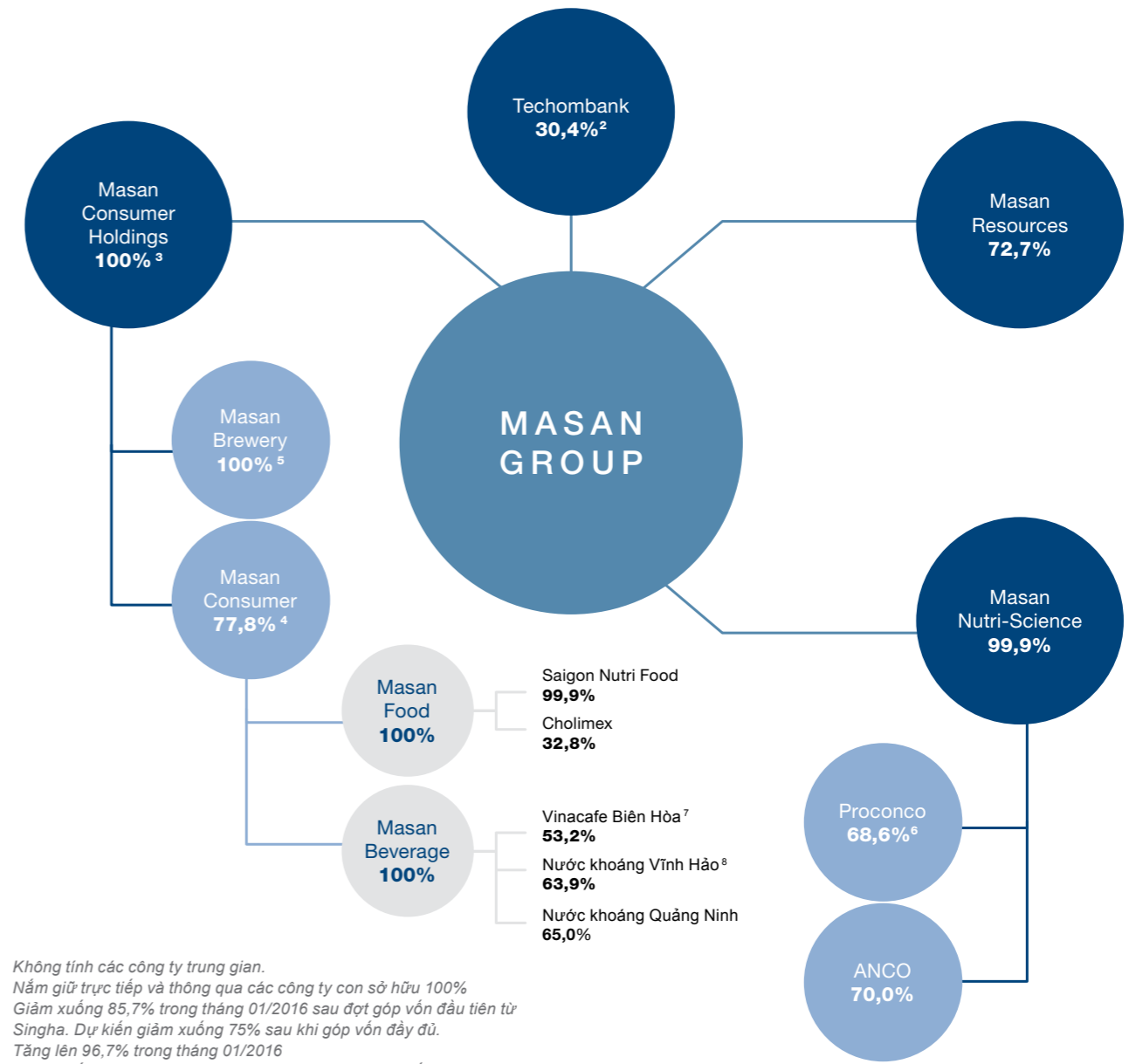
- Tháng 10/2009, Công ty đã tăng quyền sở hữu trong Masan Consumer lên 76,6%.
- Ngày 05/11/2009, chúng tôi đã chính thức niêm yết trên Sàn Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với giá niêm yết là 36.000 đồng một cổ phiếu và bắt đầu giao dịch với mã chứng khoán "MSN". Với giá cuối phiên giao dịch 42.200 đồng một cổ phiếu vào ngày niêm yết, Công ty đã trở thành công ty lớn thứ sáu tại Việt Nam xét theo mức vốn hóa thị trường.
- Tháng 12/2009, chúng tôi đã nâng mức vốn chủ sở hữu 360 tỷ đồng qua việc phát hành cổ phần cho công ty House Foods của Nhật Bản.
- Tháng 05 năm 2010, Công ty Tài chính Quốc tế (IFC), một thành viên của Ngân hàng Thế giới, đã cấp một phần khoản vay chuyển đổi cho chúng tôi trị giá 760 tỷ đồng với thời hạn vay sáu năm.
- Tháng 09/2010, Công ty đã mua lại cổ phần kiểm soát tại mỏ Núi Pháo và đã thành lập công ty Masan Resources. Ngay sau đó, Mount Kellett đã đầu tư mua 20% cổ phần tại Masan Resources.
- Tháng 10/2010, Công ty đã nâng vốn chủ sở hữu thêm 974 tỷ đồng thông qua phát hành riêng cổ phiếu phổ thông cho Orchid Fund Private Limited, một quỹ đầu tư của Richard Chandler Corporation.
- Tháng 11/2010, Goldman Sachs đã cấp khoản vay chuyển đổi cho Công ty trị giá 30 triệu đô la Mỹ với thời hạn 5 năm.
- Tháng 12/2010, Công ty đã tăng cổ phần tại Masan Consumer lên 86,6%.
- Tháng 12/2010 và 01/2011, Công ty đã tăng lợi ích kinh tế tại Techcombank lên 30,6% sau khi mua trái phiếu chuyển đổi của Techcombank.
- Tháng 04/2011, KKR đã đầu tư 159 triệu đô la Mỹ vào Masan Consumer để mua 10% cổ phần.
- Tháng 10/2011, Masan Consumer đã thâm nhập vào thị trường đồ uống thông qua thương vụ mua lại 50,3% cổ phần của Vinacafe Biên Hòa, nhà sản xuất cà phê hòa tan lớn nhất tại Việt Nam. Tháng 02/2012, Masan Consumer đã tăng cổ phần lên 53,2%.
- Tháng 02/2012, Công ty đã phát hành các công cụ chuyển đổi cho Mount Kellett và Richard Chandler Corporation.
- Tháng 05/2012, Công ty đã thu hút đầu tư thêm

50 triệu đô la Mỹ thông qua cấp khoản vay chuyển đổi bắt buộc, chuyển đổi thành cổ phiếu Công ty, cho Kairos Capital Limited, một công ty đầu tư trực thuộc Richard Chandler Corporation.

- Tháng 01/2013, Công ty đã bán 8,7% cổ phần bổ sung tại Masan Consumer cho KKR với trị giá 200 triệu đô la Mỹ, do đó giảm cổ phần của Tập đoàn tại Masan Consumer xuống 77,7%.
- Tháng 02/2013, Masan Consumer đã mua lại 24,9% cổ phần tại Vĩnh Hảo.
- Tháng 04/2013, Masan Consumer đã tăng tỷ lệ phần trăm quyền sở hữu tại Vĩnh Hảo lên 63,5%.
- Tháng 07/2013, Mỏ Núi Pháo liên doanh với H.C. Starck và thành lập công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo - H.C. Starck nhằm sản xuất các sản phẩm chế biến sâu vonfram có giá trị cao hơn. Việc hợp tác với H.C. Starck đánh dấu một bước phát triển mới của dự án và minh chứng cho chất lượng sản phẩm mỏ và giảm thiểu rủi ro cho dự án khi hợp tác với khách hàng có tiếng tăm trên thế giới cho sản phẩm vonfram của chúng tôi.
- Tháng 12/2013, Công ty TNHH Hoa Bông Lãng, đã đổi tên thành Công ty TNHH MasanConsumerHoldings, được gọi tắt là Masan Consumer Holdings, và viết tắt là MCH. MCH được tái cấu trúc nhằm tập trung vào ngành hàng thực phẩm và đồ uống.
- Tháng 03/2014, Nhà máy của Mỏ Núi Pháo đã thực hiện chạy thử thành công.
- Tháng 04/2014, Ông Seokhee đã gia nhập Masan trên cương vị Tổng Giám đốc Điều hành của Masan Consumer kiêm Phó Tổng Giám đốc Điều hành của Masan Group nhằm dẫn dắt Công ty phát triển đến một tầm cao mới trong ngành hàng tiêu dùng.
- Tháng 05/2014, Masan Consumer đã thành lập công ty con Masan Beverage, theo đó cổ phần của Công ty tại Vinacafe Biên Hòa và Vĩnh Hảo đã được chuyển đổi sang công ty này.
- Tháng 09/2014, Tập đoàn mua công ty Bia và Nước Giải khát Phú Yên để sản xuất ra sản phẩm bia có nhãn hiệu "Sư Tử Trắng". Công ty TNHH Masan Brewery (trước đây là một công ty con nắm giữ các khoản đầu tư) được tái cấu trúc để sở hữu cổ phần của công ty bia này và

Tại thời điểm ngày 31/12/2015

CẤU TRÚC TẬP ĐOÀN ¹



1. Không tính các công ty trung gian.
2. Nằm giữ trực tiếp và thông qua các công ty con sở hữu 100%
3. Giảm xuống 85,7% trong tháng 01/2016 sau đợt góp vốn đầu tiên từ Singha. Dự kiến giảm xuống 75% sau khi góp vốn đầy đủ.
4. Tăng lên 96,7% trong tháng 01/2016
5. Giảm xuống 66,67% trong tháng 1/2016 sau đợt góp vốn của Singha
6. Nằm giữ trực tiếp và thông qua các công ty con sở hữu 100%. Tăng lên 75,2% trong tháng 01/2016
7. Tăng lên 60,16% trong tháng 02/2016
8. Tăng lên 84,23% trong tháng 01/2016

được chuyển thành công ty con của MCH. Dưới sự quản lý của chúng tôi, nhà máy bia đã hoạt động hết công suất sau khi đã thực hiện tung hàng thử nghiệm tại miền Tây. Công ty Bia và Nước Giải khát Phú Yên sau đó vào năm 2015 được chuyển thành công ty TNHH MTV với tên gọi mới là Công ty TNHH MTV Masan Brewery PY.

- Vào cuối năm 2014, Masan Consumer đã thành lập một số công ty con để mở rộng sự hiện diện của chúng tôi tại các khu vực chiến lược nhằm tăng công suất và tiếp cận gần hơn đến người tiêu dùng. Chúng tôi đã bắt đầu xây dựng tại nhà máy ở Nghệ An và đang bắt đầu xin giấy phép cho nhà máy tại Hậu Giang.
- Tháng 12/2014, Masan Consumer Holdings đã phát hành thành công trái phiếu kỳ hạn 10 năm, huy động 2.100 tỷ đồng với lãi suất cố định 8%. Trái phiếu được tổ chức Credit Guarantee and Investment Facility (“CGIF”), một quỹ ủy thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) bảo lãnh, và đây là thương vụ đầu tiên của CGIF tại Việt Nam.
- Tháng 12/2014, Masan Consumer đã mua 32,8% cổ phần của công ty Thực phẩm Cholimex. Masan Group cũng chấm dứt đầu tư vào các công ty không thuộc ngành cốt lõi như bao bì thực phẩm thông qua việc bán công ty TNHH MTV Bao bì Minh Việt và các đơn vị khác mà Tập đoàn không sở hữu cổ phần kiểm soát.
- Tháng 01/2015, Masan Consumer đã mua 100% cổ phần của công ty Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn, một công ty sản xuất thịt chế biến, nhằm tiến tới thâm nhập vào ngành hàng đậm động vật.
- Tháng 4/2015, Masan mua lại Công ty TNHH Sam Kim, cổ đông kiểm soát hai công ty Proconco và ANCO. Công ty Sam Kim sau đó được đổi tên thành Masan Nutri-Science. Việc mua lại Masan Nutri-Science ngay lập tức biến Masan thành công ty thức ăn gia súc trong nước lớn nhất Việt Nam với vị thế dẫn đầu trong phân khúc thức ăn cho heo. Masan Nutri-Science là bước đi đầu tiên của Masan trong việc thay đổi ngành đậm động vật của Việt Nam với mục đích tối hậu là cung cấp cho người tiêu dùng các sản phẩm thịt có chất lượng.
- Tháng 6/2015, MCH phát hành một trái phiếu kỳ hạn 5 năm trị giá 9.000 tỷ đồng do Vietcombank thu xếp với sự tham gia của 9 ngân hàng trong nước. Giao dịch

này là một phần trong nỗ lực của chúng tôi nhằm đơn giản hóa cấu trúc tài sản, thanh toán các khoản nợ lãi suất cao, kéo dài thời hạn nợ, giảm nợ tiền USD, và tăng số dư tiền mặt để dành cho các khoản đầu tư tiếp theo trong lĩnh vực tiêu dùng. Đây là đợt phát hành trái phiếu lớn nhất từ trước đến nay tại Việt Nam.

- Tháng 9/2015, Masan Resources niêm yết trên sàn UPCoM thuộc sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội, khẳng định thành công của việc vận hành thử nghiệm và gia tăng công suất sản xuất của mỏ Núi Pháo, và trở thành một trong những công ty lớn nhất được niêm yết trên sàn Hà Nội.
- Tháng 11/2015, Masan MB khánh thành một trung tâm sản xuất nước mắm và mì ăn liền ở tỉnh Nghệ An để nâng cao công suất sản xuất đáp ứng nhu cầu tăng trưởng và tiếp cận gần hơn với người tiêu dùng.
- Tháng 12/2015, Masan Beverage mua lại cổ phần kiểm soát của Công ty Nước khoáng Thiên nhiên Quảng Ninh, chủ sở hữu thương hiệu Quang Hanh, để cùng với Vĩnh Hảo trở thành công ty nước khoáng trong nước lớn nhất Việt Nam và củng cố nền tảng đồ uống đóng chai của Tập đoàn.
- Tháng 12/2015, MCH và Singha ký thỏa thuận đối tác chiến lược để phục vụ tốt hơn cho 250 triệu người tiêu dùng tại thị trường “Inland ASEAN”. Ngay lập tức, thị trường thực phẩm và đồ uống mà Masan có thể tiếp cận tăng gấp nhiều lần. Theo thỏa thuận, Singha sẽ đầu tư 1,1 tỷ đôla Mỹ vào MCH và mảng kinh doanh bia của Masan, và đây sẽ là thỏa thuận M&A lớn nhất trong lịch sử các doanh nghiệp Việt Nam. Đợt góp vốn đầu tiên diễn ra trong tháng 1/2016 với khoản tiền 650 triệu đôla Mỹ.
- Tháng 12/2015, một ngày sau khi ký kết thỏa thuận với Singha, Masan Brewery HG khánh thành nhà máy bia mới tại tỉnh Hậu Giang với công suất tăng hơn 4 lần công suất hiện tại.
- Tháng 1/2016, MCH tăng tỷ lệ sở hữu trực tiếp của mình trong Masan Consumer lên 96,7%, Masan Beverage tăng tỷ lệ sở hữu trực tiếp tại Vĩnh Hảo 84,2% và MNS tăng tỷ lệ sở hữu tại công ty Proconco lên 75,2%.
- Tháng 2/2016, Masan Beverage tăng tỷ lệ sở hữu trực tiếp của mình trong Vinacafe lên 60,16%.

CẤU TRÚC VỐN

2015 EBITDA pro forma (tỷ đồng)	6.687
Số dư tiền (tỷ đồng)	17.944 kể từ 31/12/2015; 14.349 kể từ 31/01/2016 ⁽¹⁾
Tổng nợ (tỷ đồng)	35.620
Nợ thuần	17.676
Số cổ phiếu (Cơ bản)	746.717.861
Số cổ phiếu (Pha loãng hoàn toàn) ⁽²⁾	755.455.707
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	27.109

MASAN CONSUMER HOLDINGS

Masan Consumer Holdings được thành lập là nền tảng chính để Tập đoàn đầu tư thêm vào các ngành hàng liên quan đến mảng kinh doanh hàng tiêu dùng. Các công ty chính trong danh mục của MCH bao gồm Masan Consumer và Masan Brewery.

Chúng tôi là một trong những công ty hàng tiêu dùng nhanh trong nước lớn nhất Việt Nam. Chúng tôi sản xuất và phân phối nhiều loại sản phẩm thực phẩm và đồ uống, bao gồm nước tương, nước mắm, tương ớt, mì ăn liền, cháo ăn liền, cà phê hòa tan, ngũ cốc ăn liền, đồ uống đóng chai và bia. Chúng tôi đã phát triển danh mục sản phẩm, đội ngũ bán hàng và các kênh phân phối trong nước để thiết lập vị trí hàng đầu trong thị trường sản phẩm thực phẩm và đồ uống có thương hiệu của Việt Nam. Những thương hiệu chủ chốt của chúng tôi bao gồm Chin-su, Nam Ngư, Tam Thái Tử, Omachi, Kokomi, Komi, Vinacafé, Wake-Up, Phinn, Kachi, Vĩnh Hảo, Quang Hanh và Sư Tử Trắng.

MASAN NUTRI-SCIENCE

Masan Nutri-Science là công ty sản xuất thức ăn cho heo lớn nhất (không tính trại gia công) và sản xuất thức ăn gia súc nói chung lớn thứ hai ở Việt Nam. Tầm nhìn của chúng tôi là thúc đẩy sự cải thiện vượt bậc về năng suất của ngành đạm động vật tại Việt Nam, với đích đến là phục vụ người tiêu dùng các sản phẩm thịt có chất lượng. Masan Nutri-Science hiện quản lý hai công ty đang hoạt động, cụ thể là Proconco và ANCO. Doanh thu về sản lượng trong năm 2015 của 2 công ty này đạt trên 2 triệu tấn, bao gồm tất cả các loại thức ăn gia súc (thức ăn cho heo, thức ăn gia cầm, thức ăn cho bò và thức ăn thủy sản). Masan Nutri-Science có một trong những mạng lưới phân phối rộng lớn nhất với 2.000 nhà phân phối trên khắp Việt Nam. Tổng số nhà máy sản xuất dự kiến đạt 13 nhà máy trong năm 2016.

MASAN RESOURCES

Masan Resources là một trong những công ty tài nguyên và chế biến khoáng sản tư nhân lớn nhất trong khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam, hiện đang vận hành dự án mỏ đa kim Núi Pháo mang đẳng cấp thế giới ở miền Bắc. Núi Pháo là nhà sản xuất vonfram, florit và bismut tầm cỡ thế giới, và là dự án vonfram mới đầu tiên trong ngành được đưa vào vận hành trong hơn 1 thập kỷ vừa qua. Masan Resources cũng là một nhà sản xuất florit và bismut có ảnh hưởng toàn cầu. Mục tiêu của Masan Resources là chứng tỏ cho thế giới thấy rằng một công ty Việt Nam cũng có thể dẫn dắt sự thay đổi trong thị trường vonfram toàn cầu.

Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập trang web: <http://masangroup.com/masanresources>.

TECHCOMBANK

Techcombank hiện là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần lớn nhất Việt Nam xét trên quy mô tổng tài sản, tín dụng, huy động, số lượng khách hàng và hệ thống mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch. Chúng tôi đã xây dựng mạng lưới kinh doanh dẫn đầu ngành về huy động tiền gửi cá nhân và tín dụng dành cho cá nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trong 22 năm qua kể từ ngày thành lập, chúng tôi đã phát triển nhiều sản phẩm và dịch vụ tài chính đa dạng để đáp ứng nhu cầu tài chính của tầng lớp người tiêu dùng mới nổi và các doanh nghiệp tư nhân ở Việt Nam. Nổi lên như một trong những ngân hàng đầu tiên của Việt Nam hoàn tất chu kỳ trích lập dự phòng sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, Techcombank đã chuẩn bị sẵn sàng cả nền tảng và cấu trúc tài sản để trở thành nhà vô địch trong lĩnh vực kinh tế tư nhân.

¹ Bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản đầu tư sinh lãi

² Cổ phần tăng thêm từ khả năng chuyển đổi của các công cụ chuyển đổi cổ phiếu được phát hành cho Goldman Sachs.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**Cơ cấu Tổ chức**

Chấp thuận	Đại Hội Đồng Cổ Đông	
Phê duyệt	Hội đồng Quản trị	Ban Kiểm soát
Quản trị chiến lược	Ban Điều hành <ul style="list-style-type: none"> ■ Tổng Giám đốc Điều hành ■ Phó Tổng Giám đốc ■ Kế toán Trưởng 	
Thực thi	Phát triển Kinh doanh	Tài chính & Kế toán, Pháp lý và Hành chính

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị được cổ đông bầu ra để điều hành hoạt động của Masan Group. Các thành viên Hội đồng Quản trị họp định kỳ hoặc thảo luận riêng về các quyết định chiến lược do Ban Điều hành đệ trình. Chi tiết về trách nhiệm của Hội đồng Quản trị được trình bày trong phần Hội đồng Quản trị.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành.

Ban Điều hành

Trách nhiệm chính của Ban Điều hành bao gồm quản trị chiến lược, phân bổ nguồn lực ở cấp quản lý cao cấp, theo dõi và kiểm soát tài chính kế toán, quản lý vốn, quản trị doanh nghiệp và kiểm soát nội bộ.

Bộ phận Phát triển Kinh doanh

Đội ngũ Phát triển Kinh doanh có trách nhiệm thực hiện giao dịch, phân tích hoạt động kinh doanh và các sáng kiến kinh doanh.

Bộ phận Tài chính & Kế toán, Pháp lý và Hành chính

Bộ phận Tài chính & Kế toán, Pháp lý và Hành chính chịu trách nhiệm thực hiện các báo cáo tài chính, tuân thủ luật pháp và quản lý các công việc hành chính hàng ngày trong Công ty. Những vị trí quản lý cấp cao của bộ phận Tài chính & Kế toán và Pháp lý giữ vai trò quan trọng trong việc thực thi và theo dõi các giao dịch sau khi hoàn tất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**Trách nhiệm và Thẩm quyền của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị có hai thành viên điều hành và bốn thành viên không điều hành. Hoạt động của Hội đồng Quản trị được tổ chức bởi Chủ tịch, cũng là Tổng Giám đốc Điều hành. Vai trò của Chủ tịch và Tổng Giám đốc Điều hành là tách biệt.

Thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm:

- **Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang, Chủ tịch**

TS. Nguyễn Đăng Quang là Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Điều hành của Masan Group. Bên cạnh đó ông còn là Chủ tịch của Công ty Cổ phần Masan (Masan Corporation), Masan Consumer, Masan Resources, Chủ tịch Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (Nui Phao Mining Company) và thành viên Hội đồng Quản trị của Techcombank.

TS. Quang đã góp phần quan trọng trong quá trình thành lập và phát triển nhiều hoạt động kinh doanh và công ty con của chúng tôi. Ông là người có tầm nhìn chiến lược, đã hỗ trợ quá trình chuyên môn hóa Masan Group trong giai đoạn phát triển đầu tiên đồng thời vẫn giữ được bản sắc văn hóa cũng như các giá trị Việt Nam.

TS. Quang có học vị tiến sĩ Khoa học Kỹ thuật của Đại học Vật lý Ứng dụng thuộc Viện Hàn Lâm Khoa Học Belarus và bằng Thạc sĩ Quản lý và Quản trị Kinh doanh của Đại học Kinh tế Nga Plekhanov.

- **Ông Hồ Hùng Anh, Thành viên**

Ông Hồ Hùng Anh là thành viên Hội đồng Quản trị của Masan Group. Ông cũng giữ chức vụ Chủ tịch Techcombank và Chủ tịch Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương, thành viên Hội đồng Quản trị của Masan Corporation, Masan Consumer và thành viên của Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương. Ông Hùng Anh đã đóng góp vào các giai đoạn phát triển đầu tiên của Masan Group và đưa ra nhiều chỉ đạo chiến lược. Ông đã lãnh đạo Techcombank, một công ty liên kết của Masan Group, trở thành ngân hàng tư nhân hàng đầu tại Việt Nam.

Ông Hồ Hùng Anh đã có bằng Cử nhân Điện tử Đại học Bách khoa Kiev.

- **Ông Nguyễn Thiệu Nam, Thành viên**

Ông Nguyễn Thiệu Nam là Phó Tổng Giám đốc Điều hành và là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty. Ông đã từng giữ vai trò điều hành cấp cao tại các công ty con và công ty liên kết của chúng tôi như Masan Consumer và Techcombank.

Tại Masan Group, ông Nam quản lý mạng quan hệ với các đối tác quan trọng và lãnh đạo công tác thực thi trong nước. Ông đã góp phần thúc đẩy quá trình bồi thường và tái định cư dự án Núi Pháo, tạo điều kiện cho quá trình thu hồi đất lên tới 91% diện tích đất cần thiết cho dự án tính đến tháng 6/2011, so với mức thu hồi chỉ đạt 2% diện tích đất trước khi Masan Group tiếp nhận. Gần đây, ông giữ vai trò quan trọng trong chiến lược tham gia ngành bia của Tập đoàn.

Ông Nguyễn Thiệu Nam từng làm việc cho Công ty Cổ phần Đa My. Ông tốt nghiệp trường Đại học Thương mại Hà Nội với bằng Cử nhân Thương mại.

■ Bà Nguyễn Hoàng Yến, Thành viên

Bà Nguyễn Hoàng Yến là Phó Tổng Giám đốc Điều hành của Masan Consumer, bà là một nhà quản lý điều hành chủ chốt từ những năm đầu thành lập khi Công ty còn là một công ty kinh doanh thực phẩm. Bà đã đóng góp vào sự thay đổi Công ty toàn diện thành mảng kinh doanh thực phẩm và đồ uống có thương hiệu lớn trong nước.

Bà cũng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Masan PQ, thành viên Hội đồng Quản trị của Masan Corporation, Masan Consumer, Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo, Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa và Công ty Cổ phần Tào Vĩnh Hảo.

Bà Nguyễn Hoàng Yến tốt nghiệp Đại học Ngoại ngữ Hà Nội, chuyên ngành Tiếng Nga.

■ Ông Lars Kjaer, Thành viên

Ông Lars Kjaer là Phó Giám đốc Điều hành tại PENM Partners. Ông Lars từng là Giám đốc Điều hành tại NOPEF (chủ sở hữu các công ty Nordic SME chuyên đầu tư vào các thị trường mới nổi với danh mục đầu tư trên 200 công ty), Giám đốc Điều hành InWear & IC Companys (một công ty hàng may mặc, tiêu dùng có thương hiệu được tích hợp toàn diện với doanh số 450 triệu USD) và Giám đốc Điều hành của Carlsberg Đan Mạch. Ông cũng là thành viên Hội đồng Quản trị của Coca-Cola Nordic Beverages và Phó Chủ tịch Bộ phận Chiến lược Doanh nghiệp và M&A tại Carlsberg Breweries A/S. Từ khi giữ chức vụ quản lý điều hành, Lars có kinh nghiệm chuyên sâu về các thị trường mới, hoạch định chiến lược, phát triển doanh nghiệp, phát triển hoạt động và tái cơ cấu và M&A.

■ Ông Dominic Edward Salter Price, Thành viên

Ông Dominic Price là Chuyên viên Tư vấn Cấp cao cho J.P. Morgan trên các thị trường sơ khai Châu Á kể từ sau khi rời khỏi vị trí toàn thời gian tại J.P. Morgan vào cuối năm 2012.

Ông Dominic gia nhập J.P. Morgan đầu tiên tại Luân Đôn vào năm 1988 và trong thời gian làm việc cho J.P. Morgan, ông làm việc tại Vương quốc Anh, Singapore, Ấn Độ và Việt Nam ở nhiều cương vị trong mảng giao dịch và ngân hàng đầu tư cũng như làm Giám đốc toàn quốc của J.P. Morgan ở Việt Nam và Ấn Độ.

Ông Dominic khởi đầu sự nghiệp ngân hàng cùng với ngân hàng Standard Chartered ở Luân Đôn khi làm việc trong mảng dịch vụ kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển chiến lược, và mảng ngân hàng thương nhân của họ. Ông đã làm việc trong lĩnh vực kinh doanh trái phiếu tại Credit Suisse First Boston ở Luân Đôn và Tokyo, và ông cũng phụ trách bộ phận Tín dụng khu vực Châu Á và kinh doanh tiền tệ địa tại Singapore cho Paribas Capital Markets.

Chủ tịch đóng vai trò lãnh đạo quan trọng và tham gia:

- Chủ trì các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và đóng vai trò lãnh đạo hiệu quả;
- Duy trì đối thoại với Ban Điều hành và chỉ đạo chiến lược phù hợp;
- Giám sát hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị; và
- Là đại sứ cho Tập đoàn, bao gồm chủ trì Đại Hội Cổ Đông và xử lý các vấn đề liên quan đến cộng đồng và giữ quan hệ với những cổ đông lớn.

Hội đồng Quản trị có trách nhiệm vạch ra phương hướng, chiến lược và mục tiêu tài chính của Tập đoàn, và giám sát sự tiến triển của những vấn đề này. Hội đồng Quản trị hiện không thành lập các tiểu ban riêng.

Các thành viên không điều hành thường xuyên trao đổi với Ban Điều hành để nắm được diễn biến và hiệu quả hoạt động của Tập đoàn.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, TS. Nguyễn Đăng Quang, ông Hồ Hùng Anh, ông Nguyễn Thiệu Nam, bà Nguyễn Hoàng Yến và ông Lars Kjaer lần lượt nắm giữ vị trí trong Hội đồng Quản trị của bốn, ba, sáu, năm và ba công ty khác tương ứng.

Họp Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị thường xuyên họp để thảo luận về phương hướng, chiến lược và tiến độ phát triển kinh doanh. Thông thường, các chủ đề tại cuộc họp Hội đồng Quản trị bao gồm:

- Báo cáo về những dự án lớn và những vấn đề trong hoạt động kinh doanh hiện tại;
- Báo cáo kết quả kinh doanh và quản trị doanh nghiệp;
- Trình bày những dự án kinh doanh cụ thể; và
- Các vấn đề của các cuộc họp trước và những vấn đề còn tồn đọng.

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2015, các thành viên Hội đồng Quản trị phần lớn tập trung việc thảo luận và thông qua những vấn đề sau:

- Đơn giản hóa cấu trúc vốn và cấu trúc doanh nghiệp của công ty nhằm tập trung nhiều hơn vào các mảng kinh doanh liên quan đến tiêu dùng;
- Tăng cường quản trị doanh nghiệp và nâng cao tính minh bạch;
- Triển khai các giao dịch khác của Masan Group và các công ty con;
- Quyết định kế hoạch phát triển kinh doanh và lập dự toán ngân sách hàng năm cho các công ty thành viên; và
- Huy động vốn.

Trong năm qua không có cuộc họp riêng biệt nào dành cho các thành viên không điều hành. Các phê chuẩn của Hội đồng Quản trị có sự tham gia của tất cả các thành viên.

BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành chịu trách nhiệm thực thi kế hoạch phát triển kinh doanh của Masan Group và báo cáo kết quả kinh doanh. Tổng Giám đốc Điều hành lãnh đạo Ban Điều hành.

Hiện nay, Ban Điều hành gồm có 4 thành viên điều hành cao cấp nhất của Masan Group, Tổng Giám đốc Điều hành, 3 Phó Tổng Giám đốc Điều hành và Kế toán trưởng. Thành viên của Ban Điều hành bao gồm:

- TS. Nguyễn Quang Đăng – Tổng Giám đốc Điều hành
Để xem thông tin, tham khảo phần Hội đồng Quản trị

- Ông Nguyễn Thiệu Nam - Phó Tổng Giám đốc Điều hành
Để xem thông tin, tham khảo phần Hội đồng Quản trị

- Ông Michael Hưng Nguyễn - Phó Tổng Giám đốc Điều hành và Giám đốc Tài chính
Ông Michael Hưng Nguyễn phụ trách mảng tài chính, thuế, quan hệ đầu tư và truyền thông doanh nghiệp của Masan Group. Ông đã xây dựng nền tảng thực hiện giao dịch và hoạt động kinh doanh của Công ty để hỗ trợ các công ty con và sự phát triển của Công ty trong các lĩnh vực mới. Ông đã tham gia từ đầu quá trình chuyển đổi Masan từ một công ty thực phẩm thành một Tập đoàn tư nhân hàng đầu qua việc huy động hơn 2 tỷ USD vốn cho công ty và lãnh đạo một số thương vụ mua bán doanh nghiệp quan trọng.

Trước khi gia nhập Masan Group, ông Michael đã hỗ trợ xây dựng nhóm thực thi ngân hàng đầu tư tại Việt Nam của J.P. Morgan và làm việc trong lĩnh vực M&A, thị trường vốn và các giao dịch tư nhân với các khách hàng tài chính, bất động sản và khách hàng tiêu dùng. Trước khi đến Việt Nam, ông Michael đã tư vấn và cung cấp các giải pháp cho nhiều khách hàng quốc tế tại J.P. Morgan New York.

Ông Michael tốt nghiệp Đại học Harvard, Mỹ.

- Ông Seokhee Won – Phó Tổng Giám đốc Điều hành
Ông Seokhee Won là Phó Tổng Giám đốc Điều hành của Masan Group, Tổng Giám đốc Điều hành và thành viên Hội đồng Quản trị của Masan Consumer. Ông Seokhee là một nhà quản lý điều hành dày dặn kinh nghiệm với 22 năm kinh nghiệm tại công ty hàng tiêu dùng toàn cầu, Unilever. Gần đây nhất, ông giữ cương vị Phó Chủ tịch Cấp cao, chịu trách nhiệm về các hoạt động kinh doanh sản phẩm chăm sóc da của Unilever tại khu vực Châu Á và nhãn hiệu Ponds trên toàn cầu. Kinh nghiệm của ông Seokhee bao gồm quản lý cấp cao trong các hoạt động kinh doanh của Unilever tại Trung Quốc, Nam Phi, Thái Lan, Hàn Quốc và Việt Nam. Ông đã làm việc tám năm tại Unilever Việt Nam (1997-2005) với cương vị Giám đốc Marketing, sau đó là Phó Chủ tịch. Trong thời gian đó ông chịu trách nhiệm về toàn bộ danh mục sản phẩm chăm sóc cá nhân của Unilever.

Ông tốt nghiệp Đại học Notre Dame.

- Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên – Kế toán trưởng
Bà Duyên từng làm việc cho KPMG Việt Nam. Bà tốt nghiệp Đại học Kinh tế Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, chi tiết về việc sở hữu cổ phiếu Masan Group của các thành viên Ban Điều hành như sau:

Ban Điều hành	Vị trí	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
TS. Nguyễn Đăng Quang	Tổng Giám đốc Điều hành	10	0,00
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Phó Tổng Giám đốc Điều hành	5.206.229	0,69
Ông Michael Hưng Nguyễn	Phó Tổng Giám đốc Điều hành	850.700	0,11
Ông Seokhee Won	Phó Tổng Giám đốc Điều hành	0	0,00
Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên	Kế toán trưởng	17.096	0,00
Tổng số cổ phần đang lưu hành		746.717.861	100,00

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát được bầu bởi Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Ban Kiểm soát bao gồm các thành viên sau đây:

- Ông Nguyễn Quỳnh Lâm - Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Lâm có hơn 20 năm kinh nghiệm trong các vị trí quản lý và kế toán. Trước đây, ông làm việc cho Công ty Cổ phần Đa My và Công ty Cổ phần Thương mại La Giang. Ông tốt nghiệp Đại học Mô Địa chất, Hà Nội, Việt Nam.
- Ông Phạm Đình Toại - Thành viên
Ông Toại gia nhập Masan Consumer năm 2009 và hiện là Phó Tổng Giám đốc Điều hành và Giám đốc Tài chính. Trước khi gia nhập Masan Consumer, ông là Giám đốc Phân tích Tài chính tại Unilever Việt Nam từ năm 2002 đến 2005 và Giám đốc Tài chính và Kế toán tại Unilever Việt Nam từ năm 2005 đến 2009.

Ông Toại đã tốt nghiệp Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp và Kế toán tại Trường Đại học Tài chính và Kế toán Việt Nam. Ông cũng tốt nghiệp Cử nhân Công nghệ Thông tin, Đại học Sư phạm Kỹ thuật tại Việt Nam.

- Ông Vũ Dũng – Thành viên
Ông Vũ Dũng là Luật sư thành viên tại YKVN, ông chịu trách nhiệm về các lĩnh vực ngân hàng và tài chính, thị trường vốn và các vấn đề doanh nghiệp. Khách hàng chính của ông bao gồm các ngân hàng nhà nước và ngân hàng quốc tế cũng như các quỹ đầu tư tư nhân trong nước và quốc tế đang hoạt động tại Việt Nam. Ông Dũng đã lãnh đạo thực hiện nhiều giao dịch cấp vốn đối với tài sản quan trọng, đặc biệt cấp vốn hàng không và cấp vốn dự án, cụ thể là cấp vốn cơ sở hạ tầng. Dũng cũng chịu trách nhiệm về các giao dịch lớn trên thị trường vốn chủ sở hữu và nợ trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, các tập đoàn đa quốc gia và công ty có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thường xuyên tham vấn ông về các vấn đề doanh nghiệp, thương mại và thuế.

Ông Dũng được IFLR1000 xếp hạng là một Luật sư Hàng đầu trong lĩnh vực ngân hàng và tài chính (2011-2012-2013). Ông đã được mô tả như một “siêu sao” mới (Legal 500, 2010-2011), một người ngày càng nổi bật và có kỹ năng làm việc tốt” (Chambers Asia, 2009). Ông đã được ghi nhận về “sự nhạy bén kinh doanh cao và các giải pháp thực hành hợp pháp” (Chambers Asia, 2009), cũng như cung cấp “các dịch vụ cao cấp”. Một trong các ấn phẩm mà ông là đồng tác giả là chương về Việt Nam của Niên Giám Ngân Hàng 2004 (International Financial Law Review, 2004). Ông cũng đã viết nhiều bài báo về luật tài chính ngân hàng trên tuần báo Vietnam Investment Review và Vietnam Economic Times.

Ông Vũ Dũng tốt nghiệp Đại học Quốc gia Hà Nội (chuyên ngành Luật) và Đại học Ngoại ngữ Hà Nội (chuyên ngành tiếng Anh), Việt Nam.

- Ông Đặng Ngọc Cả - Thành viên
Ông Cả trước đây làm việc cho Allens Arthur Robinson và Luật Việt. Ông tốt nghiệp trường Đại học Luật Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, chi tiết về việc sở hữu cổ phiếu Công ty của các thành viên Ban Kiểm soát như sau:

Thành viên Ban Kiểm soát	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Quỳnh Lâm	50.000	0,00%
Ông Phạm Đình Toại	33.000	0,00%
Ông Vũ Dũng	0	0,00%
Ông Đặng Ngọc Cả	19.467	0,00%
Tổng số cổ phần đang lưu hành	746.717.861	100,0%

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành trong việc tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị doanh nghiệp nội bộ của Masan Group và pháp luật Việt Nam. Đặc biệt, Ban Kiểm soát tham gia vào các cuộc họp thường kỳ và bất thường của Hội đồng Quản trị và Đại Hội Cổ Đông.

Quy chế Quản trị Doanh nghiệp nội bộ

Quy chế quản trị doanh nghiệp nội bộ của Masan Group đã được phê duyệt bởi Đại Hội Cổ Đông tổ chức ngày 9 tháng 10 năm 2009.

Mục tiêu của Quy chế quản trị doanh nghiệp nội bộ là:

- Đảm bảo một kế hoạch quản trị doanh nghiệp hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đảm bảo quyền bình đẳng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo các giao dịch của các bên liên quan được thực hiện trên cơ sở các điều kiện thị trường;
- Nâng cao tính minh bạch; và
- Giúp cho hoạt động quản lý của Hội đồng Quản trị và kiểm soát của Ban Kiểm soát đạt hiệu quả.

Quy chế quản trị doanh nghiệp nội bộ quy định trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng Quản trị, thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát.

Mười trên tổng số mười ba thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát có chuyên môn và có kinh nghiệm liên quan đến quản trị doanh nghiệp.

Như được nêu trong Báo cáo Thường niên 2013, Tập đoàn đã thực hiện các biện pháp nhất định để tăng cường nền tảng tuân thủ và quản lý trong năm 2014 và 2015.

Nhóm Tư vấn nâng cao Quản lý Doanh nghiệp của Masan Group (“Nhóm Tư vấn”) đã được thành lập để thực hiện các nhiệm vụ được quy định trong Điều 2, Quyết định số 137/2014/QĐ-TGĐ ngày 07/8/2014 của Tổng Giám đốc Điều hành. Nhóm Tư vấn do Ông

Dominic Price, một thành viên Hội đồng Quản trị độc lập đứng đầu và bao gồm hai thành viên khác là Ông Vũ Dũng, một thành viên độc lập của Ban Kiểm soát và Ông Michael Hưng Nguyễn, Phó Tổng Giám đốc Điều hành của Masan Group.

Cuộc họp đầu tiên của Nhóm Tư vấn đã đánh giá các nhiệm vụ do Tổng Giám đốc Điều hành đặt ra bao gồm:

- Đánh giá hoạt động quản trị doanh nghiệp của MSN dựa trên các quy định hiện hành của Việt Nam và các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp quốc tế.
- Tư vấn và đưa ra đề xuất cho Tổng Giám đốc Điều hành của MSN các biện pháp và kế hoạch hành động để tăng cường quản trị doanh nghiệp của MSN, bao gồm các vấn đề cần được phê duyệt bởi Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội đồng Quản trị của MSN: được thực hiện sau Bước 1 nêu trên.
- Rà soát và hỗ trợ xây dựng các chính sách để nâng cao vấn đề truyền thông doanh nghiệp và các vấn đề phân bổ tài chính và vốn: Nhóm Tư vấn sẽ hỗ trợ việc xây dựng các chính sách sau: ESOP; tài trợ bằng vay nợ; quản lý tiền mặt; M&A; và giao dịch mua bán chứng khoán của nhân viên.
- Hỗ trợ chuẩn bị cho các nhiệm kỳ tiếp theo của Nhóm Tư vấn, nếu được gia hạn, để đánh giá nền tảng tuân thủ và công bố thông tin doanh nghiệp của Công ty cho các bước nâng cao tiếp theo: hoàn thành sau các bước 1, 2 và 3 trên đây.

Tính đến ngày 31/12/2015, Nhóm Tư vấn đã thực hiện thành công một số chính sách nội bộ để cải thiện các hoạt động quản trị rủi ro của Tập đoàn như Chính sách ESOP và Chính sách Quản lý Tiền mặt. Nhóm Tư vấn cũng có, làm việc với một công ty luật của bên thứ ba, giúp cho Hội đồng quản trị xem xét lại các thông lệ quản trị doanh nghiệp của Tập đoàn, để xác nhận rằng Tập đoàn thực hiện đúng với các quy định của Việt Nam nhưng phải đạt được các tiêu chuẩn cao hơn thông qua việc thiết lập các phòng ban để hỗ trợ Ban Điều hành trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Các phòng ban đó bao gồm tiểu ban đưa ra chiến lược phát triển, phòng ban nhân sự, phòng ban lương thưởng và đặc biệt các phòng ban khác theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Ngoài ra, Nhóm Tư vấn đã đề nghị với Hội đồng quản trị cần có thêm một thành viên độc lập. Nhóm Tư vấn đã đồng ý gia hạn thời hạn để có thêm thời gian hoàn thành đúng phạm vi công việc chính được nêu trên đây và để tư vấn về việc thực hiện các khuyến nghị của mình cho Hội đồng Quản trị.

THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Masan Group đang xây dựng các chính sách về thù lao cho các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Thù lao của Ban

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Điều hành bao gồm một khoản cố định và một khoản biến đổi.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ của Masan Group là 7.467.178.610.000 đồng.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TÍNH ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành và loại cổ phần của Masan Group: 746.717.861 cổ phần phổ thông.

Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 746.717.861 cổ phần.

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

Cơ cấu Cổ đông:

Tính theo tỷ lệ sở hữu:

- Cổ đông lớn bao gồm:

STT	Cổ đông	Cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Ma San	242.921.247	32,53%
2	Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Hoa Hướng Dương	99.817.804	13,37%
3	Orchid Capital Investments Pte. Ltd.	47.777.719	6,40%
4	Private Equity New Markets II K/S	43.011.218	5,76%
Tổng cộng		433.527.988	58,06%

- Số lượng cổ phần do các cổ đông khác nắm giữ: 313.189.873, tương ứng với 41,94%

Tính trên cơ sở cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân: Vào ngày 31/12/2015, Masan Group có 2.145 cổ đông, trong đó có 1.999 cổ đông cá nhân nắm giữ 129.498.775 cổ phần tương ứng với 17,34%; và 146 cổ đông tổ chức nắm giữ 617.219.086 cổ phần tương ứng với 82,66%.

Tính trên cơ sở cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài: Vào ngày 31/12/2015, Masan Group có 1.814 cổ đông trong nước nắm giữ 509.586.695 cổ phần tương ứng với 68,24%; và 331 cổ đông nước ngoài nắm giữ 237.131.166 cổ phần tương ứng với 31,76%.

Thay đổi vốn điều lệ

Trong năm 2015, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 7.358.081.400.000 đồng lên 7.467.178.610.000 đồng. Tổng số cổ phần mới được phát hành theo chương trình ESOP.

Masan Group không có cổ phiếu quỹ.

Công ty Cổ phần Masan

Công ty Cổ phần Ma San (Masan Corporation) được thành lập vào ngày 13 tháng 9 năm 2000. Hoạt động đăng ký kinh doanh bao gồm nghiên cứu thị trường và xúc tiến thương mại, tư vấn đầu tư, quản lý và chuyển giao công nghệ, xây dựng và quản lý các dự án đầu tư, cho thuê văn phòng và kinh doanh bất động sản.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xây dựng Hoa Hướng Dương

Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Hoa Hướng Dương được thành lập vào ngày 10 tháng 8 năm 2009. Hoạt động đăng ký kinh doanh bao gồm: xây dựng công trình dân dụng, mua bán vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị ngành xây dựng, khai khoáng, đại lý ký gửi hàng hóa, nghiên cứu thị trường, xúc tiến thương mại, hoạt động tư vấn quản lý và tư vấn đầu tư (trừ tư vấn kế toán, tài chính).

Cổ đông lớn nước ngoài

Các cổ đông lớn là các tổ chức lớn nước ngoài gồm Private Equity New Markets II K/S (PENM Partners), các quỹ đầu tư do Orchid Capital Investments Pte. Ltd. (Clermont Group, trước đây tên là Chandler Corporation) quản lý.

Private Equity New Markets II K/S (PENM Partners, trước đây do BankInvest quản lý)

PENM Partners là một công ty quản lý quỹ độc lập và cho đến năm 2012 vẫn còn là một phần của BankInvest Group - một trong những quỹ quản lý tài sản lớn nhất vùng Scandinavia. PENM Partners được thành lập năm 2006 và đứng ra quản lý quỹ PENM tại Việt Nam (một Quỹ đầu tư vốn tư nhân vào những thị trường mới nổi). PENM Partners cung cấp vốn và bí quyết kinh doanh cho các công ty được đầu tư. Hiện tại, PENM Partners quản lý ba quỹ PENM với tổng tài sản khoảng 400 triệu đô la Mỹ.

Orchid Capital Investments Pte. Ltd. (Chandler Corporation)

Chandler Corporation là một tập đoàn đầu tư tư nhân trị giá nhiều tỷ đô la được thành lập bởi doanh nhân Richard Chandler người New Zealand. Từ năm 1986, công ty đã đầu tư vào vốn chủ sở hữu công và tư nhân trong nhiều ngành khác nhau trên toàn cầu, bao gồm năng lượng, dịch vụ tài chính, hàng tiêu dùng và chăm sóc sức khỏe.

TỶ LỆ SỞ HỮU VÀ SỰ THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2015

	31/12/2015	31/12/2014	Tăng/Giảm
TS. Nguyễn Đăng Quang, Chủ tịch	0,00%	0,00%	0,00%
Ông Hồ Hùng Anh, Thành viên	0,00%	0,00%	0,00%
Ông Nguyễn Thiệu Nam, Thành viên	0,69%	0,29%	0,40%
Bà Nguyễn Hoàng Yến, Thành viên	3,51%	3,56%	-0,05%
Ông Lars Kjaer, Thành viên	0,00%	0,00%	0,00%
Ông Dominic Edward Salter Price, Thành viên	0,00%	0,00%	0,00%

THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CÁC CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Trong năm 2015 có giao dịch cổ phiếu Masan Group được thực hiện bởi cổ đông nội bộ. Bảng dưới đây liệt kê các giao dịch này:

STT	Cổ đông nội bộ và người có liên quan	Số cổ phần sở hữu vào ngày 1/1/2015		Số cổ phần sở hữu vào ngày 31/12/2015		Lý do tăng, giảm (chuyển nhượng, mua, chuyển đổi...)
		Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ	
1	Đặng Ngọc Cả	24.490	0,00%	19.467 ¹	0,00%	Chuyển nhượng
2	Đoàn Thị Mỹ Duyên	50.000	0,01%	17.096 ²	0,00%	Chuyển nhượng
3	Orchid Capital Investments Pte. Ltd.	77.079.384	10,48%	47.777.719	6,4%	Chuyển nhượng

¹ Số liệu này bao gồm các cổ phần mới phát hành theo chương trình ESOP.

² Số liệu này bao gồm các cổ phần mới phát hành theo chương trình ESOP.

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Vào ngày 31/12/2015

Vốn điều lệ (tỷ đồng)	7.467
Giá cổ phiếu (đồng)	77.500
Giá cao nhất 52 tuần (đồng)	96.500
Giá thấp nhất 52 tuần (đồng)	68.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành (cổ phiếu)	746.717.861
Số lượng cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	746.717.861
Số lượng cổ phiếu ưu đãi (cổ phiếu)	0
Số cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	0
Tỷ lệ cổ tức/ thị giá (%)	N/A

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG BÁO CÁO

Tất cả các nhận định hoặc phát biểu trong quyển báo cáo này không phải là những dữ liệu ghi lại các sự kiện đã xảy ra, mà trong đó có bao hàm những “nhận định về tương lai”. Những nhận định này có thể có những từ ngữ như “dự đoán”, “tin tưởng”, “có thể”, “ước tính”, “dự kiến”, “dự phóng”, “kỳ vọng”, “dự định”, “kế hoạch”, “nhắm đến”, “sẽ” hoặc những từ ngữ tương tự. Tuy nhiên, đây không phải là những dấu hiệu duy nhất để xác định và nhận biết chúng. Toàn bộ các bài viết dự đoán về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh, kế hoạch và triển vọng đều được xem là những nhận định về tương lai. Ngoài ra, chúng còn bao gồm cả những bài viết về chiến lược kinh doanh, triển vọng doanh thu và lợi nhuận (bao gồm, nhưng không giới hạn những dự phóng hoặc dự báo về tài chính hoặc hoạt động kinh doanh), dự án đã lên kế hoạch và các vấn đề khác trong tài liệu này mà không phải là những dữ kiện đã xảy ra. Những nhận định về tương lai và dự báo được trình bày trong báo cáo cũng tùy thuộc vào những rủi ro xác định và không xác định, những bất trắc nhất định và các yếu tố khác vốn có thể khiến kết quả tài chính, hiệu quả kinh doanh hoặc thành tích thực tế hoàn toàn khác biệt so với những nhận định về tương lai hoặc dự báo đó.

Những nhận định về tương lai này dựa trên niềm tin và giả định được chúng tôi xây dựng từ những thông tin có sẵn. Chúng tôi hoạt động tích cực trong lĩnh vực xây dựng, mua lại và quản lý các doanh nghiệp hàng đầu trong một số lĩnh vực tăng trưởng nhanh nhất của nền kinh tế Việt Nam. Triển vọng của Masan Group chủ yếu dựa trên diễn giải của chúng tôi về các yếu tố kinh tế quan trọng có ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam, đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh và các doanh nghiệp của chúng tôi. Mặc dù chúng tôi tin rằng các giả định nền tảng của những nhận định về tương lai là hợp lý trong thời điểm hiện tại, nhưng bất kỳ giả định nào cũng đều có thể sai lệch trong thực tế khiến cho những nhận định về tương lai dựa trên giả định đó trở nên thiếu chính xác. Kết quả thực tế có thể sai biệt đáng kể so với những thông tin trong nhận định về tương lai do nhiều yếu tố, đa phần nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi. Do đó, các nhà đầu tư cần lưu ý không phụ thuộc quá nhiều vào những nhận định về tương lai được trình bày trong báo cáo này. Chúng chỉ có hiệu lực vào ngày lập báo cáo hoặc ngày tương ứng được nêu trong báo cáo, và Masan Group không có nghĩa vụ cập nhật hoặc sửa đổi công khai đối với bất kỳ nhận định nào, cho dù có xuất hiện những thông tin mới hoặc những sự kiện tương lai.

ĐỊNH NGHĨA THUẬT NGỮ/ TỪ VIẾT TẮT

ANCO	Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế
ATM	Máy giao dịch ngân hàng tự động ATM
Bia Phú Yên	Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Phú Yên
Cholimex	Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cholimex
Công ty Liên doanh	Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo - H.C. Starck
Công ty	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Dragon Capital	Tập đoàn Dragon Capital và các quỹ, các công ty của mình
ESOP	Chương trình Sở hữu cổ phần cho nhân viên
H.C. Starck	Tập đoàn H.C. Starck
HDQT	Hội đồng Quản trị
House Foods	Tập đoàn House Foods
IFC	Công ty Tài chính Quốc tế
Inland ASEAN	Khu vực địa lý bao gồm các nước Việt Nam, Thái Lan, Myanmar, Cambodia và Lào
KKR	Kohlberg Kravis Roberts & Co. L.P., các chi nhánh và/hoặc các quỹ đầu tư do KKR quản lý
M&A	Mua bán và sáp nhập doanh nghiệp
Masan	Thuật ngữ chung nói về công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San, bao gồm công ty MasanConsumerHoldings, công ty Hàng tiêu dùng Masan, công ty Tài nguyên Ma San, ngân hàng Techcombank và các công ty con
Masan Beverage, MSB	Công ty TNHH Masan Beverage
Masan Brewery, MB	Công ty TNHH Masan Brewery
Masan Consumer, MSC	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Masan Consumer Holding MCH	Công ty TNHH MasanComsunmerHoldings
Masan Group	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Masan Horizon, MH	Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan
Masan Nutri-Science, MNS	Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science

Masan Resources, MR
MNC
Mount Kellett
NHNN
Núi Pháo

Nước khoáng Quảng Ninh
Proconco
Pro forma
Protein
R&D
R.F.Chandler
Singha
SME
Tài Nguyên Masan Thái Nguyên
Tập đoàn
Techcombank hoặc TCB
TNHH
Tp.
TP.HCM
TSCĐ
TPG
TPP
TS.
UPCoM

USD
USGS
Vinacafe Biên Hòa
Vinacafé
Vĩnh Hảo
VNĐ
WTO

Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San
Công ty đa quốc gia
Công ty quản lý quỹ Mount Kellett
Ngân hàng nhà nước Việt Nam
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo, được tái cấu trúc từ Công ty TNHH Liên doanh Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo sau thương vụ mua lại dự án Núi Pháo
Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Công ty Cổ phần Thức ăn Gia súc Việt Pháp
Giả định
Đạm
Nghiên cứu và phát triển
Công ty quản lý quỹ R.F. Chandler
Công ty Singha Asia Holdings
Doanh nghiệp vừa và nhỏ
Công ty TNHH Một thành viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên
Masan Group
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam
Trách Nhiệm Hữu Hạn
Thành phố
Thành phố Hồ Chí Minh
Tài sản cố định
Tập đoàn Texas Pacific
Thỏa thuận Đối tác Xuyên Thái Bình Dương
Tiền sỹ
Thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết được tổ chức tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội
Đô la Mỹ
Cục Khảo sát Địa chất Hoa Kỳ
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa
Thương hiệu cà phê của Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa
Công ty cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Đồng Việt Nam
Tổ chức Thương mại Thế giới

